

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP DĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐAM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ THÁI DƯƠNG

(Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 13/07/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/10/2016)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 186/QĐ-SGDHCM do SGDCK TP. HCM
Cấp ngày 06 tháng 06 năm 2017)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ THÁI DƯƠNG

Địa chỉ: Lô D1, KCN Đình Trám, Xã Hoàng Ninh, H. Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.2244900; 090.4037383

Fax: 0240.3661311

Email: thaiduonggas@gmail.com

Website: <http://thaiduongpetrol.vn/>

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Grand Building, 30 - 32 Hòa Mã, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 04.3941 0277

Fax: 04.3941 0323

Website: www.chungkhoananphat.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Lê Minh Hiếu

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0909 987 987

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ THÁI DƯƠNG

(Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 13/07/2005 và Giấy đăng ký chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số 2400345718 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/10/2016)

Địa chỉ: Lô D1, KCN Đình Trám, Xã Hoàng Ninh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.2244900; 0904037383

Fax: 0240.3661311

Email: thaiduonggas@gmail.com

Website: <http://thaiduongpetrol.vn/>



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	TDG
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	12.900.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết: (theo mệnh giá)	129.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)

Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Center Building HAPULICO Complex, Số 1
Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

Số điện thoại : 04.6664 2777 Fax: 04.6664 3777

Website : www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Trụ sở chính : Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng
Mai, TP Hà Nội

Số điện thoại : 043.974.5080/81/82 Fax: 043.974.5083

Website : www.cpahanoi.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà Grand Building, 30 -32 Hòa Mã, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại : 04.3941 0277 Fax: 04.3941 0323

Website : www.chungkhoananphat.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro về kinh tế	1
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	1
1.2. Lạm phát	3
1.3. Lãi suất.....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	5
3. Rủi ro đặc thù.....	5
3.1. Rủi ro đặc thù ngành	5
3.2. Rủi ro vận hành của công ty	7
3.3. Rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực ngành Gas – Khí hóa lỏng	8
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	8
5. Rủi ro khác.....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết	12
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	14
1.3. Quá trình tăng vốn	17
2. Cơ cấu tổ chức của công ty.....	28
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	29
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông	35
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần.....	35
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập.....	35

4.3. Cơ cấu cổ đông	36
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Dầu khí Thái Dương đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	36
6. Hoạt động kinh doanh.....	36
6.1. Các sản phẩm kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	36
6.2. Nguyên vật liệu	38
6.3. Chi phí sản xuất	40
6.4. Trình độ công nghệ	45
6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	47
6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	47
6.7. Hoạt động marketing.....	51
6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	54
6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết.....	55
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	57
7.1. Tóm tắt 1 số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất.....	57
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	60
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	60
8.1. Vị thế của công ty trong ngành	60
8.2. Triển vọng phát triển ngành	62
8.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh với các doanh nghiệp cùng ngành	66
8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	67
9. Chính sách đối với người lao động.....	69
10. Chính sách cổ tức.....	72
11. Tình hình hoạt động tài chính	73
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	73

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	79
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	83
12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT	83
12.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát	90
12.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc	95
12.4. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng	97
13. Tài sản.....	98
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	101
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	105
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	106
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	106
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	106
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	106
2. Mệnh giá: 10.000 đồng	106
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 12.900.000 cổ phiếu	106
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:	106
5. Xếp hạng tín nhiệm.....	110
6. Phương pháp tính giá.....	110
6.1. Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách.....	110
6.2. Định giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/B (chỉ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần).....	110
6.3. Định giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/E (chỉ số giá cổ phiếu trên thu nhập của mỗi cổ phần).	111
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)	112
8. Các loại thuế có liên quan.....	113

8.1. Thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	113
8.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	113
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	115
VII. PHỤ LỤC.....	116
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp	116
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết	116
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết	116
4. Phụ lục IV: Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và năm 2016	116

DANH MỤC BẢNG



Bảng 1.	Quá trình 7 lần tăng vốn	17
Bảng 2.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	35
Bảng 3.	Danh sách cổ đông sáng lập.....	35
Bảng 4.	Cơ cấu cổ đông CTCP Dầu khí Thái Dương tại ngày 20/01/2017	36
Bảng 5.	Doanh thu sản phẩm dịch vụ năm 2015 và năm 2016.....	37
Bảng 6.	Lợi nhuận gộp năm 2015 và năm 2016	38
Bảng 7.	Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty.....	39
Bảng 8.	Chi phí sản xuất năm 2015 và năm 2016.....	40
Bảng 9.	Chi phí của các công ty trong ngành năm 2016.....	44
Bảng 10.	Tỷ lệ chi phí trên doanh thu của một số công ty trong cùng ngành năm 2016.....	44
Bảng 11.	Chủng loại máy móc phục vụ hoạt động sản xuất	45
Bảng 12.	Quy trình kiểm tra chất lượng sang chiết nạp LPG	48
Bảng 13.	Quy trình kiểm tra chất lượng nước uống tinh khiết	49
Bảng 14.	Doanh thu và thị phần 2015-2016 của TDG.....	51
Bảng 15.	Các hợp đồng mua, bán hàng có giá trị lớn của Thái Dương	55
Bảng 16.	Tiến độ thực hiện các hợp đồng mua, bán hàng hóa của CTCP Dầu khí Thái Dương.....	56
Bảng 17.	Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	57
Bảng 18.	Bảng điều chỉnh số liệu so sánh trên BCTC đã kiểm toán năm 2016	59
Bảng 19.	Giá CP trung bình của LPG trên thế giới giai đoạn 2011 – 2016.....	62
Bảng 20.	Giá LPG trên thế giới và tại Việt Nam năm 2016	64
Bảng 21.	So sánh Thái Dương Gas với một số công ty trong ngành năm 2016	66
Bảng 22.	Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty	69
Bảng 23.	Giá trị hàng tồn kho năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017	73
Bảng 24.	Số dư các khoản thuế phải nộp năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017	74
Bảng 25.	Tình hình trích khấu hao TSCĐ năm 2015 và 2016.....	75

Bảng 26. Tình hình phân bổ khấu hao TSCĐ trong Quý I năm 2017.....	75
Bảng 27. Tình hình dư nợ vay năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017.....	76
Bảng 28. Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 31/03/2017.....	76
Bảng 29. Tình hình công năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017.....	78
Bảng 30. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2015 và 2016.....	79
Bảng 31. Danh sách các thành viên HĐQT.....	83
Bảng 32. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát.....	90
Bảng 33. Danh sách các thành viên Ban Giám đốc.....	95
Bảng 34. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2016.....	98
Bảng 35. Danh mục tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016.....	99
Bảng 36. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	101
Bảng 37. Dự kiến thu nhập cho một năm hợp tác kinh doanh.....	103
Bảng 38. Dự kiến lỗ, lãi cho một năm sản xuất kinh doanh.....	104
Bảng 39. Danh sách nắm giữ cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Thái Dương.....	107
Bảng 40. Giá trị sổ sách của cổ phiếu TDG tại các thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016.....	110
Bảng 41. Chỉ số P/E và P/B năm 2016 một số công ty ngành Dầu khí.....	111
Bảng 42. Giá cổ phiếu TDG bình quân gia quyền theo các phương pháp.....	112

DANH MỤC HÌNH



Biểu đồ 1.	Tăng trưởng GDP và chỉ số CPI của Việt Nam giai đoạn 2007 – 2016 và triển vọng 2017	1
Biểu đồ 2.	Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức CTCP Dầu khí Thái Dương	28
Biểu đồ 3.	Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của CTCP Dầu khí Thái Dương.....	29
Biểu đồ 4.	Tỷ lệ GVHB trên DT của TDG và một số công ty năm 2016.....	42
Biểu đồ 5.	Tỷ lệ chi phí tài chính/DT của TDG và một số công ty năm 2016	42
Biểu đồ 6.	Tỷ lệ CP bán hàng và QLDN trên DT của TDG và một số công ty năm 2016.....	43
Biểu đồ 7.	Tỷ lệ Tổng chi phí trên DT của TDG và một số công ty năm 2016	43
Biểu đồ 8.	Quy trình xử lý chất thải CTCP Dầu khí Thái Dương	50
Biểu đồ 9.	Cơ cấu doanh thu các thị trường hoạt động của CTCP Dầu khí Thái Dương năm 2015, 2016	52
Biểu đồ 10.	Thị phần Gas Thái Dương tại một số tỉnh	61
Biểu đồ 11.	Cơ cấu lao động của CTCP Dầu khí Thái Dương theo trình độ.....	70
Biểu đồ 12.	Cơ cấu lao động của CTCP Dầu khí Thái Dương theo giới tính.....	70
Biểu đồ 13.	Khả năng thanh toán của Thái Dương 2016 và ngành khí Gas bình quân 4 quý gần nhất	80
Biểu đồ 14.	Cơ cấu vốn của CTCP Dầu khí Thái Dương 2016 và ngành khí Gas 4 quý gần nhất	81
Biểu đồ 15.	Khả năng sinh lời của CTCP Dầu khí Thái Dương 2016 và ngành khí Gas 4 quý gần nhất	82

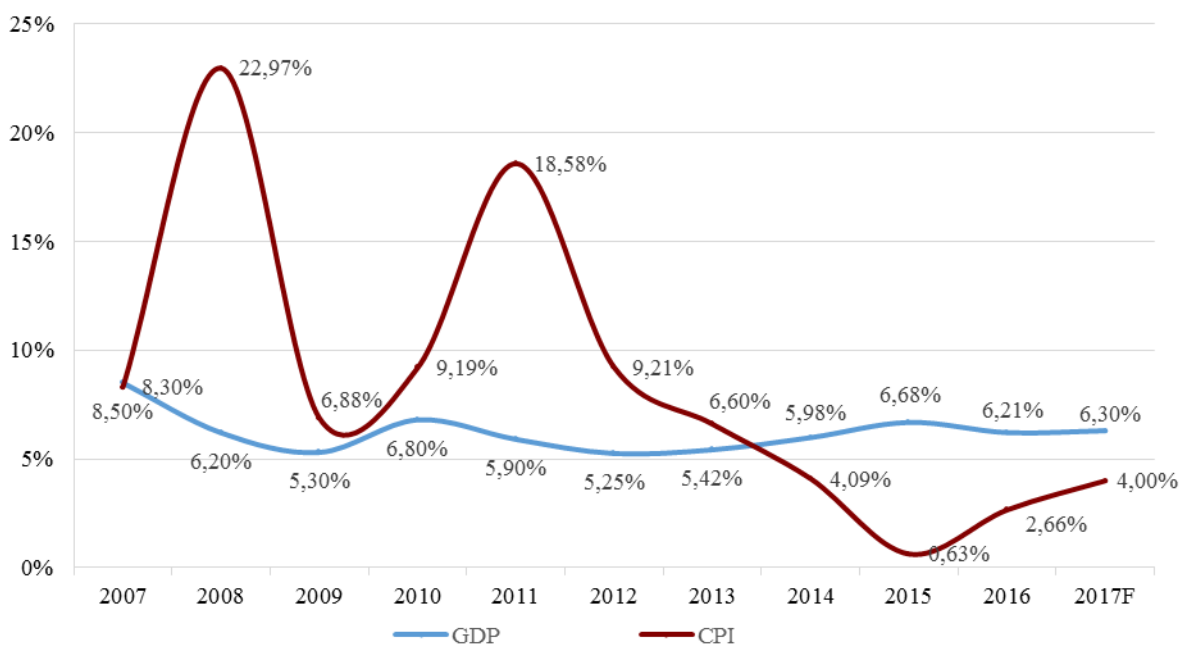
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Giá cả cổ phiếu niêm yết của công ty không chỉ phụ thuộc vào năng lực hoạt động, khả năng phát triển và mở rộng kinh doanh của công ty trong tương lai mà còn phụ thuộc rất nhiều vào tình hình chung của nền kinh tế trong và ngoài nước. Do đó, các rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới giá cổ phiếu của các công ty nói chung và của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương nói riêng.

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2016, nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng GDP đạt 6,21% (trong đó quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,56% và quý IV tăng 6,68%), thấp hơn mức 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Mức tăng trưởng này đã vượt dự đoán 6% mà Ngân hàng Thế giới đưa ra năm 2016, giúp Việt Nam đứng thứ 4 trong nhóm các quốc gia đang phát triển tại châu Á, sau Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines.



Biểu đồ 1. Tăng trưởng GDP và chỉ số CPI của Việt Nam giai đoạn 2007 – 2016 và triển vọng 2017

Nguồn: Tổng cục thống kê và dự báo của WB

Trong mức tăng 6,21% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57%, thấp hơn mức tăng 9,64% của năm trước, đóng góp 2,59 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,98%, đóng góp 2,67 điểm phần trăm.

Trước mức tăng trưởng chậm lại sau chuỗi tăng liên tiếp của giai đoạn 2012 – 2015, Tổng cục Thống kê cho biết, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai biến đổi và nền kinh tế toàn cầu không thuận lợi là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này. Điển hình, hạn hán ở vùng trồng cà phê Tây Nguyên, nhiễm mặn ở đồng lúa đồng bằng sông Mekong, giá rét ở miền Bắc và ngập lụt ở miền Trung đã làm giảm mức tăng trưởng ngành nông nghiệp xuống chỉ còn 1,36%. Trong năm, thiên tai đã gây thiệt hại 18,3 ngàn tỷ đồng (tương đương 813 triệu USD). Ngành khai khoáng của Việt Nam giảm 4% năm nay do giá than và dầu thô thế giới sụt giảm. Sự cố môi trường biển hồi tháng Tư do nhà máy sản xuất thép ở Hà Tĩnh, thuộc tập đoàn Formosa Đà Loan gây ra đã làm cạn kiệt nguồn cá và gây thiệt hại lớn cho ngành du lịch.

Tuy tăng trưởng chậm song Báo cáo tổng quan thị trường tài chính năm 2016 của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia (NFSC) nhận định điểm sáng trong điều hành chính sách vĩ mô 2016 là thực thi chính sách tiền tệ linh hoạt, nhân tố chủ đạo hỗ trợ cho doanh nghiệp, góp phần ổn định thị trường tài chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng vẫn đảm bảo lạm phát ổn định. Tổ chức này cũng nhận định, trong năm 2017 tới, tăng trưởng kinh tế sẽ được cải thiện khá nhờ cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, giá năng lượng và nông sản thế giới được dự báo phục hồi, tạo xung lực mới cho khu vực tư nhân. Khu vực này sẽ trở thành động lực chính của năm 2017. Chính vì vậy, tăng trưởng kinh tế năm 2017 có khả năng đạt mức 6,7%.

Một số tổ chức khác cũng đưa ra dự báo về mức tăng trưởng kinh tế 2017 của Việt Nam như: Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự đoán tăng trưởng của Việt Nam đạt 6,3%; Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho rằng Việt Nam chỉ có thể đạt 6,2%. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (NCIF) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra hai kịch bản dự báo tích cực về triển vọng nền kinh tế nhờ tác động từ những chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ thời gian qua: Theo kịch bản 1 (kịch bản cơ sở) với nhiều khả năng xảy ra hơn; trong đó, nền kinh tế tiếp tục được duy trì ổn định và tiếp đà phát triển, hiệu quả đầu tư trong nước tiếp tục cải thiện tăng trưởng kinh tế năm 2017 sẽ ở mức khoảng 6,44%, lạm phát khoảng 5%. Với kịch bản 2 (kịch bản cao), tăng trưởng kinh tế được dự báo khoảng 6,72% và lạm phát ở mức 6%.

Những biến động trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới tốc độ đầu tư và mức chi tiêu của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ khí gas cả trong công nghiệp và trong dân dụng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2. Lạm phát

CPI tháng 12/2016 tăng 4,74% so với tháng 12/2015, bình quân mỗi tháng tăng 0,4%. CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015. Mức tăng CPI tháng 12/2016 so với cùng kỳ năm 2015 và mức tăng CPI bình quân năm 2016 so với bình quân năm 2015 tăng cao hơn so với năm trước, nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây (Biểu đồ 1), đồng thời vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2016 so với cùng kỳ năm 2015 tăng chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Giá dịch vụ y tế tăng theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01/3/2016. Giá các mặt hàng dịch vụ y tế tăng 77,57% làm chỉ số CPI tăng khoảng 2,7%.

- Cả nước có 53 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều chỉnh tăng giá học phí theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ làm chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 12/2016 tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước (tác động làm CPI chung tăng khoảng 0,58%).

- Trong năm có nhiều kỳ nghỉ kéo dài nên nhu cầu mua sắm, vui chơi, giải trí tăng cao, giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng lên. Ngoài ra, thiên tai và thời tiết bất lợi, rét đậm rét hại trên diện rộng ở phía Bắc; mưa lũ, ngập lụt nghiêm trọng ở miền Trung; khô hạn ở Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng làm chỉ số giá nhóm lương thực tháng 12/2016 tăng 2,57% so với cùng kỳ năm 2015.

Năm 2017, nghị quyết của Quốc hội đã đề ra mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%. Tuy nhiên, Báo cáo diễn biến thị trường giá cả năm 2016 của Vụ thị trường trong nước (Bộ Công Thương) nhận định, năm 2017, chỉ số giá tiêu dùng bình quân sẽ chịu nhiều áp lực tăng từ giá thế giới, điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý và chính sách tiền tệ. Do đó, mục tiêu Quốc hội giao là khoảng 4% khó đạt được. Bên cạnh đó, việc đồng USD tăng giá và mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2017 tương đối cao là 6,7% sẽ tạo sức ép lên lạm phát trong năm tới. Báo cáo triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam do khối nghiên cứu của Ngân hàng HSBC mới công bố với thông điệp “Triển vọng thị trường Việt Nam: Nhiều lý do để phấn khởi” cũng đã dự báo, trong năm 2017, lạm phát của Việt Nam có thể sẽ dao động từ 4,4% đến 4,8% trong mỗi quý.

Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng đến chi phí đầu vào, sản xuất theo đó có khả năng bị đình trệ, các doanh nghiệp và người tiêu dùng sẽ tiết giảm chi phí, hoạt động của Công ty sẽ gặp khó khăn do sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận giảm.

1.3. Lãi suất

Nhìn lại năm 2016, mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ so với năm 2015 khoảng vài chục điểm cơ bản tùy từng kỳ hạn từ ngắn đến trung và dài hạn, trong đó có hai đợt điều chỉnh tương đối rõ vào quý I và cuối quý IV. Theo Báo cáo tình hình Kinh tế - xã hội 2016 của Tổng cục Thống kê, lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4%-7,2%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-7%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Nguyên nhân chính của việc tăng lãi suất trong quý I đến từ một số diễn biến của hệ thống ngân hàng kéo theo nhu cầu tăng cường huy động vốn. Có thể kể đến như tăng trưởng huy động (13,59% trong năm 2015) thấp hơn tăng trưởng tín dụng (17,3% trong năm 2015)¹ kéo theo tỷ lệ LDR (tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động) của một số ngân hàng tại thời điểm này ở mức khá cao. Ngoài ra, Thông tư 06 sửa đổi một số điều Thông tư 36 theo hướng thắt chặt hơn quy định về tỷ lệ vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn cũng ảnh hưởng tới mặt bằng lãi suất huy động trong quý I. Còn với đợt điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất vào cuối quý IV, ngoài cạnh tranh huy động vốn như kể trên, mặt bằng lãi suất huy động còn chịu thêm áp lực từ việc tỷ giá nóng lên sau bầu cử Mỹ và quyết định tăng lãi suất trong tháng 12 của FED và yếu tố mùa vụ với việc tăng trưởng tín dụng gia tốc về cuối năm.

Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất được dự báo sẽ tương đối ổn định và chỉ biến động nhẹ quanh mức cuối năm 2016, mức tăng nếu có sẽ không quá 50 điểm cơ bản (0,5%) và trần lãi suất 5,5%/năm đối với các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng nhiều khả năng sẽ được đảm bảo.

Tính đến 31/12/2016, Thái Dương có gần 48 tỷ vay và nợ thuê tài chính (chiếm khoảng 22%² tổng nguồn vốn), chủ yếu là khoản vay ngắn hạn của 2 ngân hàng: Agribank và Vietcombank, lãi tiền vay trong năm được ghi nhận trên 3 tỷ đồng. Do đó, những biến động về lãi suất sẽ có tác động đến chi phí lãi của những khoản vay hiện tại và kế hoạch huy động vốn vay tiếp theo trong tương lai của Công ty.

¹ Số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

² CTCP Dầu khí Thái Dương (2016), Báo cáo tài chính kiểm toán 2016.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động của Thái Dương chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, các quy định về Kế toán, thuế (hiện Công ty đang thực hiện dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG”³ – dự án được miễn thuế 2 năm đầu tiên (2016, 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo, cùng với các ưu đãi về thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuê đất,...) và các văn bản pháp luật có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh đặc thù của Công ty, điển hình là Nghị định 19/2016 NĐ-CP về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng có hiệu lực từ 15/05/2016, thay thế Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2009 có những điểm mới tác động đến các doanh nghiệp kinh doanh gas. Trong đó, đặc biệt là quy định mỗi công ty phân phối gas phải có đủ 100.000 bình gas loại 12 kg và bồn chứa tối thiểu 300m³, nới lỏng hạn định này đã hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ đủ điều kiện kinh doanh, tăng sức cạnh tranh trên thị trường gas.

Ngoài ra, khi niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty còn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng các nghị định, thông tư về công bố thông tin, quản trị công ty,... Việc công bố thông tin chậm trễ, sai lệch sẽ làm ảnh hưởng đến niềm tin của cổ đông, đối tác cũng như tới uy tín, thậm chí có thể vi phạm và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, tạo ra rủi ro không nhỏ về công bố thông tin.

Như vậy, những thay đổi trong pháp luật đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, trong khi đó, hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, Công ty cần thường xuyên cập nhật, theo dõi Luật và các văn bản dưới Luật liên quan, đồng thời phổ biến rộng rãi các quy định, văn bản Luật liên quan tới cán bộ nhân viên, thuê tư vấn pháp lý khi cần thiết.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro từ nguyên vật liệu đầu vào

Nguyên vật liệu đầu vào của CTCP Dầu khí Thái Dương bao gồm gas, sắt thép dùng để chế tạo vỏ bình gas và nguồn nước khai thác từ lòng đất, cụ thể:

³ CTCP Dầu khí Thái Dương (2016), Bản thông tin tóm tắt.

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là Gas Thái Dương nên giá nhập khẩu gas và giá mua từ các nhà cung cấp có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của công ty mặc dù đứng trước nhiều thuận lợi về thuế đối với mặt hàng. Do đó, giá thành sản xuất phụ thuộc rất lớn vào giá cả vật liệu đầu vào. Thông thường, giá cả nguyên vật liệu đầu vào chiếm 80 - 90% giá thành sản phẩm do Công ty sản xuất ra. Mặt khác giá xăng dầu thế giới liên tục biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gas. Công ty đã chủ động khắc phục tình trạng này bằng cách lập tổ chuyên trách theo dõi thị trường, dự báo giá gas, triển khai các dự án đầu tư xây dựng, có chính sách kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của giá gas, xây dựng các phương án, giải pháp giá khác nhau để kịp thời ứng phó với các biến động bất thường.

Cùng với kinh doanh khí gas, Công ty còn nhập sắt thép để gia công tạo vỏ bình gas, do đó cũng chịu những ảnh hưởng từ biến động giá sắt thép trên thế giới và trong thị trường Việt Nam, đồng thời có những tính toán hợp lý lượng vỏ bình gas lưu thông và vỏ bình gas cần dự trữ, từ đó tính toán thời điểm thích hợp để nhập sắt, thép, vừa đáp ứng được yêu cầu về số lượng vỏ bình tối thiểu theo quy định nhà nước, vừa tránh lãng phí, mất tiền đầu tư và lưu trữ số lượng vỏ bình quá lớn.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện khai thác nước dưới lòng đất để sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt và nước tinh khiết. Do đó, rủi ro về trữ lượng nước, về quy định cấp phép khai thác nước, tiêu chuẩn nước sạch, nước tinh khiết cũng là những vấn đề Công ty phải đối mặt.

Rủi ro về cháy nổ, rò rỉ khí gas và rủi ro trong vận chuyển.

Với đặc thù ngành khí, các rủi ro trong quá trình vận hành như hỏa hoạn, sự cố máy móc, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sét đánh, rò rỉ khí,... luôn tiềm ẩn trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối khí gas. Sự cố xảy ra sẽ gây thiệt hại về người, tài sản, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty với người lao động và với khách hàng. Do đó, Công ty luôn đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường, xây dựng quy trình quản lý chất lượng nguyên vật liệu cũng như các sản phẩm đầu ra, xây dựng hệ thống kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt và chuẩn mực. Đối với mỗi khâu trong quá trình sản xuất, Công ty đều thực hiện kiểm tra chất lượng, giám sát quá trình hoạt động. Đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty là đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực khí hóa lỏng, đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn cho người lao động trong Công ty về các quy định phòng cháy chữa cháy, tổ chức các buổi diễn tập để nâng cao sự hiểu biết và khả năng áp dụng vào thực tế. Thực hiện an toàn lao động lên

trên hết, xây dựng đầy đủ các phương án ứng cứu khẩn cấp và thực hiện công tác kiểm định, bảo dưỡng hệ thống, nhà máy thường xuyên, giúp duy trì hoạt động ổn định, liên tục.

Rủi ro chính trị và rủi ro địa chất

Thông thường, một công ty dầu khí bị tác động bởi một loạt những quy định giới hạn về địa điểm, thời gian và phương thức tiến hành khai thác, các luật lệ và quy định này cũng có thể khác nhau tùy từng khu vực. Nhiều mỏ dầu khí dễ khai thác đã được khai thác từ trước, hoặc đang trong quá trình khai thác. Việc thăm dò đã chuyển sang các khu vực đòi hỏi phải khoan xuống trong những môi trường kém “thân thiện” – như trên thềm lục địa ở giữa đại dương. Có một loạt các kỹ thuật khai thác dầu khí mới lạ độc đáo giúp lấy được các nguồn tài nguyên này ở những khu vực tưởng như không thể.

Hiện tại, tuy Thái Dương chưa tham gia vào giai đoạn khai thác, chỉ vận hành kinh doanh LPG song khi các rủi ro về chính trị và địa chất trên xảy ra, các công ty khai thác trực tiếp gặp khó khăn, sẽ tác động mạnh tới giá nguyên vật liệu đầu vào và mối quan hệ với các nhà cung cấp của Công ty. Do đó, tuy không trực tiếp song đây cũng là những rủi ro có sức ảnh hưởng tới ngành dầu khí.

3.2. Rủi ro vận hành của công ty

Cùng với các rủi ro đặc thù ngành, các rủi ro vận hành của riêng công ty gồm có:

Rủi ro về nhân sự và rủi ro về quy trình, quy chế: Sự thiếu hụt hoặc sai sót trong các quy trình chiết nạp gas, quy chế trong quản trị nội bộ sẽ làm ảnh hưởng đến tính thống nhất trong hoạt động của doanh nghiệp. Thường xuyên ban hành mới/sửa đổi và ban hành lại các quy chế, quy trình để phù hợp với thực tế như Điều lệ, Quy chế Tài chính, Quy chế Kinh doanh LPG, Chu trình kiểm tra, giám sát... sẽ là những giải pháp giúp Công ty hạn chế những tác động tiêu cực của rủi ro này. Đồng thời, Công ty cũng cần có đội ngũ nhân viên có năng lực và các nhân sự chủ chốt đủ khả năng vận hành bộ máy tổ chức của Công ty theo các quy trình, quy chế trên.

Rủi ro về công nghệ thông tin: là một công ty cổ phần, Công ty cần chú trọng nhiều hơn nữa đến hệ thống công nghệ thông tin. Đây là cầu nối quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập quan hệ với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác và các cổ đông. Hệ thống công nghệ thông tin không phù hợp, bị gián đoạn, không bảo mật vừa không đảm bảo các yếu tố trên, vừa là cơ hội để các đối thủ cạnh tranh xâm nhập, dẫn đến nguy cơ cạnh tranh không lành mạnh, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Các rủi ro hoạt động khác: Ngoài các rủi ro trên, tuy hiện tại chưa phải chịu nhiều tác động song Công ty vẫn cần chú ý quản trị các rủi ro này trong tương lai, đó là: rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản khi tăng cường huy động vốn từ nguồn vay nợ, rủi ro tín dụng khi khách hàng hoặc các đối tác không đáp ứng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng và cả rủi ro về khí hậu khi sự thay đổi khí hậu, các mùa trong năm ảnh hưởng đến sản lượng gas tiêu thụ, tác động đến cân đối cung – cầu gas trên thị trường. Duy trì tỷ lệ các khoản vay hợp lý, thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh khoản, duy trì chính sách tín dụng phù hợp và tăng cường công tác dự báo nhu cầu tiêu thụ sản phẩm là những giải pháp Công ty thực hiện để ứng phó với các rủi ro trên.

3.3. Rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực ngành Gas – Khí hóa lỏng

Công ty đang phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các công ty cung cấp gas bình trong nước, đặc biệt là các công ty đã có thương hiệu uy tín như Petrolimex, Petro Vietnam gas, Gia Định gas, Thăng Long gas trong thời gian tới. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến thị phần của Thái Dương còn bị hạn chế tại Bắc Giang, chưa xâm chiếm được các thị trường lớn hơn như Hà Nội, hay xa hơn là mở rộng xuống khu vực miền Trung và miền Nam.

Ngoài cạnh tranh khách hàng, Công ty còn đối mặt với sự cạnh tranh cao từ các nguồn nhiên liệu thay thế khác. Một số nguyên liệu thay thế như biomass, than đá,... có ưu thế về giá và nhận thức về vấn đề môi trường của khách hàng chưa cao. Hiện tại, giá thành của Biomass thấp hơn từ 40%-50% giá thành của LPG, song nhờ các ưu thế như sạch hơn, khí thải ít hơn than và nguồn cung ổn định hơn nên gas nói chung và Công ty nói riêng vẫn có khả năng cạnh tranh nhất định trên thị trường.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, các cổ đông của Công ty và Công ty sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu của Công ty. Ngoài tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty thì có nhiều yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu, ví dụ như tình hình kinh tế - xã hội nói chung, các ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, các sự kiện khác không lường trước được v.v... Sự biến động tiêu cực của giá cổ phiếu của Công ty có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín của Công ty cũng như có thể gây thiệt hại cho cổ đông. Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình Công bố thông tin, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 155/2015/TT-BTC quy định hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng

khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách về thuế, chính sách thu hút nhà đầu tư nước ngoài, ưu đãi đầu tư tại các địa bàn khó khăn, quy định về tiêu chuẩn môi trường, các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như chính sách tài khóa, tiền tệ... Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty như: chiến tranh, các hiện tượng thiên tai, thay đổi khí hậu, động đất... Các rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại đến tài sản của Công ty, làm giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm hay giảm sản lượng nguyên liệu đầu vào theo kế hoạch sản xuất của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức niêm yết

Ông: Võ Anh Thái	Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông: Lê Minh Hiếu	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Linh Hương	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Lương Hải Yến	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông : Trần Thiên Hà
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán An Phát tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

“**Công ty**”: Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương được thành lập theo (Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 13/07/2005 và Giấy đăng ký chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số 2400345718 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/10/2016).

“**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

“**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

“**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

“**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

“**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

“**Đại hội đồng cổ đông**” hoặc “**DHĐCĐ**”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

“**Hội đồng quản trị**” hoặc “**HDQT**”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

“**Ban kiểm soát**” hoặc “**BKS**”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

“**Ban Giám đốc**” hoặc “**BGD**”: Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

“**Vốn điều lệ**” hoặc **VĐL**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

“**Tổ chức niêm yết**” hoặc “**Tổ chức phát hành**”: Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

“**Tổ chức tư vấn**”: Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Công ty hoặc Thái Dương	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VCSH	Vốn chủ sở hữu
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
LNST	Lợi nhuận sau thuế
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
TP.	Thành phố
CMND	Chứng minh nhân dân
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
BCTC	Báo cáo tài chính
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
UBND	Ủy ban nhân dân

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ THÁI DƯƠNG**

Tên tiếng Anh: **THAIDUONG PETROL JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **THAI DUONG PETROL.,JSC**

Trụ sở chính: **Lô D1, KCN Đình Trám, Xã Hoàng Ninh, Huyện Việt Yên, T. Bắc Giang**

Điện thoại: **0240.2244 900**

Fax: **0240.3661 311**

Website: <http://thaiduongpetrol.vn/>

Email: thaiduonggas@gmail.com

Logo công ty:



Vốn điều lệ đăng ký: 129.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ đồng*)

Vốn điều lệ thực góp: 129.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ đồng*)

(Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 13/07/2005 và Giấy đăng ký chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số 2400345718 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/10/2016).

Hoạt động chính theo Giấy phép đăng ký kinh doanh

- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu;

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Vận tải hành khách bằng ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn quặng kim loại;
- Bán buôn thủy sản.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2005 với số vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, chiết nạp đóng bình gas; mua bán khí đốt hóa lỏng; dịch vụ sang nạp bình gas; sản xuất nước uống tinh khiết; mua bán vỏ bình, bồn chứa gas; và một số sản phẩm phụ khác. Quá trình hình thành và phát triển công ty được chia làm 3 giai đoạn chính, cụ thể như sau:

❖ Giai đoạn từ 2005 đến tháng 07/2007

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương chính thức đi vào hoạt động vào ngày 13 tháng 07 năm 2005, với số vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng.

Trong giai đoạn khởi đầu này, tuy còn gặp nhiều khó khăn do mới gia nhập thị trường khí hóa lỏng (LPG) cùng với những biến động của giá xăng dầu thế giới và trong nước nhưng Công ty đã nỗ lực sản xuất, hoạt động và đạt được một số thành tựu đáng kể. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trung bình đạt 30 tỷ đồng/năm, mặt hàng kinh doanh chính là Khí hóa lỏng (LPG) (tỷ trọng trên doanh thu khoảng 99%). Mới bước đầu đi vào hoạt động, tuy nhiên, Công ty đã có 160 tổng đại lý phân phối Gas Thái Dương trên hai địa bàn chính là tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh.

❖ Giai đoạn từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2011

Với bước đệm vững chắc từ những năm đầu tiên xây dựng, Công ty tiến hành mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường, để đáp ứng được những điều này, trong giai đoạn này, số vốn của công ty được tăng từ 2.000.000.000 đồng đến 22.000.000.000 đồng.

Một số thành tích đạt được trong giai đoạn này phải kể tới: doanh thu trung bình năm của công ty đã tăng từ 30 tỷ đồng/năm lên đến 73 tỷ đồng/năm và mặt hàng kinh doanh chính vẫn là Gas Thái Dương, sản lượng tiêu thụ Gas trung bình năm đạt 3.000 tấn/năm. Tiếp tục phát huy những thế mạnh trong giai đoạn trước, số lượng tổng đại lý của công ty cũng tăng từ 160 tổng đại lý lên 200 tổng đại lý. Thị trường kinh doanh đã được mở rộng sang một số tỉnh lân cận khác như Thái Nguyên.

❖ Giai đoạn từ tháng 03 năm 2011 đến nay

Kể từ năm 2011 đến nay hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi sự tăng giảm bất thường của giá dầu khí thế giới dẫn tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động không ngừng, nhưng do những kinh nghiệm tích lũy được sau hơn 5 năm tham gia thị trường khí đốt, Công ty vẫn giữ được vị thế, không những vậy, Công ty tiếp tục tiến hành mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong năm 2015, số vốn điều lệ của

công ty được tăng từ 22 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, sản lượng tiêu thụ năm tăng khoảng 96,7% so với giai đoạn trước (tăng từ 3.000 tấn/năm đến 5.900 tấn/năm) do đó, doanh thu trung bình năm cũng tăng lên 109 tỷ đồng. Thị trường hoạt động được mở rộng ra thêm một số thị trường khó tính hơn như Hà Nội.

Tính đến thời điểm 10/10/2016, vốn điều lệ của Thái Dương Gas cũng đã được tăng lên 129 tỷ đồng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi Đăng kí kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 10/10/2016.

Tính đến ngày 14/12/2016, Công ty đã chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 8291/UBCK-GSĐC được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 14/12/2016 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

❖ Một số hoạt động khác của Công ty

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tới công tác tổ chức Đảng, Công đoàn công ty luôn hoạt động tích cực; các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội được quan tâm, tham gia sôi nổi; thường xuyên khích lệ cán bộ, công nhân trong Công ty tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thi đua lao động... do Nhà nước và địa phương tổ chức.

Kể từ khi thành lập tới nay, tập thể và cá nhân trong Công ty cũng đã nhận được một số bằng khen, giấy khen như:

- Bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bắc Giang năm 2014 về việc Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2013.
- Bằng khen của Ban chấp hành Liên đoàn Lao động Tỉnh Bắc Giang tặng Đồng chí Lê Minh Hiếu – Đoàn viên Công đoàn, Tổng Giám Đốc CTCP Dầu khí Thái Dương đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2014.
- Bằng khen của Ban chấp hành Liên đoàn Lao động Tỉnh Bắc Giang tặng Công đoàn CTCP Dầu khí Thái Dương đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2013.
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bắc Giang tặng Đồng chí Lê Minh Hiếu – Giám đốc Công ty TNHH Dầu khí Thái Dương đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2013.

Một số hình ảnh hoạt động của Công ty:



Hình ảnh 1. CTCP Dầu khí Thái Dương tổ chức tặng quà cho hộ nghèo Lục Ngạn



Hình ảnh 2. Công nhân viên CTCP Dầu khí Thái Dương tham gia tập huấn phòng cháy chữa cháy



Hình ảnh 3. Công nhân CTCP Dầu khí Thái Dương được vinh danh trong Lễ tôn vinh Công nhân lao động tiêu biểu tỉnh Bắc Giang lần thứ VII- Năm 2016

1.3. Quá trình tăng vốn

Từ ngày hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành tăng vốn 07 lần từ 2.000.000.000 đồng lên 129.000.000.000 tỷ đồng, cụ thể:

Bảng 1. Quá trình 7 lần tăng vốn

STT	Thời gian phát hành	Loại Phát hành	VĐL trước phát hành (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	SL cổ đông trước phát hành (Cổ đông)	Số lượng cổ đông sau phát hành (Cổ đông)
1	01/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	2.000.000.000	4.000.000.000	03	03
2	11/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	4.000.000.000	8.000.000.000	03	03
3	06/2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	8.000.000.000	12.000.000.000	03	03
4	03/2009	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	12.000.000.000	16.000.000.000	03	03
5	03/2011	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	16.000.000.000	22.000.000.000	03	03
6	08/2015	Phát hành riêng lẻ	22.000.000.000	108.000.000.000	03	14
7	09/2016	Phát hành riêng lẻ	108.000.000.000	129.000.000.000	111	114

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương, Báo cáo quá trình tăng vốn

❖ **Tăng vốn lần thứ nhất: Tăng vốn từ 2.000.000.000 đồng lên 4.000.000.000 đồng.**

Căn cứ pháp lý:

- BB họp ĐHĐCĐ số 004/BB-ĐHĐCĐ/2007 ngày 02/01/2007 và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ/2007 ngày 02/01/2007 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- BB họp HĐQT số 04/BB-HĐQT/2007 ngày 02/01/2007 và Nghị quyết họp HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 02/01/2007 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 17/05/2007.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 2.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đăng ký sau phát hành: 4.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 20.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: 1:1 (cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu mới)
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 02/01/2007
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 11/07/2007
- Số lượng cổ đông trước góp vốn: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.000	1.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	9.000	900	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.000	100	5%
Tổng cộng			20.000	2.000	100%

- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	20.000	2.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	18.000	1.800	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.000	200	5%
Tổng cộng			40.000	4.000	100%

- Số lượng cổ đông mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông.
- Trong đó: + Cổ đông hiện hữu mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
+ Cổ đông ngoài mua cổ phần tăng vốn: 0 cổ đông
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền mặt
- Mục đích tăng vốn: Số vốn thu được từ việc phát hành (2.000.000.000 đồng) sử dụng mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cơ quan chấp thuận góp vốn của lần tăng vốn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.
- ❖ **Tăng vốn lần thứ hai: Tăng vốn từ 4.000.000.000 đồng lên 8.000.000.000 đồng.**

Căn cứ pháp lý:

- BB hợp ĐHĐCĐ số 005/BB-ĐHĐCĐ/2007 ngày 20/07/2007 và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ số 005/NQ-ĐHĐCĐ/2007 ngày 20/07/2007 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- BB hợp HĐQT số 06/BB-HĐQT/2007 ngày 20/07/2007 và Nghị quyết họp HĐQT số 06/NQ-HĐQT ngày 20/07/2007 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 09/11/2007.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 4.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đăng ký sau phát hành: 8.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 8.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 40.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 40.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: 1:1 (cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần được quyền mua 1 cổ phiếu mới)
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 20/07/2007
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 20/12/2007

- Số lượng cổ đông trước góp vốn: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	20.000	2.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	18.000	1.800	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.000	200	5%
Tổng cộng			40.000	4.000	100%

- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	40.000	4.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	36.000	3.600	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	4.000	400	5%
Tổng cộng			80.000	8.000	100%

- Số lượng cổ đông mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
- Trong đó: + Cổ đông hiện hữu mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
+ Cổ đông ngoài mua cổ phần tăng vốn: 0 cổ đông
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền mặt
- Mục đích tăng vốn: Số tiền thu được từ đợt phát hành (4.000.000.000 đồng) được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cơ quan chấp thuận góp vốn của lần tăng vốn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.
- ❖ **Tăng vốn lần thứ ba: Tăng vốn từ 8.000.000.000 đồng lên 12.000.000.000 đồng.**

Căn cứ pháp lý:

- BB hợp ĐHĐCĐ số 001/BB-ĐHĐCĐ/2008 ngày 02/01/2008 và Nghị quyết hợp ĐHĐCĐ số 001/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 02/01/2008 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- BB hợp HĐQT số 01/BB-HĐQT/2008 ngày 02/01/2008 và Nghị quyết hợp HĐQT số 01/NQ-HĐQT ngày 02/01/2008 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 21/01/2008.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 8.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đăng ký sau phát hành: 12.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 12.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 40.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 40.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: 2:1 (cổ đông hiện hữu sở hữu 02 cổ phần sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu mới)
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 01/01/2008
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 28/01/2008
- Số lượng cổ đông trước góp vốn: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	40.000	4.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	36.000	3.600	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	4.000	400	5%
	Tổng cộng		80.000	8.000	100%

- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	60.000	6.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	54.000	5.400	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	6.000	600	5%
	Tổng cộng		120.000	12.000	100%

- Số lượng cổ đông mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
- Trong đó: + Cổ đông hiện hữu mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
+ Cổ đông ngoài mua cổ phần tăng vốn: 0 cổ đông
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền mặt.
- Mục đích tăng vốn: Số vốn thu được từ đợt phát hành được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cơ quan chấp thuận góp vốn của lần tăng vốn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.
- ❖ **Tăng vốn lần thứ tư: Tăng vốn từ 12.000.000.000 đồng lên 16.000.000.000 đồng.**

Căn cứ pháp lý:

- BB họp ĐHĐCĐ số 001/BB-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2009 và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ số 001/NQ-ĐHĐCĐ/2009 ngày 20/05/2009 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- BB họp HĐQT số 01/BB-HĐQT/2009 ngày 20/05/2009 và Nghị quyết họp HĐQT số 01/NQ-HĐQT ngày 20/05/2009 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 24/03/2009.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 12.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đăng ký sau phát hành: 16.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 16.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 40.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 40.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: 3:1 (cổ đông hiện hữu sở hữu 03 cổ phần được quyền mua 01 cổ phiếu mới)
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 20/05/2009
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 01/06/2009
- Số lượng cổ đông trước góp vốn: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	60.000	6.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	54.000	5.400	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	6.000	600	5%
	Tổng cộng		120.000	12.000	100%

- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	80.000	8.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	72.000	7.200	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8.000	800	5%
	Tổng cộng		160.000	16.000	100%

- Số lượng cổ đông mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông.
- Trong đó: + Cổ đông hiện hữu mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
+ Cổ đông ngoài mua cổ phần tăng vốn: 0 cổ đông
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền mặt.
- Mục đích tăng vốn: Số vốn thu được từ đợt phát hành là 4.000.000.000 đồng được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cơ quan chấp thuận góp vốn của lần tăng vốn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.
- ❖ **Tăng vốn lần thứ năm: Tăng vốn từ 16.000.000.000 đồng lên 22.000.000.000 đồng.**

Căn cứ pháp lý:

- BB hợp ĐHĐCĐ số 002/BB-ĐHĐCĐ/2011 ngày 20/02/2011 và Nghị quyết hợp ĐHĐCĐ số 002/NQ-ĐHĐCĐ/2011 ngày 20/02/2011 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- BB hợp HĐQT số 02/BB-HĐQT/2011 ngày 21/02/2011 và Nghị quyết hợp HĐQT số 02/NQ-HĐQT ngày 21/02/2011 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn cho cổ đông hiện hữu;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 15/03/2011.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 16.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đăng ký sau phát hành: 22.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 22.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 60.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 60.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: 8:3 (cổ đông hiện hữu sở hữu 08 cổ phần được quyền mua 03 cổ phiếu mới)
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 20/02/2011
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 01/03/2011
- Số lượng cổ đông trước góp vốn: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	80.000	8.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	72.000	7.200	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8.000	800	5%
	Tổng cộng		160.000	16.000	100%

- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị cổ phần (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Võ Anh Thái	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	110.000	11.000	50%
2	Lê Minh Hiếu	Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	99.000	9.900	45%
3	Lê Mạnh Hùng	407 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	11.000	1.100	5%
	Tổng cộng		220.000	22.000	100%

- Số lượng cổ đông mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
- Trong đó:
 - + Cổ đông hiện hữu mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
 - + Cổ đông ngoài mua cổ phần tăng vốn: 0 cổ đông
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền mặt

- Mục đích tăng vốn: Số vốn thu được từ đợt phát hành (6.000.000.000 đồng) được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cơ quan chấp thuận góp vốn của lần tăng vốn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.

❖ **Tăng vốn lần thứ sáu: Tăng vốn từ 22.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng.**

Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết ĐGĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 08/06/2015 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc thay đổi mệnh giá cổ phần là 10.000đ/cổ phần;
- BB hợp ĐHĐCĐ số 16-BBH/ĐHCĐ ngày 25/07/2015 và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ bất thường số 11-CT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/07/2015 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn;
- Nghị quyết HĐQT số 10 CT/NQ-HĐQT ngày 25/07/2015 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 11/08/2015.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 22.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đăng ký sau phát hành: 108.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 108.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 8.600.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 8.600.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Đối tượng phát hành: cán bộ công nhân viên và một số cổ đông hiện hữu của Công ty
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 06/08/2015
- Số lượng cổ đông mua cổ phần tăng vốn: 14 cổ đông
- Trong đó: + Cổ đông hiện hữu mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
+ Cổ đông ngoài mua cổ phần tăng vốn: 11 cổ đông
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng (theo thông tin):
 - + Tên chủ tài khoản: CTCP Dầu khí Thái Dương
 - + Số tài khoản: 0851000006568

- + Nơi mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh dịch vụ khách hàng đặc biệt.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:
 - Góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh với các công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khí hóa lỏng có trụ sở tại các tỉnh lân cận là Hà Nội và Bắc Ninh. Để mở rộng thị trường cung cấp, đồng thời giảm chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận kinh doanh, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Công ty. Cụ thể các đối tác kinh doanh đó là:
 - + Góp vốn vào Công ty Đầu tư Dầu khí MeKong Việt Nam số tiền: 65.000.000.000 đồng.
 - + Góp vốn vào Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc số tiền: 9.000.000.000 đồng.
 - + Góp vốn vào công ty TNHH Dầu khí Thịnh Phát số tiền: 12.000.000.000 đồng.
 - Tuy nhiên, để phù hợp hơn với tình hình hoạt động và sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất, vào ngày 19/10/2015, ĐHĐCĐ công ty đã họp và thống nhất thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành như sau (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2015/NQ-NHĐCĐ):
 - + Thu hồi toàn bộ số vốn đã góp từ 03 công ty: Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc, Công ty CP Đầu tư Dầu khí MeKong Việt Nam, Công ty TNHH Dầu khí Thịnh Phát.
 - + Chuyển đổi kế hoạch sử dụng vốn: số vốn tăng thêm được sử dụng vào các mục đích
 - ✓ Thanh toán nốt số tiền còn thiếu của Hợp đồng mua bán cổ phần số 02/2015/HĐMB ngày 05/01/2015;
 - ✓ Trả nợ vay ngân hàng;
 - ✓ Thực hiện dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG” nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng năm 2016 gồm các nội dung: đầu tư mua thép gia công vỏ bình gas, đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị,...
 - Cơ quan chấp thuận góp vốn của lần tăng vốn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.
- ❖ **Tăng vốn lần thứ bảy: Tăng vốn từ 108.000.000.000 đồng lên 129.000.000.000 đồng.**

Căn cứ pháp lý:

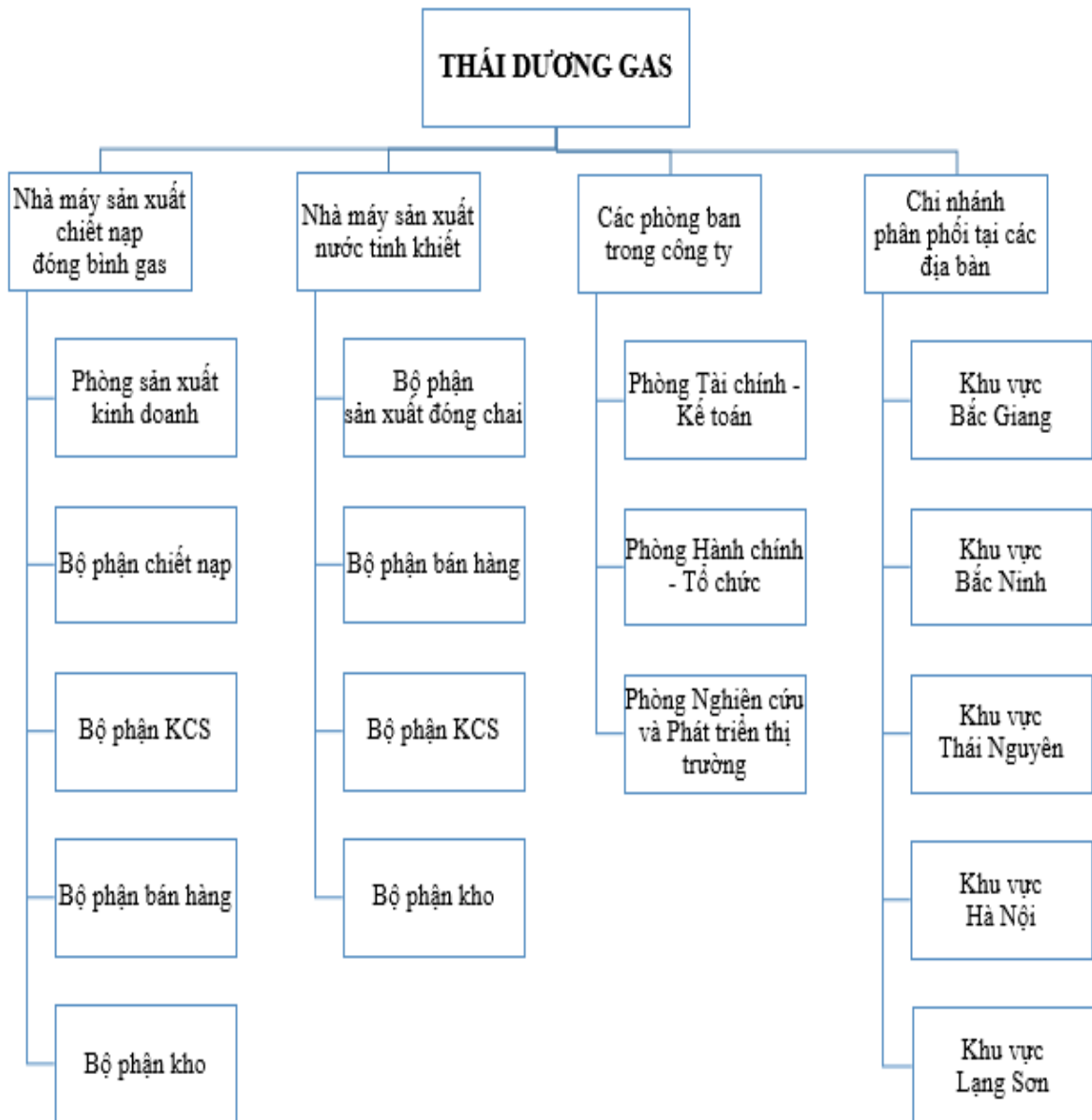
- BB họp ĐHĐCĐ số 18/BB-ĐHĐCĐ/2016 ngày 22/09/2016 và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ số 17/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 22/09/2016 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn bằng hình thức phát hành riêng lẻ;
- BB họp HĐQT số 11/BB-HĐQT/2016 ngày 23/09/2016 và Nghị quyết họp HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 23/09/2016 của CTCP Dầu khí Thái Dương về việc phát hành cổ phần tăng vốn bằng hình thức phát hành riêng lẻ;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 10/10/2016.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 108.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đăng ký sau phát hành: 129.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 129.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.100.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 2.100.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Đối tượng phát hành: Các cổ đông chiến lược của Công ty.
- Ngày hoàn thành đợt tăng vốn: 30/09/2016
- Số lượng cổ đông mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
- Trong đó:
 - + Cổ đông hiện hữu mua cổ phần tăng vốn: 0 cổ đông
 - + Cổ đông ngoài mua cổ phần tăng vốn: 03 cổ đông
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty theo thông tin:
 - + Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
 - + Số tài khoản: 09987987001
 - + Nơi mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
- Mục đích tăng vốn: Số vốn thu được từ đợt phát hành được sử dụng vào mục đích Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khí Hóa Lỏng Kinh Bắc để kinh doanh mặt hàng hàng Gas, khí hóa lỏng trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh.
- Cơ quan chấp thuận góp vốn của lần tăng vốn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang.

2. Cơ cấu tổ chức của công ty

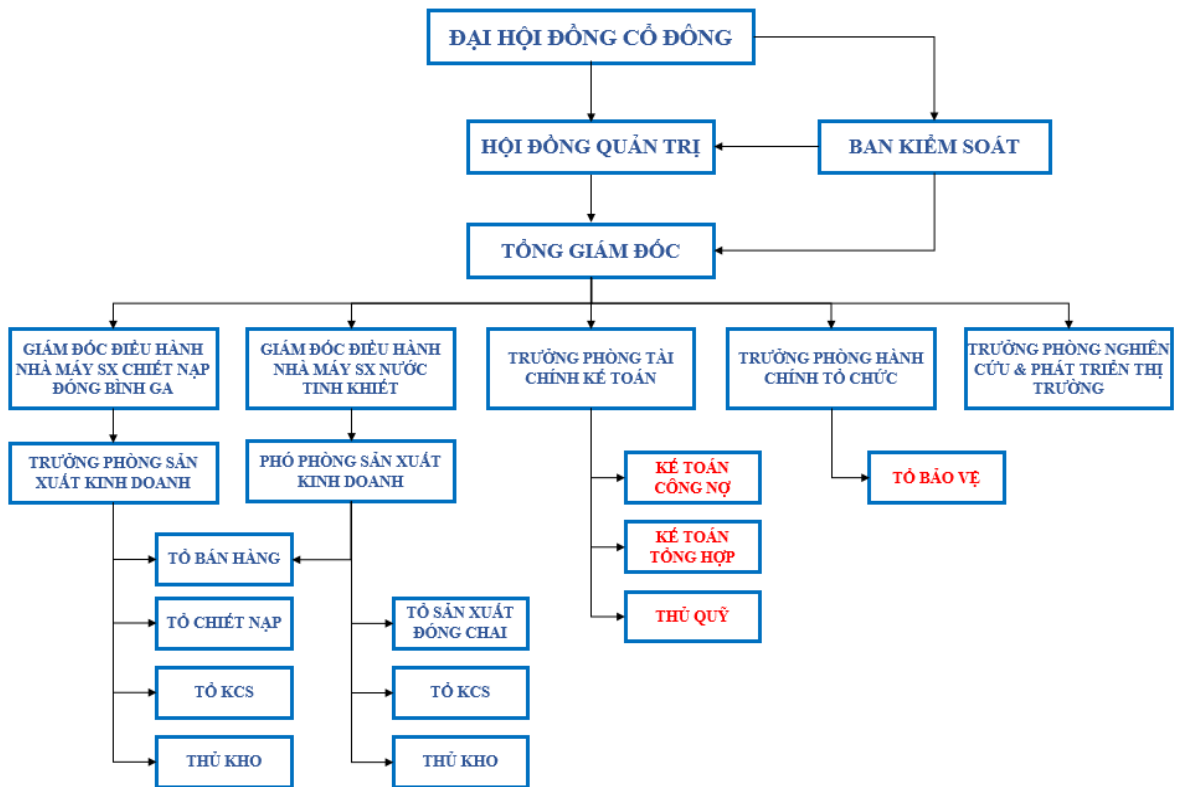


Biểu đồ 2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức CTCP Dầu khí Thái Dương

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014. Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty được ban hành năm 2007 và thay đổi vào ngày 02/03/2017.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Biểu đồ 3. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của CTCP Dầu khí Thái Dương

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định:

- Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, thông qua các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của Ban Tổng giám đốc;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- ❖ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. Vai trò của HĐQT là xây dựng và triển khai các chiến lược, kế hoạch và các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
- Quyết định kế hoạch và phát triển kinh doanh hàng năm;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị công nghệ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty trong thẩm quyền;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và nhu cầu tài chính hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ.
- Các chức năng khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

HĐQT của Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị là 5 năm, thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------|-------------------------------------|
| - Ông Võ Anh Thái | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lê Minh Hiếu | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc |
| - Bà Lê Thị Hồng Loan | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Đình Cơ | Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Mậu Hoàng | Thành Viên HĐQT |

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành.

❖ Ban tổng giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban nghiệp vụ là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

❖ Các phòng ban và Chức năng

Các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Công ty hiện có 4 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:

Phòng Tổ chức – Hành chính: Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc Công ty về:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các nội quy, quy chế của các phòng ban và cán bộ công nhân viên trong Công ty, kiến nghị Tổng giám đốc áp dụng các biện pháp khen thưởng, kỷ luật nhằm nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người lao động;
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị trực thuộc để giám sát, đánh giá chất lượng công việc của cán bộ công nhân viên hàng tháng, quý, năm để làm cơ sở tính lương, thưởng và đánh giá năng lực người lao động;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán: có nhiệm vụ

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Lập kế hoạch phát triển, quản lý và sử dụng vốn, tài sản, quỹ đất và quyền sử dụng đất, giá trị thương hiệu và các lợi thế thương mại, các tài sản khác được hình thành thuộc quyền quản lý của Công ty, quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn trong các hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty.
- Xây dựng và trình duyệt phương án về thay đổi cơ cấu vốn, tài sản, tương ứng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.
- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư, chủ động trình HĐQT duyệt kế hoạch huy động vốn trung hạn, dài hạn, kế hoạch tín dụng vốn lưu động dưới các hình thức được pháp luật cho phép để huy động vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng mức lãi suất huy động và cho vay vốn trong nội bộ Công ty và ngoài Công ty trình HĐQT phê duyệt.
- Phối hợp với phòng kinh doanh tổng hợp thực hiện đàm phán, dự thảo các hợp đồng tín dụng, kinh tế của Công ty.
- Trực tiếp làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế đến làm việc tại Công ty theo quyết định của các cơ quan chức năng và chỉ thị của Tổng giám đốc.

Phòng nghiên cứu và phát triển thị trường: có nhiệm vụ

- Căn cứ hợp đồng kinh tế lập phương án kỹ thuật, khảo sát, lên danh mục, hạng mục cung cấp cho Phòng Kinh doanh để xây dựng giá thành sản phẩm. Quản lý và kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các mặt hàng, sản phẩm theo đúng mẫu mã, quy trình kỹ thuật, nhiệm vụ thiết kế theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Là đơn vị chịu trách nhiệm chính về mặt kỹ thuật đối với các sản phẩm xuất xưởng;
- Tham gia vào việc kiểm tra xác định định mức lao động trong các công việc, các công đoạn sản xuất và xác nhận lệnh sản xuất. Trực tiếp làm các công việc về đăng ký, đăng kiểm chất lượng hàng hóa, sản phẩm sản xuất tại Công ty. Quản lý chỉ đạo về an toàn kỹ thuật trong sản xuất;
- Kiểm tra xác định khối lượng, chất lượng, kỹ mỹ thuật của sản phẩm để làm cơ sở quyết toán và thanh lý hợp đồng kinh tế. Lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, đảm bảo bí mật công nghệ sản phẩm truyền thống;
- Nghiên cứu cải tiến các mặt hàng, sản phẩm của Công ty đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Quản lý các định mức kỹ thuật (mức tiêu hao năng lượng, vật tư và nguyên vật liệu của các sản phẩm..vv.);

- Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lớn thiết bị của các đơn vị theo định kỳ. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật các sản phẩm đã sản xuất, giữ gìn bí mật công nghệ;
- Theo dõi, đối chiếu các hạng mục trong quá trình sản xuất, mức tiêu hao vật tư nguyên liệu để làm cơ sở thanh lý hợp đồng kinh tế giữa Công ty với khách hàng;
- Theo dõi tiêu hao nguyên vật liệu cũng như tiết kiệm vật tư nguyên nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh;
- Xác nhận về thời gian hoàn thành chất lượng công việc của tất cả các lệnh sản xuất để làm cơ sở thanh toán tiền lương, tiền công cho công nhân;
- Soạn thảo, xây dựng quy trình công nghệ để sản xuất các sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Phòng sản xuất và kinh doanh: có nhiệm vụ

- Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh. Đây là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Phòng Kinh doanh;
- Thực hiện công tác nghiên cứu thị trường; chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ, tìm kiếm đối tác; thực hiện liên doanh, liên kết, mở rộng mạng lưới kinh doanh và phát triển kinh doanh. Chủ động giao dịch, đàm phán với các đối tác, ký các thư từ, đơn chào hàng, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch khi đi đến ký kết hợp đồng kinh doanh của Công ty;
- Chủ động soạn thảo các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Tổ chức thực hiện đúng quy định các hợp đồng kinh doanh đã được ký kết;
- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án kinh doanh sau khi được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Thống kê, báo cáo hoạt động kinh doanh theo đúng tiến độ và quy định. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh trước Ban Tổng Giám đốc Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
1	Võ Anh Thái	001062000466	Số 9 hẻm 74/13 Ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, HN	1.500.000	11,628%
2	Lê Minh Hiếu	001075002300	407 phố Bạch Mai, Hai Bà Trung, Hà Nội	1.200.000	9,302%
3	CTCP Chứng khoán An Phát Đại diện TGD Trần Thiên Hà	72/GCNTVLK	Tầng 5 Toà nhà GrandBuilding, 30-32 Hoà Mã, Hai Bà Trưng, HN	1.003.000	7,775%
Tổng cộng				3.703.000	28,705%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Ghi chú: Danh sách này được cập nhật đến ngày **20/01/2017**.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
1	Võ Anh Thái	001062000466	Số 9 hẻm 74/13 Ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	1.500.000	11,628%
2	Lê Minh Hiếu	001075002300	407 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, HN	1.200.000	9,302%
3	Lê Thị Hồng Loan	001175000790	Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	500.000	3,876%
Tổng cộng				3.200.000	24,806%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/07/2015, cổ phần của Cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp đăng ký kinh doanh. Do CTCP Dầu khí Thái Dương chính thức được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh từ ngày 13/07/2005 nên đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với các Cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 4. Cơ cấu cổ đông CTCP Dầu khí Thái Dương tại ngày 20/01/2017

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I.	Cổ đông trong nước	321	12.900.000	100,000%
1.	- Tổ chức	1	1.003.000	7,775%
2.	- Cá nhân	320	11.897.000	92,225%
II.	Cổ đông ngoài nước	0	0	0%
1.	- Tổ chức	0	0	0%
2.	- Cá nhân	0	0	0%
	Tổng cộng	321	12.900.000	100,000%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Dầu khí Thái Dương đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương không nắm giữ quyền kiểm soát, cổ phần chi phối tại công ty con nào, đồng thời Công ty cũng không chịu sự chi phối, kiểm soát của Công ty mẹ nào.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các sản phẩm kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương

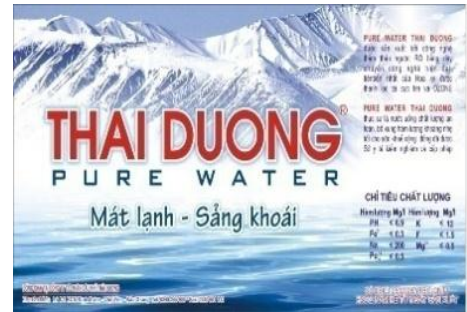
❖ Gas Thái Dương

Để nắm bắt nhu cầu tiêu thụ gas trong những năm tới (với nhịp tăng trưởng bình quân khoảng 10 – 15%/năm), Gas Thái Dương với sản phẩm bình gas 12 kg đặc trưng mang thương hiệu Thái Dương Petrol có hai màu vỏ nhũ và xanh rất bắt mắt đã đang và sẽ tạo ấn tượng tốt với người tiêu dùng với sản phẩm đáp ứng độ an toàn, chất lượng cao, mẫu mã cùng kênh phân phối đa dạng đến người tiêu dùng và dịch vụ khách hàng sau bán hoàn hảo.



❖ **Nước tinh khiết Pure Water Thái Dương**

Sản phẩm nước tinh khiết với nhiều mẫu mã khác nhau mang thương hiệu Pure Water Thái Dương, sáng khoái mát lạnh cũng sở hữu một dây chuyền xử lý nước tinh khiết nhập ngoại với công nghệ tiên tiến nhất hiện nay, đây là mặt hàng kèm theo khi bán gas bình. Như vậy, với một bình Gas Thái Dương bán tới đại lý sẽ có một bình nước tinh khiết mang thương hiệu Pure Water Thái Dương được bán kèm theo thay cho việc trả chiết khấu bán hàng.



Bảng 5. Doanh thu sản phẩm dịch vụ năm 2015 và năm 2016

Doanh thu sản phẩm/dịch vụ	2015		Năm 2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Gas Thái Dương	110.560.954.729	99,98	221.788.418.223	99,996
Nước uống tinh khiết Thái Dương	25.909.092	0,02	9.148.183	0,004
Tổng doanh thu thuần	110.586.863.821	100,00	221.797.566.406	100

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty Cổ phần Thái Dương, doanh thu từ sản phẩm Gas Thái Dương luôn chiếm chủ đạo (lớn hơn 99%). Không những thế, trong năm 2015 và năm 2016, doanh thu từ sản phẩm Gas Thái Dương tăng cao chiếm gần như toàn bộ doanh thu của công ty (tỷ lệ doanh thu của sản phẩm Gas Thái Dương trên tổng doanh thu năm 2016 là 99,996%). Mặc dù sản phẩm Nước uống tinh khiết Thái Dương vẫn được cung cấp ra thị trường, tuy nhiên doanh thu mang lại vẫn rất nhỏ, nguyên nhân chủ yếu do sản phẩm Nước uống tinh khiết Thái Dương là sản phẩm bán kèm theo sản phẩm Gas Thái Dương, chưa phải là sản phẩm kinh doanh độc lập với các sản phẩm khác trong Công ty. Đồng thời, tỷ lệ doanh thu của sản phẩm nước uống tinh khiết trong tổng doanh thu năm 2016 (0,004%) giảm so với năm 2015 (0,02%) là do trong năm 2016, lượng nước sản xuất ra được sử dụng chủ yếu vào mục đích phục vụ sinh hoạt nội bộ, lượng nước bán ra ngoài giảm và Công ty cũng tập trung chủ yếu vào hoạt động chiết nạp, kinh doanh sản phẩm gas trong năm 2016. Qua đó cho thấy, Công ty có rất nhiều lợi thế và thị trường ở sản phẩm Gas Thái Dương.

Bảng 6. Lợi nhuận gộp năm 2015 và năm 2016

Lợi nhuận gộp	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (VND)	%	Giá trị (VND)	%
Gas Thái Dương	7.667.635.203	99,86	29.358.841.200	99,67
Nước uống tinh khiết Thái Dương	10.206.822	0,14	- 16.017.070	-0,05
Điều chỉnh LN gộp trong năm ^(*)	0	0	112.208.035	0,38
Tổng Lợi nhuận gộp	7.677.842.025	100,00	29.455.032.165	100,00

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Do mặt hàng Gas Thái Dương chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty nên tỷ lệ lợi nhuận gộp thu được từ sản phẩm Gas Thái Dương cũng đóng góp phần lớn nhất vào lợi nhuận gộp chung của toàn Công ty. Trong năm 2016, tỷ trọng Lợi nhuận gộp của sản phẩm Gas Thái Dương chiếm 99,67% tổng lợi nhuận gộp và có sự chênh lệch không đáng kể so với năm 2015 (tỷ lệ này là 99,86%). Trong năm 2016, sản phẩm nước uống không mang lại lợi nhuận cho công ty là do Công ty tập trung đẩy mạnh sản xuất, chiết nạp và kinh doanh sản phẩm gas. Đồng thời, lượng nước uống được tiêu thụ ra thị trường không đáng kể, sản phẩm nước uống chủ yếu được sử dụng để phục vụ sinh hoạt nội bộ trong Công ty.

Ghi chú: (*) Trong năm 2016, Công ty tiến hành hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho giá trị 112.208.035 đồng. Đây là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với sản phẩm Gas Thái Dương được công ty thực hiện trích trước, tuy nhiên năm 2016 Công ty đã tiến hành đánh giá lại giá trị hàng tồn kho và nhận thấy, giá gốc của hàng tồn kho của công ty đã ghi trên sổ không cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của nó, do vậy theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

6.2. Nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu

Hiện tại Công ty đang kinh doanh 2 sản phẩm chính đó là Gas Thái Dương và nước uống tinh khiết Pure Water Thái Dương. Nguyên vật liệu sử dụng cho 2 sản phẩm này như sau:

Sản phẩm sử dụng	Tên nguyên vật liệu
Gas Thái Dương	Khí hoá lỏng LPG
Nước uống tinh khiết Pure Water Thái Dương	Nước sạch

Các nguyên liệu là khí hóa lỏng LPG và nước sạch đều là những nguồn nguyên liệu được cung cấp bởi thị trường trong nước, không có nhập khẩu. Công ty có lựa chọn nhập hàng nội địa 100% do hàng cung cấp trong nước giá cả hợp lý hơn, không những vậy, chất lượng sản phẩm vẫn tương tự như hàng nhập khẩu. Đồng thời, khi sử dụng hàng hóa trong nước, Công ty nhận được nhiều lợi thế hơn do các chính sách của Việt Nam về sử dụng và tiêu dùng hàng nội địa. Bên cạnh đó, Công ty đã có sự hợp tác và làm ăn lâu dài với các đối tác là các nhà cung cấp nguyên vật liệu, do vậy Công ty nhận được nhiều sự ưu đãi trong các chính sách về công nợ, sự đảm bảo nguồn cung và giá cả. Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty như:

Bảng 7. Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

Nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	LPG
Công ty TNHH Tú An	LPG
Công ty MTV Kinh Doanh Khí Hoá Lỏng Miền Bắc- chi nhánh Bắc Bộ	LPG
CTCPTM Dầu Khí Hải Phòng	LPG
CTCP Khí đốt Thái Dương	LPG
Công ty TNHH An Quang Hưng	Vỏ bình nước
CTCP Nước sạch Bắc Giang	Nước sạch

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

❖ Sự ổn định của các nguồn cung này

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương nhập gas từ các đối tác tin cậy, có quan hệ lâu dài (theo bảng trên). Hiện tại, Công ty ký kết hợp đồng kinh tế với hầu hết các nhà cung cấp như công ty TNHH Một thành viên kinh Doanh khí hóa lỏng HN, Công ty TNHH Tú An, CTCP Dầu khí Đông Dương, CTCPTM Dầu khí Tín Nghĩa, CTCPTM Dầu Khí Hải Phòng, CTCP Khí Đốt Thái Dương.

Những nhà cung cấp này đều là những nhà cung cấp lớn, có uy tín với lượng tồn kho dồi dào (1.200 tấn), do đó, sản lượng đặt hàng là không hạn chế theo đơn đặt hàng.

Hơn thế nữa, mức tồn trữ tại công ty lớn, Công ty sở hữu 2 bồn chứa với trữ lượng 100 tấn. Ngoài ra, Công ty còn dự trữ nguyên vật liệu đầu vào trong bình chứa với số lượng 20.000 bình tại kho xưởng công ty, trữ lượng mỗi bình 12 kg (tổng lượng LPG dự trữ dưới dạng bình chứa khoảng 240 tấn). Như vậy, tính trung bình lượng tồn trữ nguyên liệu của Công ty khoảng gần

300 tấn. Lượng tồn trữ theo đó đủ khả năng cung cấp dồi dào cho hoạt động chiết nạp gas của Dầu khí Thái Dương, đảm bảo trong phạm vi an toàn kinh doanh.

Đối với sản phẩm nước, lượng vỏ bình chứa nước được Công ty nhập của Công ty TNHH An Quang Hưng từ các năm 2013, 2014, từ năm 2015 đến nay Công ty không nhập vỏ bình nước. Nguồn nước sạch sử dụng được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang từ tháng 10/2012. Trong khoảng thời gian từ 10/2007 đến 10/2012, Công ty tự khai thác nước theo sự cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

Vì vậy, nguyên vật liệu đầu vào của Công ty mang tính ổn định cao và đáp ứng tốt việc tăng trưởng sản lượng theo các thời kỳ, đảm bảo quá trình sản xuất được liên tục và hiệu quả.

❖ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là Gas Thái Dương nên giá nhập khẩu gas và giá mua từ các nhà cung cấp có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của công ty mặc dù đứng trước nhiều thuận lợi về thuế đối với mặt hàng. Do đó, giá thành sản xuất phụ thuộc rất lớn vào giá cả vật liệu đầu vào. Thông thường, giá cả nguyên vật liệu đầu vào chiếm 80 - 90% giá thành sản phẩm do Công ty sản xuất ra. Mặt khác giá xăng dầu thế giới liên tục biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gas. Công ty đã chủ động khắc phục tình trạng này bằng cách luôn có kế hoạch nhập vật liệu sản xuất và đảm bảo sự ổn định của các nguồn vật liệu này.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 8. Chi phí sản xuất năm 2015 và năm 2016

Chi phí	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ trên DTT (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ trên DTT (%)
Giá vốn hàng bán	102.909.021.796	93,06	192.342.534.241	86,72
Chi phí bán hàng và QLDN	9.353.793.912	8,46	7.731.115.296	3,49
Chi phí tài chính	3.024.601.725	2,74	3.229.380.493	1,46
Tổng Chi phí kinh doanh	115.287.417.433	104,25	203.303.030.030	91,66

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2015 và năm 2016 của CTCP Dầu khí Thái Dương

Trong các loại chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất và tỷ lệ so với doanh thu thuần cũng lớn nhất (Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần năm 2015 là 93,06%, năm 2016 là 86,72%). Năm 2016, tỷ lệ các loại chi phí trên doanh thu thuần có xu hướng giảm hơn so với năm 2015. Chi phí bán hàng và QLDN chiếm tỷ trọng nhỏ trên Doanh thu thuần (năm

2015, tỷ lệ CP Bán hàng và QLDN/Doanh thu thuần là 8,46%, năm 2016 tỷ lệ này là 3,49%). Chi phí hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ trên doanh thu (năm 2015 là 2,74%, năm 2016 là 1,46%). Các chỉ số nêu trên cho thấy công ty có khả năng quản lý chi phí ở mức tốt, các chi phí không có những biến động mạnh, không những vậy còn có xu hướng giảm qua các năm, điều này tác động tích cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2015, 2016 và cả những năm tiếp theo.

So với các Công ty cùng ngành năm 2016 thì các chỉ số về chi phí của TDG trong năm 2016 có sự tương đồng và không quá khác biệt.

Cụ thể tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu thuần của TDG năm 2016 là 86,72% là ở mức trung bình so với các công ty khác trong cùng ngành (tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu thuần của các công ty khác dao động ở mức từ 73% đến 98%). Nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch về tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu của các công ty là do quy mô sản xuất cũng như mô hình và các sản phẩm kinh doanh của các công ty là khác nhau. Những công ty có tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu thuần ở mức thấp như CNG (tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu thuần là 73,22%) là do sự đa dạng sản phẩm/dịch vụ trong kinh doanh. CNG không chỉ cung cấp các sản phẩm gas – khí đốt mà các dịch vụ như vận chuyển CNG, LPG, LNG của những công ty này cũng chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu sản phẩm. Điều này không những làm tăng doanh thu mà còn giúp biên lợi nhuận tăng lên đáng kể hay nói cách khác tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu cũng sẽ giảm. Trong khi đó, sản phẩm kinh doanh chính của TDG chỉ là Gas Thái Dương, đồng thời quy trình phân phối sản phẩm của Công ty là: “Sản phẩm của TDG → Tổng đại lý → Người sử dụng cuối cùng” dẫn tới biên lợi nhuận của TDG thấp hơn hay nói cách khác tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu thuần là cao hơn. (Xem Hình 4 và Bảng 9)

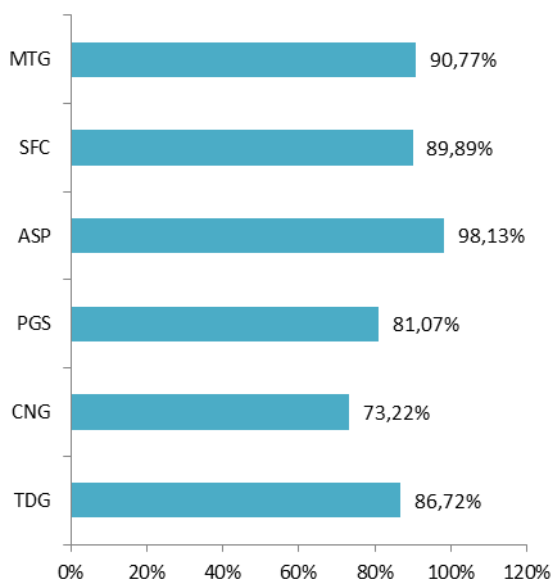
Đối với tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần năm 2016 của TDG là 1,46% cao hơn so với trung bình ngành là 1,09%. Nguyên nhân chi phí tài chính của TDG cao hơn so với các công ty cùng ngành là do vốn điều lệ của TDG ở mức nhỏ so với các công ty khác (vốn điều lệ của TDG là 129 tỷ đồng, của CNG là 270 tỷ đồng, của PGS là 500 tỷ đồng, của ASP là 373,4 tỷ đồng). Trong khi đó, để có thể mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, công ty cần phải có nguồn vốn lớn, nguồn vốn tự có của công ty là chưa đáp ứng đủ so với nhu cầu sử dụng. Do vậy TDG cần sử dụng đòn bẩy tài chính nhiều hơn dẫn đến chi phí tài chính tăng cao hơn so với các công ty khác. (Xem Hình 5 và Bảng 9)

Chỉ số Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần năm 2016 của TDG là 3,49% thấp hơn so với các công ty cùng ngành. Cụ thể PGS – CTCP Khí hóa lỏng Miền Nam là công ty có tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trên doanh thu cao nhất – đạt 17,03%, CNG – CTCP CNG Việt Nam cũng đạt xấp xỉ 10,03%, SFC - CTCP Nhiên liệu Sài Gòn khoảng 6%. Có thể thấy, lý do của sự chênh lệch này là do các công ty có chi phí bán hàng lớn, đây là những công ty có mức đầu tư lớn vào chi phí quảng cáo, chi phí bao bì luân chuyển, chi

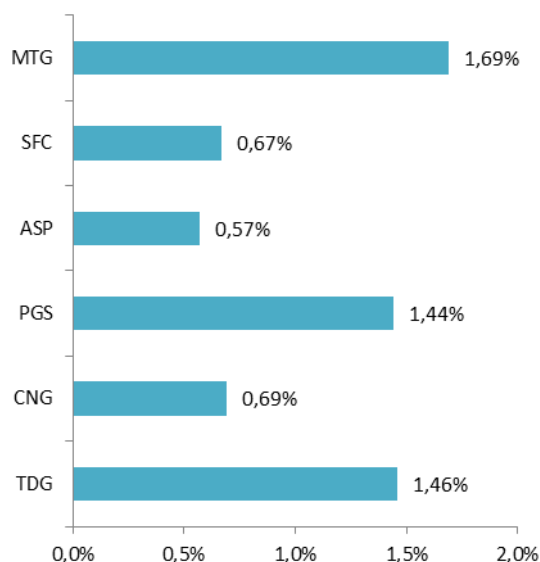
phí vận chuyển hàng hóa, trong khi TDG chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí bao bì luân chuyển và chi phí nhân công bán hàng. Đồng thời TDG thực hiện bán hàng thông qua các tổng đại lý, các tổng đại lý thực hiện bán lẻ đến tay người tiêu dùng do vậy chi phí bán hàng thấp dẫn đến tổng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp thấp. (Xem tại hình 6 và Bảng 9).

Về tỷ lệ Tổng chi phí/Doanh thu thuần của TDG năm 2016 và các công ty khác trong ngành cũng có sự tương đồng nhất định. Trung bình, tỷ lệ tổng chi phí/Doanh thu thuần của toàn ngành dao động ở mức 94,4%, tỷ lệ này của TDG là 91,66% thấp hơn trung bình ngành không đáng kể. Như vậy, trong ngành gas tổng chi phí/Doanh thu thuần khá lớn, nguyên nhân chính là do giá vốn hàng bán lớn. Đây cũng là một đặc trưng của ngành và TDG cũng không phải là một ngoại lệ. (Xem Hình 7 và Bảng 9)

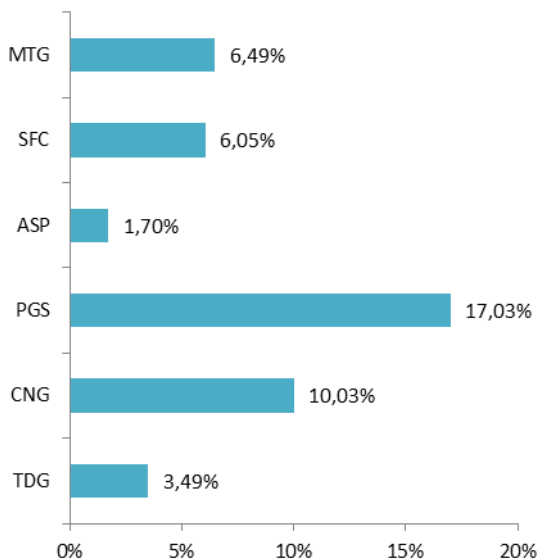
Nhìn chung, mọi sự so sánh được sử dụng chỉ mang tính chất tham khảo vì mỗi công ty trong ngành dầu khí và khí đốt đều có những sự khác biệt nhất định trong chủng loại sản phẩm và dịch vụ. CTCP Dầu khí Thái Dương có các tỷ lệ chi phí trên doanh thu ở mức ổn định và không quá cao, điều này cũng chứng tỏ Công ty có biện pháp kiểm soát chi phí tốt. Tuy nhiên, điều này cũng là cần thiết để Công ty có những kế hoạch kiểm soát chi phí hiệu quả hơn nữa, đặc biệt trong kiểm soát giá vốn hàng bán – có những chiến lược lựa chọn thời điểm và các nhà cung cấp nguyên vật liệu mang lại nhiều hiệu quả hơn.



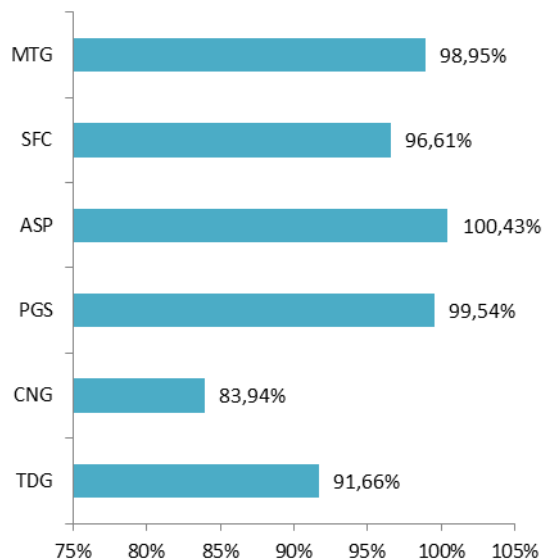
Biểu đồ 4. Tỷ lệ GVHB trên DT của TDG và một số công ty năm 2016



Biểu đồ 5. Tỷ lệ chi phí tài chính/DT của TDG và một số công ty năm 2016



Biểu đồ 6. Tỷ lệ CP bán hàng và QLDN trên DT của TDG và một số công ty năm 2016



Biểu đồ 7. Tỷ lệ Tổng chi phí trên DT của TDG và một số công ty năm 2016

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Bảng 9. Chi phí của các công ty trong ngành năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Tên	Mã	Sàn	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng và QLDN	Chi phí tài chính	Tổng chi phí
1. CTCP CNG Việt Nam	CNG	HOSE	270.000.000.000	890.566.896.229	652.063.007.671	89.303.444.601	6.154.516.119	747.520.968.391
2. CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam	PGS	HNX	500.000.000.000	4.971.902.916.561	4.030.916.698.759	846.683.316.063	71.531.641.184	4.949.131.656.006
3. CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha	ASP	HOSE	373.399.290.000	750.412.805.252	736.357.676.976	12.743.696.413	4.290.901.226	753.392.274.615
4. CTCP Nhiên liệu Sài Gòn	SFC	HOSE	112.914.590.000	1.132.995.698.849	1.018.474.225.268	68.524.193.519	7.628.523.571	1.094.626.942.358
5. CTCP MT Gas	MTG	UPCoM	119.999.950.000	270.121.817.631	245.187.691.6 ₁	17.544.202.502	4.557.918.261	267.289.812.404

Nguồn: BCTC năm 2016 đã được kiểm toán của các công ty, riêng đối với mã ASP số liệu được lấy từ BCTC đã kiểm toán năm 2016 của công ty mẹ.

Bảng 10. Tỷ lệ chi phí trên doanh thu của một số công ty trong cùng ngành năm 2016

TT	Tên	Mã	Tỷ lệ GVHB trên DTT	Tỷ lệ CP Bán hàng và QLDN trên DTT	Tỷ lệ CP Tài chính trên DTT	Tỷ lệ Tổng CP trên DTT
1	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	CNG	73,22%	10,03%	0,69%	83,94%
2	CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam	PGS	81,07%	17,03%	1,44%	99,54%
3	CTCP Tập đoàn dầu khí An Pha	ASP	98,13%	1,70%	0,57%	100,40%
4	CTCP Nhiên liệu Sài Gòn	SFC	89,89%	6,05%	0,67%	96,61%
5	CTCP MT Gas	MTG	90,77%	6,49%	1,69%	98,95%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương tính toán từ Bảng 9

6.4. Trình độ công nghệ

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương luôn chú trọng cập nhật và ứng dụng các tiện ích công nghệ vào trong sản xuất kinh doanh cũng như trong quản lý, tổ chức.

Hiện tại công ty đang sử dụng các loại máy móc để phục vụ cho hoạt động sản xuất như sau:

Bảng 11. *Chủng loại máy móc phục vụ hoạt động sản xuất*

Chủng loại	Số lượng	Nước SX	Năm SX	Năm đưa vào sử dụng	Số năm sử dụng dự kiến	Công nghệ
Bồn chứa Gas	2	Trung Quốc	Bồn 1: 2007 Bồn 2: 2010	Bồn 1: 2007 Bồn 2: 2010	15	TQ
Hệ thống cân chiết nạp	1	Mỹ	Sản xuất 2007 Nâng cấp 2016	2007	5	Mỹ, TQ
Hệ thống tuyến ống	1	Mỹ	Sản xuất 2007 Nâng cấp 2016	2007	5	Mỹ, TQ
Hệ thống PCCC	1	TQ, Mỹ	Sản xuất 2007 Nâng cấp 2016	2007	5	TQ, Mỹ
Hệ thống bảo dưỡng vỏ bình gas - Máy phun bi - Lò sấy sơn	1	Trung Quốc	2012	2012	10	TQ

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Ngoài các máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty hiện cũng sử dụng các một số phần mềm để phục vụ quản lý.

STT	Tên phần mềm/ quy trình quản lý	Lĩnh vực ứng dụng	Thời điểm đưa vào áp dụng
1	Sis inova	Phần mềm kế toán	2010

❖ Công nghệ máy móc nhà máy sản xuất chiết nạp gas:

Công ty có hệ thống công nghệ hiện đại mua mới. Hệ thống chiết nạp gas nhập ngoại 100% có công nghệ tiên tiến nhất hiện nay phục vụ tốt nhất cho quá trình sản xuất. Hệ thống máy móc của Công ty luôn được cải tiến không ngừng và tận dụng tối đa công suất. Cụ thể, hiện tại, Công ty sở hữu một hệ thống chiết nạp gas gồm:

- 8 máy chiết nạp và 2 bồn chứa nhập ngoại với dung tích 100 tấn.
- Hệ thống van, tuyến ống công nghệ nhập khẩu từ Nhật Bản
- Hệ thống máy bơm nâng áp nhập khẩu từ Hàn Quốc, Nhật Bản
- Hệ thống cân chiết nạp Gas điện tử nhập khẩu từ Hàn Quốc
- Hệ thống bơm phòng cháy chữa cháy nhập khẩu từ Nhật Bản

Tất cả máy móc của Dầu khí Thái Dương đều đáp ứng được nhu cầu chất lượng của sản phẩm và cho công suất cao. Cụ thể, với công suất thiết kế và mức tồn trữ như hiện nay, công ty có thể phục vụ bán hàng với sản lượng 1.200 tấn/tháng mà không cần đầu tư thêm về máy móc thiết bị. Đối với gas bình, hiện Công ty đang xuất bán khoảng 5.000 tấn/năm trong khi theo công suất thiết kế, với điều kiện làm việc bình thường là 8 giờ/ngày và 26 ngày/tháng, lượng đóng bình sẽ có thể đạt tới 15.000 tấn/năm đảm bảo đáp ứng nhu cầu từ nay đến 2018. Nếu lượng bán gas bình tăng cao, Công ty có thể đảm bảo đáp ứng bằng việc làm thêm giờ, thêm ngày với chi phí không đáng kể (Cụ thể, biểu chi phí tăng lương cho cán bộ công nhân viên khi làm thêm giờ là tăng 150% lương so với mức lương đang hưởng cho số giờ làm thêm trong ngày làm việc, tăng 200% lương cho số giờ làm thêm ngày thứ bảy chủ nhật, và tăng 300% lương cho số giờ làm thêm vào những ngày lễ). Do đó, các sản phẩm sản xuất ra luôn đáp ứng được số lượng đặt hàng và chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu ngày một cao của thị trường trong và ngoài nước.

Các biện pháp phòng cháy chữa cháy trong khu vực xưởng LPG của Dầu khí Thái Dương được thực hiện theo các tiêu chuẩn NFPA – 58 và NFPA – 59 (Ủy ban phòng cháy quốc gia Hoa Kỳ). Công ty sử dụng các biện pháp kỹ thuật công nghệ đảm bảo tính an toàn cao cho quá trình sản xuất với một hệ thống van giảm áp (Safety Valve) trên bồn và tuyến ống bảo vệ thiết bị khỏi sự gia tăng đột biến của áp lực, Công nghệ có sử dụng các van tự động điều tiết dòng chảy (như Excess Flow Valve và Check Valve) và van ngắt dòng LPG khẩn cấp (Emergency Shut Off Valve). Ngoài ra để bảo vệ trạm chiết khỏi các sự cố nguy hiểm đột xuất khác trước bơm nén LPG ta đặt van ngắt dòng LPG khẩn cấp (Emergency Shut Off Valve). Van này có thể đóng tự động hoặc bằng tín hiệu điều khiển từ xa. Các bộ phận kiểm tra tình hình khẩn cấp được đánh dấu rõ ràng và để ở những chỗ dễ lấy khi có báo động. Việc thiết kế xưởng Gas tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn TCVN 2622: 1995 - Phòng cháy cho Nhà và công trình - yêu cầu thiết kế và một số tiêu chuẩn của nước ngoài cho phép áp dụng tại Việt Nam: NFPA-59-1984; NFQA-58-1995 và AS-1596-1989 quy định. Xưởng Gas có 1 bồn chứa LPG loại 40 tấn. Bồn được đặt cách đường giao thông nội bộ 10m và cách ranh giới trên 15m. Toàn bộ khu vực bồn chứa và tuyến ống được bảo hộ bằng hàng rào an toàn bằng dây thép có chiều cao 1,6m.

❖ **Công nghệ máy móc nhà máy sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai:**

Với sản phẩm nước tinh khiết, Công ty đầu tư xây dựng xưởng sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai với 2 sản phẩm nước bình và nước chai với tổng mức đầu tư hơn 3 tỷ đồng.

Công suất của xưởng sản xuất là 70.000 bình/năm đối với sản phẩm nước uống tinh khiết đóng bình dung tích 20 lít và 800.000 chai/năm đối với sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai dung tích 0,5 lít. Nguyên vật liệu, phụ liệu được vận chuyển bằng xe ô tô tải, đến Nhà máy được bảo quản trong kho của nhà máy. Vỏ bình nước được mua tại Hợp tác xã Song Long, Công ty TNHH An Quang Hưng.

Công ty sở hữu hệ thống xử lý nước, hệ thống lọc nước và dây chuyền tra nước vào bình, đóng gói với công nghệ tiên tiến nhất hiện nay được thiết kế hợp lý, nhập ngoại 100%. Cụ thể, dây chuyền lọc nước và đóng chai của Mỹ, hệ thống máy bơm được nhập khẩu từ Hàn Quốc. Công ty sở hữu bồn chứa có sức chứa từ 40m³ – 60m³ đảm bảo cho dự trữ nước phục vụ sản xuất từ 08 đến 10 ngày. Từ năm 10/2007 đến năm 10/2012, nguồn nước được khoan ở độ sâu 80m đến 120m được qua máy bơm hút lên đưa vào bể chứa theo giấy phép số 113/QĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 25/10/2007, từ 10/2012 đến nay, nguồn nước được cung cấp bởi CTCP Nước sạch Bắc Giang. Tiếp đó nước được đưa vào máy lọc qua đường ống dẫn bằng kim loại chống gỉ, thiết bị lọc nước khử trùng, khử các tạp chất, các kim loại nặng, đảm bảo nước hoàn toàn tinh khiết đạt tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, sau đó được chuyển đóng chai tự động rồi đưa ra tiêu thụ trên thị trường nội địa..

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ngành hàng LPG vẫn là trọng điểm để Công ty phát triển sản xuất kinh doanh. Công ty luôn đầu tư phát triển marketing nghiên cứu thị hiếu người tiêu dùng, từ đó đa dạng hóa mẫu mã và nâng cao chất lượng các mặt hàng cung cấp. Bên cạnh sản phẩm gas bình hiện đang cung cấp trên thị trường, Công ty cũng chú trọng phát triển sản phẩm nước tinh khiết mang thương hiệu Thái Dương. Đây là những sản phẩm mang tính dịch vụ cao với yêu cầu cao về chất lượng và mẫu mã đòi hỏi một nỗ lực không ngừng trong nghiên cứu thị hiếu và phát triển sản phẩm.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện nay, Công ty đang áp dụng một hệ thống kiểm tra chất lượng đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật đối với khí đốt hoá lỏng, trong đó có những quy định chặt chẽ về chất lượng, đặc tính hàng hoá. Cụ thể Công ty đang tuân thủ nghiêm túc việc sản xuất theo bộ tiêu chuẩn mà nhà nước Việt Nam đang áp dụng:

Bộ tiêu chuẩn nhà nước Việt Nam quy định	
Tiêu Chuẩn Việt Nam	TCVN 6291:1997
	TCVN 6292:1997
	TCVN 6294:1997
	TCVN 6253:1996
	TCVN 6256:1996
	TCVN 6008:1996
Tiêu chuẩn quốc tế	ISO 448:1982
	ISO 4706:1989
	ISO 10460:1993

❖ Quy trình kiểm tra chất lượng sang chiết nạp LPG

Bảng 12. Quy trình kiểm tra chất lượng sang chiết nạp LPG

Các quá trình sang chiết cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng			
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy trình kỹ thuật	Tần suất kiểm tra	Thiết bị thử nghiệm/ kiểm tra
Chuẩn bị, kiểm tra hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: Ổn định - Hệ thống van trên chính xác theo sai số cho phép tuyến ống LPG: đóng mở van theo quy định. - Chiều quay của máy nén khí và bơm LPG - Áp lực khí nén $P=5-7\text{kgf/cm}^2$. - Sự cân bằng của cân, bàn cân, lực kẹp của súng nạp, đảm bảo độ 	Cán bộ KCS tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống theo quy trình QT.SX.04	Kiểm tra 100% hệ thống	Ngoại quan
Khởi động máy nén khí	$P = 5-7\text{kgf/cm}^2$	Công nhân vận hành máy nén khí đảm bảo quá trình vận hành $P = 5-7\text{kgf/cm}^2$.	Thường xuyên quan sát	Ngoại quan
Khởi động máy bơm	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động: ổn định - Áp suất bơm: $P_{\text{vào}} - P_{\text{ra}} = 3 - 4\text{Kgf/cm}^2$. - Chế độ làm việc van an toàn: SAFETY VALVE. 	Khởi động máy bơm.	Thường xuyên quan sát	Ngoại quan
Tiến hành nạp	Trọng lượng gas trong bình: 12kg và 45kg		100% các bình sang chiết	Cân
Thử kín và niêm phong	<ul style="list-style-type: none"> - Thử kín: bằng nước xà phòng - Niêm phong 		100% các bình đã được sang chiết	Ngoại quan

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

❖ Quy trình kiểm tra chất lượng nước uống tinh khiết

Bảng 13. Quy trình kiểm tra chất lượng nước uống tinh khiết

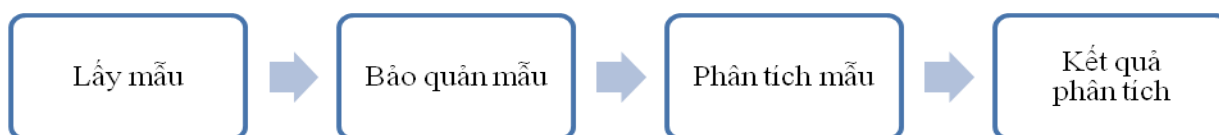
Các quá trình sang chiết cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng			
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy trình kỹ thuật	Tần suất kiểm tra	Thiết bị thử nghiệm/ kiểm tra
Lọc sơ bộ	Loại bỏ: Ca^{2+} , Fe^{2+} , CO_3^{2-} kết tủa	Nước bơm lên bể lắng trên cao để loại bỏ cặn, ngoài ra bể lắng được bố trí ở vị trí nhiều ánh nắng chiếu vào, nước giếng khoan được phơi nắng sẽ làm bay sắt và canxi....	Thường xuyên	
Lọc RO	Trị số áp lực máy $>5 < 10$	Công nhân vận hành máy lọc theo thông số đồng hồ quy định, trị số áp lực $>5 < 10$. Nếu trị số đồng hồ < 5 công nhân phải tiến hành bổ sung nước.	Thường xuyên	
Khử trùng bằng tia cực tím	Loại bỏ vi khuẩn và vi trùng trong nước	Nước chuyển qua hệ thống khử trùng có gắn các đèn cực tím, giúp làm sạch các vi trùng, vi khuẩn tồn tại trong nước.	Thường xuyên	
Sục ozon		Nước được sục khí Ozone có tác dụng diệt khuẩn lần 1 và bảo quản chống tái nhiễm khi chứa vào bồn trung gian	Thường xuyên	
Làm sạch vỏ bình	Phân loại: sàng lọc, loại bỏ những bình có mùi lạ, dầu mỡ - Vệ sinh bình bằng máy áp lực, tráng qua nước tinh khiết		100%	Ngoại quan
Đóng chai/bình Dán nhãn	- Trọng lượng: - Dán nhãn:		100%	Ngoại quan

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

❖ Quy trình xử lý chất thải, khí thải trước khi đưa ra môi trường xung quanh

Hàng năm Công ty có thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo đề án BVMT được Cơ quan quản lý phê duyệt cho Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương. Căn cứ theo Kế hoạch quan trắc môi trường tiền hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu khí, mẫu nước tại Công ty.

Mục đích việc thực hiện chương trình giám sát là phân tích chất lượng môi trường không khí, môi trường nước thải trước khi đưa ra môi trường xung quanh. Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường theo đúng quy trình, quy phạm đã được quy định trong luật bảo vệ môi trường.



Biểu đồ 8. Quy trình xử lý chất thải CTCP Dầu khí Thái Dương

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Khí thải: Hoạt động của cơ sở không sử dụng các hóa chất độc hại, các hóa chất nằm trong danh mục cấm. Các nguồn gây ô nhiễm không khí môi trường như: bụi, H₂S, SO₂,... đều ở mức không đáng kể và nằm trong giới hạn cho phép.

Chất thải: Sản phẩm sản xuất của công ty không phát sinh chất thải công nghiệp, chất thải là nước sinh hoạt của Công ty đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT.

❖ Công tác kiểm tra trang thiết bị, phòng cháy chữa cháy

Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm tra các trang thiết bị, dụng cụ đo lường và kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy. Toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty đều phải học và nắm vững các nguyên tắc về quản lý chất lượng và các nguyên tắc về an toàn phòng cháy chữa cháy. Nhân viên của Dầu khí Thái Dương được cơ quan chuyên môn thuộc Công an tỉnh cấp thẻ tập huấn về Phòng cháy chữa cháy, thẻ tập huấn về an toàn vệ sinh lao động do Sở lao động thương binh xã hội cấp 1 năm/lần. Điều này duy trì cung cấp kiến thức và cập nhật thông tin mới, các nguyên tắc mới đặc trưng của ngành cho cán bộ công nhân viên của Dầu khí Thái Dương.

Công ty sở hữu nhiều giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy của Bộ Công an tỉnh Bắc Giang, Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, Giấy chứng nhận Bảo hiểm cháy và các rủi ro phụ của Bảo hiểm Viễn Đông cấp. Công ty đã chủ động mua Bảo hiểm trách nhiệm cho sản phẩm là vỏ bình gas mang nhãn hiệu Thaiduong Petrol - đem lại lòng tin và sự an tâm cho người tiêu dùng.

6.7. Hoạt động marketing

❖ Hoạt động quảng bá thương hiệu

Nhận thức được tầm quan trọng về sức mạnh của quảng cáo thương hiệu trong giai đoạn thị trường hiện nay, công ty đã thực hiện quảng bá thương hiệu thường xuyên và trực tiếp đến khách hàng thông qua các nhân viên bán hàng, nhân viên phát triển thị trường nhằm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ của công ty.

- Thông qua chương trình dịch vụ chăm sóc khách hàng. Chương trình cam kết mang lại sự đảm bảo an toàn cho người dung gas, bảo hành sử dụng sản phẩm, bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm, đảm bảo quyền lợi ổn định cho hệ thống phân phối gắn kết giữ Công ty - Cửa hàng – Người tiêu dùng. Mục tiêu của chương trình là tập trung phát triển mạnh hệ thống bán lẻ một cách bền vững.
- Quảng cáo bằng bảng hiệu tại các cửa hàng phân phối, treo pano và áp phích, quảng cáo thương hiệu trên các xe tải giao hàng.
- Xây dựng hình ảnh công ty và thương hiệu qua các hoạt động xã hội như giới thiệu An toàn sử dụng gas, chương trình chống hàng giả,...

❖ Hình thức phân phối

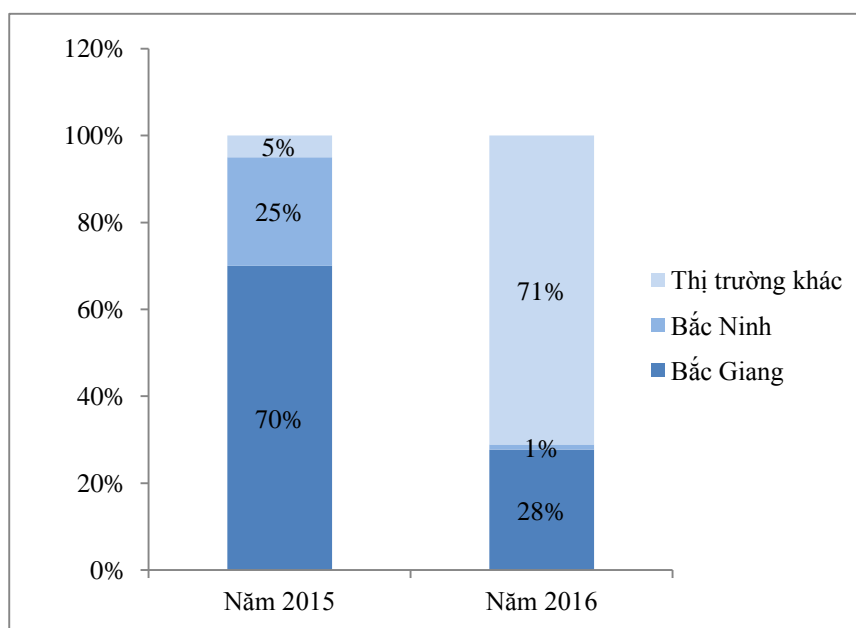
Bảng 14. Doanh thu và thị phần 2015-2016 của TDG

Thị trường	2015		2016	
	Doanh thu (VND)	Tỷ lệ (%)	Doanh thu (VND)	Tỷ lệ (%)
Bắc Giang	70.586.863.821	70	61.396.709.641	27,7
Bắc Ninh	27.000.000	25	2.759.136.127	1,2
Thị trường khác	13.000.000	5	157.641.720.638	71,1
Tổng	110.586.863.821	100	221.797.566.406	100

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Hệ thống kênh phân phối của công ty được tổ chức theo hướng năng động qua các kênh phân phối trải dài trên nhiều tỉnh thành. Hiện các sản phẩm của công ty được cung cấp qua các kênh bán lẻ, bán buôn, qua các đại lý, cửa hàng. Việc phân chia các kênh của công ty như sau:

- Kênh phân phối một cấp: Công ty cung cấp trực tiếp sản phẩm cho các Tổng đại lý tự do. Kênh phân phối này được xuất phát từ những hạn chế của kênh phân phối hai cấp về tính linh hoạt, đảm bảo gắn liền lợi ích kinh tế với động lực phát triển kinh doanh. Việc ra đời của kênh phân phối này đã góp phần nâng cao sản lượng bán ra, tạo ra một sự cạnh tranh mới để giảm sức ép cho kênh phân phối hai cấp. Đồng thời tạo khả năng cạnh tranh cao hơn cho công ty thông qua việc mở rộng kênh phân phối. Đối với các khu vực áp dụng kênh phân phối này từ Công ty - Tổng đại lý nhằm phát huy hết những điều kiện vật chất, nhân lực và thị trường.
- Kênh phân phối hai cấp: Công ty cung cấp LPG cho các đơn vị cửa hàng. Cung cấp sản phẩm qua kênh này luôn đảm bảo an toàn về tài chính, chủ động đầu vào cho công ty và đảm bảo sự thống nhất giữa nhiệm vụ kinh doanh của công ty và các cửa hàng bán trực tiếp cho người tiêu dùng.



Biểu đồ 9. Cơ cấu doanh thu các thị trường hoạt động của CTCP Dầu khí Thái Dương năm 2015, 2016

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương phân phối sản phẩm Gas chủ yếu tại các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Trong năm 2015, thị trường kinh doanh chính của công ty là tỉnh Bắc Giang (tỷ trọng doanh thu của công ty tại tỉnh Bắc Giang là 70% trên tổng doanh thu), tuy nhiên đến năm 2016 thị trường hoạt động của công ty có sự thay đổi. Cơ cấu doanh thu các thị trường hoạt động của Thái Dương Gas có sự dịch chuyển, tỷ lệ doanh thu tại tỉnh Bắc Giang giảm xuống còn 28% trên tổng doanh thu, tỷ lệ doanh thu tại tỉnh Bắc Ninh giảm còn 1% trên tổng doanh thu và tỷ lệ này tại thị trường khác bao gồm Hà Nội, Thái Nguyên, Lạng Sơn... tăng lên là 71%. Nguyên nhân của sự thay đổi này là do trong năm 2016, tại địa bàn tỉnh Bắc Giang có thêm các công ty

khác đặt trạm, do vậy các sản phẩm gas của công ty được phân phối tại Bắc Giang bị thu hẹp, công ty phải mở rộng hoạt động ra các thị trường khác. Tuy nhiên, công ty đã kí kết Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc để kinh doanh mặt hàng Gas - khí đốt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, do vậy dự kiến doanh số tại tỉnh Bắc Ninh trong những năm tiếp theo sẽ tăng lên. Ngoài ra, Công ty đã chú trọng hơn tới các thị trường khác nhiều tiềm năng như TP. Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Lào Cai, tỉnh Lạng Sơn...

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh, môi trường và chính sách đầu tư đã được lành mạnh hoá, cùng với sự phát triển của xã hội nhiều ngành nghề đòi hỏi phải nâng cao cả về lượng và chất. Gas là chất đốt sạch không gây ô nhiễm môi trường, không ăn mòn và tiện lợi trong vận chuyển, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với các chất đốt khác do đó gas đang dần trở thành mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống hiện đại, trong các ngành thương mại, nông nghiệp và công nghiệp,... Ngành dầu khí nói chung và kinh doanh khí hoá lỏng nói riêng đang là lĩnh vực rất phát triển ở Việt Nam. Tiêu dùng khí hoá lỏng cho cả lĩnh vực công nghiệp và dân dụng mỗi năm tăng 10% đến 15%. Hiện tại Việt Nam có khoảng 50 Công ty kinh doanh khí hoá lỏng với nhiều thương hiệu khác nhau. Sự cạnh tranh giữa các sản phẩm trên thị trường để chiếm lấy thị phần cho một công ty kinh doanh gas ngày càng cao.

❖ **Bộ phận marketing của Công ty**

Số lượng nhân viên: 05 người

Bộ phận Marketing có các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và thực hiện chiến lược marketing, quản lý sản phẩm và truyền thông;
- Chịu trách nhiệm mọi hoạt động của phòng marketing, phân công nhiệm vụ và kiểm soát;
- Lập và thực hiện chương trình truyền thông như: khuyến mại, quảng cáo, tài trợ...
- Lên kế hoạch quản lý và phân bổ kinh phí cho các hoạt động marketing;
- Phối hợp thực hiện các chương trình PR, event với đối tác thuê ngoài;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống thông tin doanh nghiệp, phân tích dữ liệu thiết lập báo cáo trình ban giám đốc, tham gia và tham mưu cho ban giám đốc về chiến lược dài hạn,
- Nghiên cứu thị trường, và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới;
- Thiết lập ngân sách marketing, trình Tổng Giám đốc duyệt. Chịu trách nhiệm trong phạm vi ngân sách được giao;
- Xây dựng kế hoạch, giải pháp và tổ chức thực hiện các Mục tiêu – Chính sách của Công ty đối với hoạt động kinh doanh và tiếp thị;

- Giúp Tổng giám đốc công ty việc điều hành và quản lý mọi hoạt động tiếp thị trên cơ sở chiến lược marketing dài hạn một cách hiệu quả; bảo đảm các nguồn lực cho kinh doanh;
- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình nghiên cứu & phát triển, huấn luyện – đào tạo trong hoạt động tiếp thị;
- Kết hợp với Giám Đốc Kinh Doanh xác định các yêu cầu của Khách hàng và đáp ứng các yêu cầu này;
- Đồng thời đảm bảo toàn bộ tổ chức nhận thức các yêu cầu mới của Khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của Công ty, đồng thời hỗ trợ bán hàng;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án chiến lược các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn phát triển doanh nghiệp thuộc lãnh vực chuyên môn phụ trách.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương

Mẫu nhãn hiệu: Thaiduong Petrol, Thaiduong PureWater

Logo:

Sản phẩm Gas



Sản phẩm nước uống đóng chai



Logo sản phẩm Gas Thái Dương đã được đăng ký bản quyền theo Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 104817 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp theo Quyết định số: 13378/QĐ-SHTT, ngày 10/07/2008.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Các hợp đồng Thái Dương đang được thực hiện hoặc đã được ký kết gồm:

Bảng 15. Các hợp đồng mua, bán hàng có giá trị lớn của Thái Dương

STT	Số hợp đồng	Tên đối tác kinh doanh	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện HD	Tên sản phẩm/ dịch vụ
1	02/2016/LPG-THAIDUONG	Công ty CPKD Khí Hoá Lỏng Miền Bắc	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
2	3012/2015/HDKT/HP-TD	Công ty CPTM Dầu Khí Hải Phòng	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
3	001/2016/LPG-TA/TD	Công ty TNHH Tú An	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
4	04/2016/LPG-THAIDUONG	Công ty CP Vận tải Dầu Khí Đông Dương	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
5	02/SD-THAIDUONG/2016	Công ty TNHH Một TV Khí công Nghiệp Sao Đỏ	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
6	08/2016/LPG-THAIDUONG	Công ty CP Khí Đốt Thái Dương	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
7	0106/2016/HĐNT/HV-TD	Công ty TNHH Thắp sáng tương lai Hưng Vượng	143.880.000.000đ	Không thời hạn	Thép tấm **
8	09/2014/HĐKT-TD	Đại lý Anh Tiệp	Hợp đồng nguyên tắc*	Không thời hạn	Khí hoá lỏng LPG
9	10/2014/HĐKT-TD	Đại lý Anh Tâm	Hợp đồng nguyên tắc*	Không thời hạn	Khí hoá lỏng LPG
10	11/2014/HĐKT-TD	Đại lý Anh Tiến	Hợp đồng nguyên tắc*	Không thời hạn	Khí hoá lỏng LPG
11	10/HĐKT/THAIDUONG-DIGICASH	Công ty TNHH Digicash Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
12	06/2016/LPG – THAIDUONG	Công ty CPTM Dầu Khí Tín Nghĩa	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
13	18/2016/LPG-THAIDUONG	Công ty CP Sản xuất Thương Mại Thái Dương	Hợp đồng nguyên tắc*	Năm 2016	Khí hoá lỏng LPG
14	01/2016/HĐHTKD	Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc	30.000.000.000đ	05 năm kể từ 09/2016	Hợp tác kinh doanh khí hóa lỏng

Nguồn: CTCP Thái Dương

Ghi chú: (*) Hiện tại, công ty thực hiện ký kết các hợp đồng nguyên tắc chung cho mỗi hợp đồng mua bán hàng hóa. Hàng hóa mua vào và bán ra được xác định rõ khối lượng và giá trị trên từng đơn đặt hàng cụ thể. Đồng thời, tính đến thời điểm hiện tại, công ty chưa tiến hành thực hiện ký kết các hợp đồng cho năm 2017 với các đối tác kinh doanh, vì vậy danh sách trên bao gồm một số hợp đồng đã hết hiệu lực.

(**) Công ty có mua thép tấm để thực hiện gia công làm vỏ bình gas.

Đối với các hợp đồng nguyên tắc được kê trong bảng trên, công ty và các đối tác đã thực hiện và đạt được giá trị, sản lượng cụ thể như sau:

Bảng 16. Tiến độ thực hiện các hợp đồng mua, bán hàng hóa của CTCP Dầu khí Thái Dương

TT	Số hợp đồng	Tên đối tác kinh doanh	Thời gian thực hiện HĐ	Tên sản phẩm dịch vụ	Sản lượng đã thực hiện (tấn)	Giá trị đã thực hiện (đồng)
1	02/2016/LPG-THAIDUONG	Công Ty CPKD khí hóa lỏng miền bắc	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	577.155	6.094.852.741
2	3012/2015/HDKT/HP-TD	Công Ty CPTM Dầu Khí Hải Phòng	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	1.004.694	10.729.101.222
3	001/2016/LPG-TA/TD	Công Ty THHH Tú An	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	735.620	7.761.976.428
4	04/2016/LPG-THAIDUONG	Công Ty CP Vận tải dầu khí Đông Dương	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	185.630	2.032.780.748
5	02/SD-THAIDUONG/2016	Công Ty TNHH MTV Khí công nghiệp Sao Đỏ	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	98.330	1.083.464.124
6	08/2016/LPG-THAIDUONG	Công Ty Khí Đốt Thái Dương	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	10.310.896	126.624.821.128
7	09/2014/HDKT-TD	Đại lý Anh Tiệp	Không thời hạn	Khí hóa lỏng LPG	607.940,93	9.322.268.392
8	10/2014/HDKT-TD	Đại lý Anh Tâm	Không thời hạn	Khí hóa lỏng LPG	782.148,91	11.966.167.499
9	11/2014/HDKT-TD	Đại lý Anh Tiến	Không thời hạn	Khí hóa lỏng LPG	650.943,96	9.682.205.379
10	10/HDKT/THAIDUONG-DIGICASH	Công Ty TNHH Digicash Việt Nam	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	6.262.801,93	81.118.181.818
11	18/2016/LPG-THAIDUONG	Công ty CP SX-TM Thái Dương	Năm 2016	Khí hóa lỏng LPG	31.176	481.818.182

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt 1 số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 17. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015	Q1/2017
Tổng giá trị tài sản	169.920.231.205	213.834.146.137	25,8%	239.024.168.273
Vốn chủ sở hữu	111.689.452.635	150.990.492.050	35,2%	154.673.573.248
Doanh thu thuần	110.586.863.821	221.797.566.406	100,6%	45.253.241.866
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.496.365.355	18.498.818.011	429,1%	3.683.081.198
Lợi nhuận khác	(225.484.287)	(358.684.982)	59,1%	0
Lợi nhuận trước thuế	3.270.881.068	18.140.133.029	454,6%	3.683.081.198
Lợi nhuận sau thuế	2.479.164.729	18.140.133.029	631,7%	3.683.081.198
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	71,11%	-	-
Tỷ lệ trả cổ tức	0%	10%	-	-
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân	3,68%	13,81%	275,3%	2,38%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2015, 2016 và BCTC Quý I năm 2017 của CTCP Dầu khí Thái Dương

Trong năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tăng đột biến so với năm 2015: cụ thể, Doanh thu thuần tăng 100,6%, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 429,1%, lợi nhuận trước thuế tăng 454,6%, lợi nhuận sau thuế tăng 631,7%. Nguyên nhân dẫn tới sự tăng đột biến này là do:

- Trong năm 2015, Công ty có thực hiện tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, số tiền thu được từ việc tăng vốn này được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trong đó có việc đầu tư vào việc mua thép gia công mới vỏ bình gas.

- Cũng trong năm 2015, Công ty được UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG” - mã số dự án 7314451353.
- Dự án “Đầu tư sản xuất chiết nạp LPG” là dự án đầu tư mới thực hiện tại địa bàn khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ) được hưởng ưu đãi về thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 218/2013/NĐ-CP về Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ thực hiện dự án sẽ được miễn thuế 2 năm đầu tiên (2016, 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (tương ứng năm 2018, 2019, 2020, 2021) do vậy trong năm 2016, Công ty không có chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Trong năm 2016, Công ty nhận được nhiều vỏ bình gas mới được đầu tư từ năm 2015, do vậy việc mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều thuận lợi, lượng bình dự trữ cũng như lượng bình tung ra thị trường tăng lên giúp đẩy nhanh sản lượng tiêu thụ, từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG” chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01/2016 cũng làm tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm kinh doanh, thu hút nhiều hơn các khách hàng trong khu vực giúp mở rộng thị trường dẫn tới tăng lượng sản phẩm đầu ra đẩy mạnh doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Ước tính lợi ích và hiệu quả từ dự án giúp tăng khoảng 101 tỷ đồng doanh thu và 14 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2016.
- Không những vậy, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần trong năm 2016 (86,72%) giảm hơn so với năm 2015 (93,06%) do mức giá nguyên vật liệu đầu vào (LPG) ổn định dựa trên giá trị nguyên vật liệu đầu vào ổn định và tình hình ổn định của thị trường gas, dầu khí trong và ngoài nước. Điều này dẫn tới biên lợi nhuận gộp của Công ty tăng lên giúp tỷ lệ tăng trưởng của lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh tăng lên.
- Đồng thời, tại thời điểm 01/01/2016 Công ty có thực hiện đánh giá và phân bổ lại thời gian phân bổ vỏ bình gas từ 15 năm xuống 10 năm theo quy định của Thông tư 118/2010/TT-BTC, việc điều chỉnh này đã làm giảm lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 (cụ thể trong bảng 18).

Ghi chú: Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Tuy nhiên, trong Báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội, số liệu đã được điều chỉnh lại do Công ty điều chỉnh thời gian phân bổ chi phí trả trước vỏ bình gas từ 15 năm xuống 10 năm theo quy định tại Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10/08/2010 về hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai từ năm 2010 đến

năm 2015 (cụ thể, mỗi năm điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế là 529.795.133 đồng, tương đương 413.240.204 đồng lợi nhuận sau thuế; tổng giá trị điều chỉnh là 3.178.770.798 đồng lợi nhuận trước thuế và 2.479.441.222 đồng lợi nhuận sau thuế) và điều chỉnh phân loại lại Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp. Cụ thể, so với số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế, số dư tại ngày 01/01/2016 đã điều chỉnh như sau:

Bảng 18. Bảng điều chỉnh số liệu so sánh trên BCTC đã kiểm toán năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Số dư trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số dư sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Chi phí trả trước dài hạn	261	9.543.895.998	(3.178.770.798)	6.365.125.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.502.311.300	(699.329.576)	802.981.724
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.168.893.857	(2.479.441.222)	3.689.452.635
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí bán hàng	25	0	6.185.127.051	6.185.127.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.175.023.114	(3.006.356.253)	3.168.666.861
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	6.675.136.153	(3.178.770.798)	3.496.365.355
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.449.651.866	(3.178.770.798)	3.270.881.068
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.491.045.915	(699.329.576)	791.716.339
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	4.958.605.951	(2.479.441.222)	2.479.164.729
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	876	(438)	438
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	1	6.449.651.866	(3.178.770.798)	3.270.881.068
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	1.093.033.909	3.178.770.798	4.271.804.707

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2016 của CTCP Dầu khí Thái Dương

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Những thuận lợi cơ bản

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dần đi vào ổn định và tăng trưởng. Đây chính là một trong những nhân tố cơ bản quyết định cho hoạt động có hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Công ty có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm trong ngành Gas – Khí hóa lỏng. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc sở hữu nhiều tấm bằng Thạc Sĩ kinh tế trong và ngoài nước. Công ty sở hữu tám cán bộ có bằng đại học, cao đẳng và trung cấp. Toàn bộ các cán bộ công nhân viên còn lại của Dầu khí Thái Dương đều tốt nghiệp trung học phổ thông.

Hệ thống phân phối với các đại lý và cửa hàng bán lẻ của Công ty đang được mở rộng trên địa bàn Hà Nội, Bắc Giang và một số tỉnh khác là một trong những lợi thế giúp Công ty nâng cao sản lượng bán, tăng doanh thu và tạo sự ổn định cho lao động của Công ty. Số lượng các đại lý cửa hàng hiện công ty đang trực tiếp cung cấp là 12 đại lý ở Hà Nội, 45 đại lý cửa hàng ở Bắc Ninh, 120 đại lý cửa hàng ở Bắc Giang. Con số này ở Thái Nguyên và Lạng Sơn là 15 và 18 đại lý.

Công nghệ tiên tiến, hệ thống kho bãi khá lớn và khang trang được đầu tư đồng bộ bởi công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài.

Bộ Tài chính cũng đã ban hành Quyết định số 81/2007/QĐ-BTC về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng khí hóa lỏng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Theo đó, thuế nhập khẩu đối với gas cũng giảm từ 5% xuống còn 2% và hiện nay là 0%. Theo tính toán của Bộ tài chính, hạ thuế có thể giúp giảm giá bán lẻ ít nhất 3.000 – 4.000 đồng mỗi bình. Điều này đem đến thuận lợi lớn cho các doanh nghiệp cung cấp mặt hàng gas-khí hóa lỏng nói chung và Dầu khí Thái Dương nói riêng.

❖ Những khó khăn chủ yếu

Tại thời điểm hiện tại, lượng vốn chủ sở hữu còn khá khiêm tốn làm hạn chế số lượng vỏ bình gas cần có của Công ty và đây cũng chính là khó khăn lớn nhất cho việc thúc đẩy Công ty đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh cũng như hợp tác kinh doanh với các đơn vị khác. Đồng thời, hệ thống marketing chưa thực sự mạnh mẽ để sẵn sàng đưa thương hiệu Gas Thái Dương trở thành một thương hiệu quen thuộc với người tiêu dùng trên toàn nước và các khu vực lân cận.

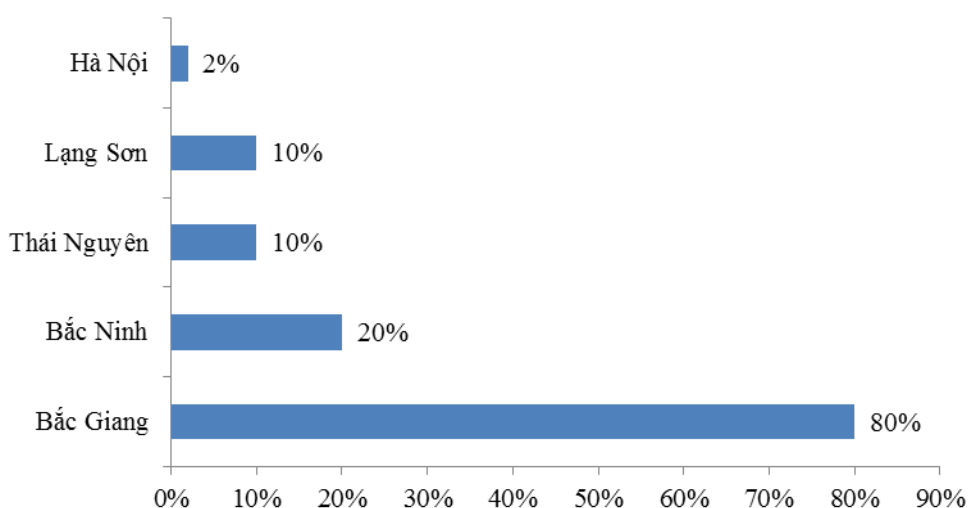
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Sản phẩm LPG đã có mặt tại miền Nam Việt Nam từ những năm 1957. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh, môi trường đầu tư thông thoáng hơn, ngày càng nhiều ngành nghề có nhu cầu sử dụng gas khá cao như: Nhà máy sản xuất gạch ceramic,

mỹ nghệ, gốm, công nghệ nhuộm, sản xuất bao bì, cho kênh nhà hàng khách sạn, sản xuất thép, thức ăn công nghiệp như chum cất thức ăn gia súc, ngành sơn tĩnh điện cho bàn ghế tủ xe máy, sơn công nghiệp. Bên cạnh đó, đời sống nhân dân được cải thiện đã kích thích nhu cầu tiêu dùng gas trong các hộ gia đình, thị trường ngày càng trở nên sôi động và tăng trưởng với tốc độ khá cao qua từng năm với sự tham gia của các công ty nổi tiếng trong nước và quốc tế như BP, Shell, Total, PTT, Petrogas.

CTCP Dầu khí Thái Dương là một doanh nghiệp tư nhân có cơ sở hạ tầng ổn định, tài sản đất đai là đất dự án thuê 50 năm với ưu đãi thuế của Nhà nước. Trong tương lai, Công ty dự định tìm kiếm đầu tư từ các đối tác chiến lược để tăng cường năng lực tài chính và khả năng sản xuất.



Biểu đồ 10. Thị phần Gas Thái Dương tại một số tỉnh

Nguồn: Thống kê lượng tiêu thụ gas 2016 của Thái Dương

Hiện nay, sản phẩm Gas Thái Dương là sản phẩm khí đốt hóa lỏng chủ đạo của tỉnh Bắc Giang, sản lượng sản phẩm của Công ty tại Bắc Giang chiếm đến 80% trên tổng lượng gas được tiêu thụ tại đây. Tiếp sau đó là các thị trường tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, sản phẩm Gas Thái Dương cũng chiếm thị phần tương đối lớn với con số lần lượt là 20%, 10%, 10%. Đây là những thị trường mà Công ty đặt mục tiêu tiếp tục tăng lượng sản phẩm tiêu thụ, mở rộng thị phần trong tương lai. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trên thị trường Hà Nội, và một số tỉnh thành khác. Thị trường Hà Nội mặc dù là một thị trường tiềm năng, tuy nhiên với áp lực về cạnh tranh với các đối thủ lớn như: Petrolimex, Thăng Long Gas, Việt Gas, ELFGas, và các hãng khác, cùng với yêu cầu của người tiêu dùng cao hơn, tỷ lệ thị phần của Công ty tại Hà Nội chỉ khiêm tốn với 2%.

Từ cơ cấu phân phối và thị phần trong ngành, có thể thấy, ngoài việc mở rộng sản xuất kinh doanh để tăng lợi nhuận, Dầu khí Thái Dương còn cần nỗ lực phát triển mạnh thương hiệu qua

những phương tiện truyền thông để tăng thị phần tại các thị trường khác ngoài Bắc Giang, đồng thời mở rộng phạm vi hoạt động sang các khu vực khác bao gồm trong nước và ngoài nước, đưa thương hiệu Thái Dương Gas đến với nhiều người tiêu dùng hơn, sẵn sàng cạnh tranh với các đối thủ lớn, tại các thị trường lớn và khó tính..

8.2. Triển vọng phát triển ngành

Nhu cầu tiêu thụ và biến động giá khí hóa lỏng trên thế giới

Khí hóa lỏng LPG (Gas) là sản phẩm của lọc dầu nên giá bán LPG phụ thuộc trực tiếp vào giá dầu. Chịu ảnh hưởng bởi xu hướng giảm của giá dầu, đồng thời nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng chậm trong năm 2016, đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng làm nhiên liệu sưởi ấm do thời tiết nóng, dẫn đến giá LPG thế giới trung bình năm 2016 giảm 86,9 USD/tấn, tương đương mức giảm 20% so với năm 2015, tiếp tục chạm đáy trong chuỗi giảm sâu của giai đoạn 2011 – 2015.

Thị trường LPG thế giới năm 2017 chứng kiến mức giá hợp đồng (contract price – CP, mức giá do Saudi Aramco – công ty dầu và khí tự nhiên lớn nhất thế giới công bố vào những ngày cuối cùng của tháng trước để áp dụng vào đầu tháng sau) tăng cao ngay từ tháng 1, đạt mức 465 USD/tấn, cao hơn 65 USD/tấn so với tháng 12/2016 và 97,5 USD/tấn so với tháng 01/2016.

Bảng 19. Giá CP trung bình của LPG trên thế giới giai đoạn 2011 – 2016

Đơn vị: USD/tấn

Tháng	2011	2012	2013	2014	2015	2016
1	927,5	880,0	955,0	1.105,0	447,5	367,5
2	815,0	1.025,0	910,0	970,0	465,0	300,0
3	840,0	1.205,0	895,0	862,5	480,0	305,0
4	882,5	992,5	812,5	807,5	465,0	335,0
5	970,0	852,5	755,0	817,5	470,0	352,5
6	890,0	722,5	757,5	835,0	422,5	347,5
7	890,0	597,5	792,5	830,5	410,0	302,5
8	860,0	775,0	820,5	790,0	382,5	287,5
9	827,5	950,0	862,5	765,0	330,0	307,5
10	775,0	995,0	835,0	750,0	362,5	355,0
11	780,0	1.020,0	895,0	605,0	415,0	415,0
12	795,0	980,0	1.162,0	560,0	467,5	400,0
Trung bình năm	849,8	916,3	871,0	800,6	426,5	339,6

Nguồn: Saudi Aramco, xem chi tiết tại:

<http://gasenergyaustralia.asn.au/reports-and-submissions/saudi-aramco-lpg-prices/>

Do nguồn cung ổn định nên giá LPG thị trường thế giới biến động chủ yếu theo mùa và chịu tác động của giá dầu thô thế giới. Theo đó, giá LPG giảm trong tháng 1, tháng 2, tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 12, tăng trong tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 9, tháng 10 và tháng 11.

Dự báo trong toàn bộ năm 2017, nhiệt độ thời tiết được dự báo tiếp tục ở mức cao so với trung bình nhiều năm có thể khiến nhu cầu tiêu thụ khí đốt tăng yếu (sản lượng LPG dân dụng chiếm 45% nhu cầu tiêu thụ LPG toàn cầu). Ngược lại, nhu cầu sử dụng LPG trong hóa chất (chiếm 36% nhu cầu tiêu thụ LPG toàn cầu) lại tăng mạnh do gia tăng sản xuất. Về phía cung LPG, sản lượng LPG sản xuất tiếp tục tăng mạnh do (1) OPEC lựa chọn không cắt giảm sản lượng dầu thô, (2) Sự xuất hiện các nhà máy lọc dầu mới ở châu Á (80% sản lượng LPG của châu Á được sản xuất từ lọc dầu). Kết hợp với việc chưa thấy dấu hiệu hồi phục trong giá dầu, IHS Energy dự báo giá LPG chỉ nhích nhẹ xung quanh mốc 500 USD/tấn.

Nhu cầu tiêu thụ và biến động giá khí hỏa lỏng tại Việt Nam

Thị trường LPG Việt Nam hình thành muộn hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới nhưng có tốc độ phát triển rất nhanh, giai đoạn 1998-2005 đạt tới 30%/năm. LPG - khí dầu mỏ hóa lỏng là hỗn hợp hydrocarbon nhẹ, chủ yếu gồm propane và butane, bảo quản và vận chuyển ở thể lỏng trong điều kiện áp suất trung bình ở nhiệt độ môi trường. Với lợi thế là chất đốt sạch, LPG là một trong những loại nhiên liệu quan trọng và phổ biến tại Việt Nam.

Nhu cầu tiêu thụ LPG tại Việt Nam tăng nhanh chóng, từ 400 ngàn tấn năm 2000 lên 810 ngàn tấn năm 2006; 1,173 triệu tấn năm 2010 và đạt khoảng 1,53 triệu tấn vào năm 2015; tăng 16% so với năm 2014. Các khu vực thị trường đều có sự tăng trưởng tốt, trong đó thị trường miền Nam và miền Trung tăng lần lượt 12% và 14%, riêng thị trường miền Bắc có tốc độ tăng trưởng vượt bậc, tăng 22% so với năm 2014. Nhu cầu tiêu thụ LPG trong năm 2015 tăng mạnh so với năm 2014 là do mặt bằng giá LPG rất thấp, kích thích nhu cầu tiêu dùng ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực dân dụng và thương mại. Theo dõi diễn biến nhu cầu tiêu thụ và thay đổi giá, Cục quản lý giá – Bộ Tài chính đã đưa ra những kết quả sau:

Trong năm 2016, tổng nhu cầu sử dụng LPG trong nước ước khoảng 1.450.000 tấn, tăng 4,62% so với năm 2015. Trong đó, nguồn cung LPG từ sản xuất trong nước của Nhà máy Dinh Cố và Dung Quất ổn định 672.000 tấn (bằng 46,34% nhu cầu); nguồn nhập khẩu khoảng 778.000 tấn (bằng 53,66% nhu cầu). Do được xác định trên cơ sở giá vốn nhập khẩu (giá nhập khẩu CP, chi phí vận chuyển và bảo hiểm –Premium, thuế nhập khẩu và tỷ giá,...) nên các doanh nghiệp kinh doanh LPG trong nước điều chỉnh giá bán LPG theo diễn biến giá LPG (giá CP) thế giới và biến động các chi phí liên quan ở mức tương ứng. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh LPG Việt Nam đã điều chỉnh giảm giá LPG trong nước khoảng 1.500 – 5.000 VNĐ/bình 12 kg. Tổng hợp tình hình giá LPG thế giới và giá bán lẻ LPG thị trường trong nước ở 2 khu vực chính (Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) năm 2016 cụ thể như sau:

Bảng 20. Giá LPG trên thế giới và tại Việt Nam năm 2016

Năm 2016	Giá nhập khẩu CP		KV Hà Nội		KV TP. Hồ Chí Minh	
	USD/tấn	% (+/- so với tháng trước)	VNĐ/bình 12kg	% (+/- so với tháng trước)	VNĐ/bình 12kg	% (+/- so với tháng trước)
Tháng 1	367,5	-21,39	301.000	-9,40	277.500	-10,00
Tháng 2	300	-18,37	278.500	-7,50	257.000	-7,40
Tháng 3	305	1,67	280.000	0,70	258.500	0,60
Tháng 4	335	9,84	286.000	2,10	268.000	3,70
Tháng 5	352,5	5,22	292.000	1,90	273.500	2,10
Tháng 6	347,5	-1,48	291.000	-0,30	272.000	-0,50
Tháng 7	302,5	-12,95	277.000	-4,81	258.000	5,43
Tháng 8	287,5	-4,96	272.000	-1,81	253.000	-1,94
Tháng 9	307,5	6,96	278.000	2,21	259.000	2,37
Tháng 10	355	15,45	294.000	5,76	275.000	6,18
Tháng 11	415	16,9	313.000	6,46	294.000	6,91
Tháng 12	400	-3,61	310.000	-0,99	291.000	-0,99

Nguồn: Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính

Triển vọng ngành khí hóa lỏng tại Việt Nam

Gas và dầu có ưu điểm cấp năng lượng sạch, dễ điều chỉnh và điều khiển tự động hoá cao, cho nhiệt độ cao và năng suất tỏa nhiệt lớn, không gây ô nhiễm môi trường, không gây nhiễm bẩn thực phẩm ngay cả khi tiếp xúc trực tiếp, độ an toàn cao do được hoá lỏng dưới áp suất thấp, không ăn mòn và tiện lợi trong vận chuyển, tồn trữ và sử dụng. Mặt khác, việc sử dụng gas góp phần giảm thiểu ô nhiễm, nâng cao chất lượng cuộc sống nên gas dần trở thành mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống hiện đại được sử dụng rộng rãi trong dân dụng, thương mại, nông nghiệp, là nguyên liệu đầu vào trong ngành hoá chất, các ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải. Cùng với đó, những chính sách mở cửa, khuyến khích và đầu tư trong và ngoài nước của nhà nước theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá, các ngành kinh tế, đặc biệt là khu vực công nghiệp cũng đều tăng trưởng sẽ kéo theo nhu cầu tiêu thụ gas gia tăng.

Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển rất mạnh cùng với thu nhập của người dân ngày càng cao giúp nhu cầu về khí hóa lỏng thời gian qua đã có tốc độ tăng trưởng nhanh và mạnh, khẳng định vị thế ngày càng cao của ngành. Mặt khác, ở nước ta thị trường Gas miền Bắc phát triển chậm hơn so với miền Nam. Lượng tiêu thụ Gas ở miền Bắc chỉ bằng 20% của cả nước. Lượng gas sử dụng bình quân ở Việt Nam chỉ đạt 2,66 kg/ người/ năm, vẫn còn kém xa các nước trong khu vực như Thái Lan 28kg/người/năm. Việc sử dụng LPG cho động cơ ô tô nhằm tránh ô nhiễm môi trường trong những năm tới sẽ phát triển mạnh. Giá điện sinh hoạt cao và thường xuyên mất ở thời điểm cao điểm, nên việc sử dụng gas càng có ưu thế trong tương lai. Vì vậy tiềm năng của thị trường này còn rất lớn.

Hiện tại nhu cầu sử dụng gas ở Việt Nam tập trung chủ yếu ở khu vực dân dụng, chiếm khoảng 65% nhu cầu sử dụng LPG. Các lĩnh vực thương mại và công nghiệp lần lượt chiếm 20% và 15%. Đây là cơ cấu tỷ lệ của thời kỳ đầu phát triển thị trường, cùng với đà phát triển của nhu cầu dân dụng thì nhu cầu sử dụng LPG cho công nghiệp và thương mại sẽ tăng dần do các khu vực này thường tiêu dùng với khối lượng lớn. Theo đánh giá của giới chuyên môn thì mức tăng trưởng hiện nay còn thấp so với tiềm năng của nhu cầu. Giá bán lẻ ở Hà Nội và các tỉnh lân cận là: 290.000 – 310.000 VNĐ/ bình (12kg) – tại thời điểm tháng 12/2016. Vì vậy mới chỉ có gia đình có thu nhập tương đối cao mới sử dụng LPG. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn tới nhu cầu sử dụng LPG của người dân Việt Nam trong những năm qua. Theo dự báo của Viện dầu khí Việt Nam, đến năm 2020 nhu cầu tiêu thụ LPG trong nước lên tới 2,2 triệu tấn, tốc độ tăng trưởng kép CAGR trong vòng 5 năm tới vào khoảng 8%/năm. Theo quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030, sản lượng LPG sản xuất trong nước sẽ tăng mạnh trong thời gian tới nhằm thay thế dần nguồn LPG nhập khẩu. LPG sản xuất trong nước dự kiến vượt 1.800 tấn sau năm 2020, đáp ứng trên 80% nhu cầu trong nước.

Như vậy, thị trường gas trong nước còn nhiều tiềm năng chưa khai thác, nguồn cung từ các nhà máy lọc dầu trong nước cũng được dự báo sẽ dồi dào hơn, do đó đây là cơ hội lớn để các doanh nghiệp kinh doanh khí gas gia tăng sản lượng, mở rộng quy mô, tiếp tục phát triển.

8.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh với các doanh nghiệp cùng ngành

Bảng 21. So sánh Thái Dương Gas với một số công ty trong ngành năm 2016

Đơn vị tính: đồng.

TT	Tên	Mã	Sàn	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Lợi nhuận sau thuế
1	CTCP CNG Việt nam	CNG	HSX	270.000.000.000	890.566.896.229	150.494.029.559	120.288.606.742
2	CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam	PGS	HNX	500.000.000.000	4.971.902.916.561	420.532.775.971	341.702.369.545
3	CTCP MTGas	MTG	UPCoM	119.999.950.000	270.121.817.631	3.624.760.501	4.001.228.999
4	CTCP Tập đoàn dầu khí An Pha	ASP	HOSE	373.399.290.000	1.336.478.322.448	6.084.834.892	18.830.397.257
5	CTCP Nhiên liệu Sài Gòn	SFC	HOSE	112.914.590.000	1.132.995.698.849	53.854.506.518	43.181.295.319

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016 của các công ty, riêng mã cổ phiếu ASP số liệu lấy tại BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016.

So với các công ty trong ngành khí đốt ngành dầu khí nói chung, Thái Dương Gas (tại thời điểm 31/12/2016, vốn điều lệ là 129 tỷ đồng, doanh thu thuần là khoảng 221,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế khoảng 18,1 tỷ đồng) có một vị thế chưa thực sự lớn mạnh. Tuy nhiên, điều này cần xét trên nhiều yếu tố. Các Công ty có mức doanh thu lớn rất nhiều so với vốn điều lệ hiện có như Công ty CP Khí hóa lỏng Miền Nam (doanh thu thuần là khoảng 4.972 tỷ đồng, vốn điều lệ là 500 tỷ đồng), đây đều là công ty thuộc tập đoàn dầu khí Việt Nam - có lịch sử hình thành lâu đời, đồng thời có sự hỗ trợ đặc lực từ phía công ty mẹ và tập đoàn về thị trường phân phối sản phẩm, về kỹ thuật sản xuất kinh doanh, nên đã góp phần không nhỏ vào thành công của những công ty này. Không những vậy, những công ty được so sánh với Thái Dương Gas ở trên đều kinh doanh các mặt hàng đa dạng hơn, ví dụ Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn ngoài kinh doanh khí hóa lỏng (LPG), SFC còn có các hoạt động kinh doanh khác, nổi bật là có rất nhiều cửa hàng xăng phân bố rộng khắp trên toàn TP. HCM mang lại một nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho các công ty này.

Như vậy, việc so sánh Thái Dương Gas và một số công ty được kể trên chưa đánh giá hết được vị thế của công ty trong cùng ngành. Bên cạnh đó, những báo cáo của Thái Dương Gas cho thấy, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Công ty đã chiếm tới khoảng 80% thị trường khí đốt chúng tôi, Công ty đã thương hiệu và vị thế chắc chắn trong khu vực đối với mặt hàng Khí hóa lỏng (LPG).

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Xu thế chung ngành khí hóa lỏng trên thế giới

Tại Hội nghị và Triển lãm ASCOPE lần thứ 10 tổ chức tại Việt Nam từ tháng 11/2013 với chủ đề “Đổi mới và hợp tác – Hướng tới tương lai”, báo cáo của Cơ quan kinh tế Quốc tế cho thấy: khu vực Đông Nam Á hiện vẫn đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, có nhu cầu sử dụng năng lượng nhiều hơn 2,5 lần so với năm 1990. Do đó các nhà hoạch định chính sách hiện đang giải quyết vấn đề bằng cách tăng lượng sử dụng than đốt lên nhiều hơn, mặc dù dầu và khí thiên nhiên vẫn là nguồn nhiên liệu chiếm ưu thế, nhưng lượng sử dụng than đá vẫn tiếp tục tăng mạnh.

Khí hóa lỏng vẫn là vai trò quyết định năng lượng sạch tương lai - một khu vực có tiềm năng phát triển các nguồn tài nguyên khí dồi dào, dễ dàng sử dụng và giá cả hợp lý về lâu dài. Theo dự đoán khu vực này có thể sử dụng nguồn năng lượng này trong vòng 250 năm với mức độ tiêu thụ như hiện nay. Con số cho thấy, cuối năm 2012 cả khu vực có 7,5 ngàn tỉ mét khối trữ lượng khí đốt được xác định, chiếm 3,5% tổng trữ lượng toàn cầu. Ông Duncan Van Bergen - Tổng Giám đốc phát triển thị trường của Global Gas and LNG, nhân hiệu kinh doanh Shell toàn cầu có trụ sở tại Châu Á phát biểu: “Shell tin rằng khí đốt là giải pháp nhiên liệu sạch trong tương lai và Châu Á sẽ tiếp tục là động cơ tăng trưởng của thế giới. Đến năm 2020, Shell dự đoán mức tiêu thụ điện sẽ tăng khoảng 25 - 35% so với năm 2012”.

Khí hóa lỏng phát thải lượng CO₂ ra môi trường có thể được chấp nhận về hàm lượng oxit lưu huỳnh, nitơ, oxit, hạt mịn và kim loại nặng chỉ bằng 1/10 so với các nhà máy sử dụng than đốt. Chi phí xây dựng các nhà máy điện sử dụng khí cũng thấp hơn đáng kể so với việc xây dựng mới các nhà máy điện sử dụng nguồn năng lượng khác và việc chuyển đổi từ than đốt sang khí hóa lỏng cũng là phương án tiết kiệm thời gian và chi phí nhất trong việc giảm lượng khí thải CO₂.

Cơ quan năng lượng Quốc tế IEA cũng đưa ra dự đoán: Nhu cầu về dầu, khí đốt và than đá có xu hướng gia tăng đến 2035, nhưng phần đóng góp của những nguồn năng lượng này trong cơ cấu năng lượng toàn cầu sẽ giảm từ 81% xuống 75% trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2035.

Định hướng của ngành và chính sách của nhà nước

“Tổng quan về hệ thống năng lượng Việt Nam và định hướng phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050” được trình bày tại Hội nghị Tham tán Thương mại 2011 đã đánh giá về tiềm năng phát triển các nguồn năng lượng tại Việt Nam, trong đó nhấn mạnh đến sự phát triển năng lượng dầu khí và tiềm năng phát triển của ngành dầu khí Việt Nam. Cụ thể, trong công nghiệp khí, sẽ tích cực phát triển theo hướng đa dạng hoá thị trường tiêu thụ; khí sẽ được cung cấp cho các ngành: sản xuất điện, phân bón, hoá chất, các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và dân dụng với qui mô sản lượng khoảng 19 tỉ m³/năm vào năm 2025; nghiên cứu kết nối hệ thống đường ống Đông – Tây Nam Bộ, đường ống dẫn khí xuyên quốc gia làm cơ sở kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á.

Đồng thời, tiến hành hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước cùng đầu tư nghiên cứu, áp dụng các giải pháp công nghệ hợp lý nhằm tận thu khí đang bị đốt bỏ tại các giàn khai thác, tách các sản phẩm có giá trị cao như etan, propan-butan (LPG), condensate nhằm nâng cao giá trị nguồn tài nguyên dầu khí. Phát triển, khai thác và đưa vào sử dụng các mỏ khí có hàm lượng CO₂ cao.

Phát triển dịch vụ dầu khí giai đoạn đến năm 2015 sẽ phấn đấu doanh thu dịch vụ kỹ thuật dầu khí đạt tốc độ tăng trưởng 15 – 20%/năm so với năm trước. Giai đoạn 2016 – 2025 Phấn đấu doanh thu dịch vụ kỹ thuật dầu khí đạt tốc độ tăng trưởng 20 – 25%/năm so với năm trước.

Định hướng phát triển của CTCP Dầu khí Thái Dương

Thái Dương hiện đang tập trung vào các hoạt động kinh doanh chính, gồm:

- Sản xuất, chiết nạp đóng bình gas
- Mua bán khí đốt hoá lỏng;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng hệ thống gas dân dụng và công trình công nghiệp;
- Dịch vụ sang nạp bình gas
- Dịch vụ giao nhận và bốc xếp hàng hóa
- Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm ngành dầu khí
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai
- Sản xuất, sửa chữa và bảo dưỡng vỏ bình gas
- Mua bán vỏ bình Gas (LPG), bồn chứa Gas (LPG)

Trong đó, trong thời gian tới, Công ty đặc biệt chú trọng vào mạng lưới kênh phân phối để mở rộng thị phần tiêu thụ gas. Công ty đã và đang tiến hành phát triển cùng lúc cả ba kênh phân phối trên và chú trọng mở rộng hệ thống cửa hàng bán lẻ. Đồng thời, Công ty đã nỗ lực xây dựng

và quảng bá thương hiệu của mình đối với khách hàng. Công ty luôn áp dụng và hoàn thiện chính sách chủ động tới thị trường trọng điểm và khách hàng để phản ứng kịp thời tới cầu tiêu dùng, đáp ứng 90% nhu cầu khách hàng, nâng cao tính chủ động trong việc phát triển thị trường địa phương, kiểm soát chi phí tốt hơn, tách các công việc mang tính tác nghiệp của khối văn phòng công ty để nâng cao vai trò giám sát và tập trung vào các nhiệm vụ chiến lược lâu dài, hướng tới mở rộng thị trường si đến các tỉnh.

Bên cạnh mở rộng thị trường mặt hàng kinh doanh chủ lực là gas, Thái Dương cũng đồng thời phát triển các hoạt động kinh doanh khác, như nước uống tinh khiết, để giảm sự bị động và phụ thuộc của Công ty vào những biến động của thị trường gas cũng là một trong những định hướng phát triển của Công ty.

Cùng với sự phát triển, đầu tư mở rộng của các nhà máy chế biến khí trong nước, tăng cường sử dụng năng lượng sạch bảo vệ môi trường, chiến lược kinh doanh tập trung vào gas và mở rộng thêm với nước uống tinh khiết của Thái Dương là phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường trên thế giới và Việt Nam, có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

9. Chính sách đối với người lao động

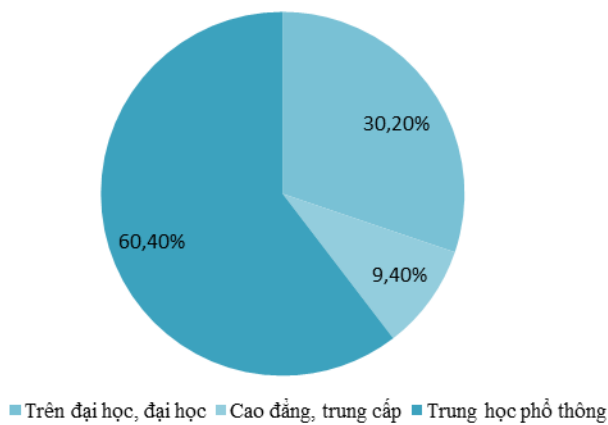
❖ Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 31/12/2016, số lượng lao động của Công ty là: 53 người

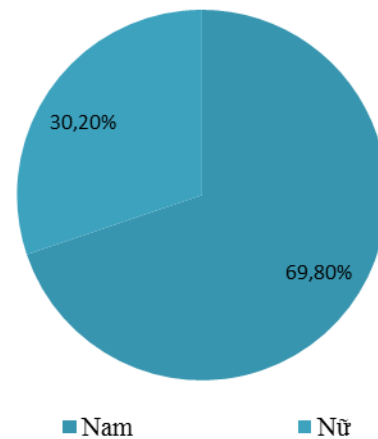
Bảng 22. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Loại lao động	Số lượng (Người)	Tỷ lệ
Phân theo trình độ học vấn	53	100%
Trên đại học, đại học	16	30,2%
Cao đẳng, trung cấp	5	9,4%
Trung học phổ thông	32	60,4%
Phân theo giới tính	53	100%
Nam	37	69,8%
Nữ	16	30,2%
Phân theo loại hợp đồng lao động	53	100%
Không thời hạn	32	60,4%
Có thời hạn	21	39,6%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương



Biểu đồ 11. Cơ cấu lao động của CTCP Dầu khí Thái Dương theo trình độ



Biểu đồ 12. Cơ cấu lao động của CTCP Dầu khí Thái Dương theo giới tính

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng số lượng lao động của CTCP Dầu khí Thái Dương là 53 lao động, trong đó, nếu phân chia theo trình độ học vấn, chiếm tỷ trọng lớn là số lao động có trình độ đại học, trên đại học (chiếm 60,4% tổng số lao động), thấp hơn là số lượng lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp (chiếm khoảng 30,2%) và thấp nhất là lượng lao động có trình độ trung học phổ thông (chiếm 9,4% tổng số lao động). Qua đây cho thấy, lao động của của Công ty đều là những lao động có tay nghề cao, được đào tạo bài bản. Cán bộ quản lý của công ty đều là những người có trình độ học vấn cao điều này góp phần không nhỏ vào khả năng quản trị công ty, hoạch định chính sách và đưa ra những đường lối đúng đắn cho công ty.

Nhìn trên khía cạnh phân loại lao động dựa trên giới tính, thì lao động của Công ty phần lớn là Nam (chiếm tỷ trọng 69,8%). Đây là một cơ cấu hợp lý vì công ty có các hoạt động sang, chiết nạp gas, đây là những công việc khá nặng, đòi hỏi người làm phải có sức khỏe tốt, do vậy phần lớn lao động của công ty chủ yếu là nam.

Ngoài ra, trong quý IV/2016, công ty có bổ sung một lượng lớn lao động theo hợp đồng có kỳ hạn (chiếm 39,6% tổng lao động của công ty tại thời điểm 31/12/2016). Vào thời điểm chuyển giao giữa hai năm, các mặt hàng đều có lượng tiêu thụ tăng cao, trong đó có mặt hàng khí đốt, do vậy lượng lao động theo hợp đồng có kỳ hạn được bổ sung để đáp ứng kịp thời các nhu cầu về cung cấp sản phẩm hàng hóa ra thị trường, đồng thời góp phần quản lý hiệu quả hơn các loại chi phí của công ty, đặc biệt là chi phí lao động.

❖ **Chính sách đào tạo lương thưởng, trợ cấp.**

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần. Điều kiện làm việc: Người lao động được đảm bảo điều kiện lao động phù hợp với tiêu chuẩn, được trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân theo quy định.
- Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập, để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng, hòa đồng với tập thể, gắn bó lâu dài với Công ty. Sau khi ứng viên nộp đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Tổ chức – hành chính xem xét hồ sơ và phỏng vấn sơ bộ, đề nghị Ban Tổng Giám đốc xem xét mời phỏng vấn chính thức. Ban Tổng Giám đốc quyết định việc chấp thuận ứng viên ký hợp đồng thử việc theo quy định của Luật lao động. Sau thời gian thử việc, Trưởng bộ phận căn cứ năng lực làm việc của nhân viên nhận xét vào Báo cáo thử việc của nhân viên thử việc, nếu đạt yêu cầu, nhân viên đó được Ban Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động chính thức.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng và chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khoá học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty. Những nhân sự được cử đi đào tạo được hưởng nguyên lương, được Công ty đài thọ toàn bộ kinh phí khóa học.

Ngoài các khoá huấn luyện và đào tạo do Công ty tổ chức, Công ty khuyến khích cán bộ – nhân viên tham dự các khoá đào tạo ngoài giờ làm việc. Sau khoá học nhân viên cung cấp văn bằng chứng chỉ tốt nghiệp, Công ty hỗ trợ thanh toán một phần kinh phí khoá học tùy thuộc vào kết quả đạt loại giỏi, khá, trung bình.

❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

Chính sách lương

- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo thời gian làm việc. Nhân viên được hưởng lương chính theo Hợp đồng lao động ký kết, các mức lương theo hợp đồng sẽ là căn cứ để Công ty tính khoản tiền đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật.
- Người lao động được trả lương làm thêm giờ khi làm việc ngoài thời giờ quy định theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật lao động. Lương làm thêm giờ thực trả được tính:
 - + Bằng 150% so với tiền lương thực trả của ngày bình thường;
 - + Bằng 200% so với tiền lương thực trả của ngày nghỉ hàng tuần;
 - + Bằng 300% so với tiền lương thực trả của ngày nghỉ lễ, tết.
- Mức lương bình quân qua các năm

Mức lương trung bình người/tháng	2014	2015	2016
	3.000.000	4.000.000	5.000.000

Mức lương bình quân qua các năm của Công ty có xu hướng tăng từ năm 2014 đến năm 2016. Công ty luôn chú trọng việc tăng lương và các chính sách đãi ngộ để cải thiện đời sống lao động của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Chính sách thưởng:

Hàng tháng, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV, Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần thưởng được trả theo quyết định khen thưởng.

Ngoài ra, vào cuối mỗi năm tài chính, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu cá nhân trong đánh giá định kỳ hàng tháng. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ Công nhân viên nhằm khen thưởng Công nhân viên theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc; tạo một môi trường thi đua lành mạnh để Công nhân viên phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh; đáp ứng nhu cầu được công nhận, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà Công nhân viên đã thể hiện.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:

Người lao động sau khi ký kết hợp đồng lao động có thời hạn 3 tháng trở lên sẽ được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định. Phụ cấp suất ăn giữa ca, suất ăn tăng ca, phụ cấp làm thêm giờ...Xe đưa đón Công nhân viên ở xa nơi công tác, xe ô tô phục vụ các chuyến đi công tác xa. Các chế độ phúc lợi: Sinh nhật, tang ma, cưới hỏi, đau bệnh, phụ cấp tàu xe đi đường khi về thăm quê...Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định Pháp luật. Chính sách An toàn - Sức khỏe - Môi trường hoàn thiện.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Năm 2015, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông vì Công ty dự định sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối để tái đầu tư và triển khai các dự án mới trong tương lai. Trong năm 2016, Công ty dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức là 10%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua phi chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp tính giá trung bình tháng.

Bảng 23. Giá trị hàng tồn kho năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017
Công cụ dụng cụ	240.166.171	246.234.809	246.234.809
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.226.900.000	81.110.998.188	81.124.481.833
Thành phẩm	6.039.891	4.434.981	4.434.981
Hàng hóa	4.965.590.013	15.323.847.677	22.163.384.971
Cộng	51.438.696.075	96.685.515.655	103.538.536.594
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	112.208.035	0	0
Giá trị thuần của hàng tồn kho	51.326.488.040	96.685.515.655	103.538.536.594

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý I năm 2017 của CTCP Dầu khí Thái Dương

Ghi chú: Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 và kỳ kế toán Quý I năm 2017, giá gốc của hàng tồn kho của công ty đã ghi trên sổ kế toán không cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của nó, theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng

tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

❖ **Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2015 là 4 triệu đồng/người/tháng và năm 2016 là 5 triệu đồng/người/tháng, với tổng số cán bộ công nhân viên là 53 người. Đây là mức thu nhập thuộc mức trung bình so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tính đến ngày 31/03/2017, Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ nào với các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán Trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.

❖ **Các khoản phải nộp theo quy định của nhà nước**

Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ kê khai và nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng luật và các quy định về thuế.

Bảng 24. Số dư các khoản thuế phải nộp năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	31/12/2015		31/12/2016		31/03/2017	
	Số phải nộp	Số còn nợ đến thời điểm hiện tại (25/05/2017)	Số phải nộp	Số còn nợ đến thời điểm hiện tại (25/05/2017)	Số phải nộp	Số còn nợ đến thời điểm hiện tại (25/05/2017)
Thuế GTGT hàng bán nội địa		0	5.138.228	0	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	791.716.339	0	0	0	0	0
Thuế thu nhập cá nhân	11.265.385	0	0	0	0	0
Tổng	802.981.724	0	5.138.228	0	0	0

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

❖ **Trích khấu hao TSCĐ**

Ban đầu, TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 5 – 25 năm
- Máy móc thiết bị: 5 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 5 – 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 3 – 8 năm
- Tài sản cố định khác: 5 – 10 năm

Tình hình trích khấu hao TSCĐ của Công ty trong năm gần nhất:

Bảng 25. Tình hình trích khấu hao TSCĐ năm 2015 và 2016

Đơn vị tính: Đồng

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	
	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016
Tại 01/01	2.684.942.590	3.160.235.828	2.429.593.269	2.797.780.627
<i>Tăng trong năm</i>	<i>475.293.238</i>	<i>428.452.974</i>	<i>368.187.358</i>	<i>362.018.584</i>
<i>Giảm trong năm</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tại 31/12	3.160.235.828	3.642.688.803	2.797.780.627	3.159.799.211
	Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý	
	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016
Tại 01/01	293.049.211	392.277.508	241.854.878	273.562.236
<i>Tăng trong năm</i>	<i>99.228.297</i>	<i>60.780.468</i>	<i>31.707.358</i>	<i>12.877.254</i>
<i>Giảm trong năm</i>	<i>0</i>	<i>222.997.372</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tại 31/12	392.277.508	230.060.604	273.562.236	286.439.490

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và 2016 của CTCP Dầu khí Thái Dương

Bảng 26. Tình hình phân bổ khấu hao TSCĐ trong Quý I năm 2017

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	TS Thuê tài chính	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý
Tại 01/01/2017	3.642.688.803	3.159.799.211	600.000.024	230.050.604	286.439.490
<i>Tăng trong năm</i>	<i>144.891.056</i>	<i>85.967.364</i>	<i>37.500.003</i>	<i>13.272.726</i>	<i>931.137</i>
<i>Giảm trong năm</i>					
Tại 31/03/2017	3.787.579.859	3.245.766.575	637.500.027	243.323.330	287.370.627

Nguồn: BCTC Quý I năm 2017 của CTCP Dầu khí Thái Dương

❖ **Trích lập các quỹ**

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện trích lập các Quỹ do dự kiến dùng nguồn lợi nhuận chưa phân phối để tái đầu tư và triển khai các dự án mới.

❖ **Dư nợ vay**

Công ty không có dư nợ quá hạn và không có dư nợ bảo lãnh, tính đến thời điểm 31/03/2017, Công ty có tổng các khoản vay dài hạn và ngắn hạn 50.698.548.518 đồng, cụ thể như sau:

Bảng 27. Tình hình dư nợ vay năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tổng dư nợ vay	Tại 31/12/2015	Tại 31/12/2016	Tại 31/03/2017
1	Vay và nợ ngắn hạn	45.725.973.000	47.706.298.518	50.698.548.518
2	Vay và nợ dài hạn	211.750.000	0	0
	Tổng cộng	45.937.723.000	47.706.298.518	50.698.548.518

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý I năm 2017 của CTCP Dầu khí Thái Dương

Trong đó chi tiết các khoản vay như sau:

Bảng 28. Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 31/03/2017

TT	Nội dung	Dư nợ vay hiện tại VND	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản thế chấp dùng cho khoản vay
1	Ngân hàng Agribank – CN Bắc Giang	26.550.000.000	07/12/2016-07/12/2017	7%	Vay sản xuất kinh doanh	Bất động sản và tài sản Công ty
2	Ngân hàng Vietcombank – CN Bắc Giang	17.994.548.518	17/06/2016-17/06/2017	7%	Vay sản xuất kinh doanh	Bất động sản và tài sản Công ty
3	Ngân hàng An Bình – CN Bắc Ninh	1.600.000.000	16/09/2016-16/09/2017	8%	Vay sản xuất kinh doanh	Bất động sản và tài sản Công ty
4	Ngân hàng Eximbank – CN Long Biên	2.400.000.000	04/08/2016	8%	Vay sản xuất kinh doanh	Bất động sản và tài sản Công ty
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.000.000.000	14/03/2017	8,7%	Vay sản xuất kinh doanh	Tín chấp
6	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	154.000.000				
	TỔNG CỘNG	50.698.548.518				

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Ghi chú: Các khoản vay cụ thể được liệt kê ở trên, công ty hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán khi đến hạn.

Trong đó:

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam - Chi nhánh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số 2500LAV201600470 ngày 07/12/2016, tổng hạn mức tín dụng là 25.500.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay của từng món không quá 06 tháng. Thời hạn vay và lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn để sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba và thế chấp tài sản của Công ty cụ thể:
 - ✓ Hợp đồng thế chấp số 20704198/HĐTC ngày 02/08/2012 và các Phụ lục hợp đồng thế chấp khác kèm theo (là máy móc thiết bị của CTCP Dầu khí Thái Dương);
 - ✓ Hợp đồng thế chấp số 40608016/HĐTC ngày 11/08/2014 và các phụ lục đi kèm (là nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà xưởng... của CTCP Dầu khí Thái Dương);
 - ✓ Hợp đồng thế chấp số 50806288/HĐTC ngày 10/02/2015 và các phụ lục hợp đồng (là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở - tài sản đảm bảo của bên thứ ba);
 - ✓ Hợp đồng thế chấp số 50806188/HĐTC ngày 07/01/2015 và phụ lục sửa đổi (là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - tài sản đảm bảo của bên thứ ba);
 - ✓ Hợp đồng thế chấp công chứng số 018904/2013 quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 15/05/2013 và các văn bản sửa đổi bổ sung (là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - tài sản đảm bảo của bên thứ ba).
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 065/16/HM/BG ngày 17/06/2016. Tổng hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm nhận nợ theo thông báo lãi của ngân hàng và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 358/13/HĐTC/BG ngày 06/11/2013 (là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở).

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 29. Tình hình công năm 2015, 2016 và Quý I năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Tình hình công nợ hiện nay	Năm 2015	Năm 2016	Quý 1/2017
I	Tổng Nợ phải thu	103.419.855.392	69.825.361.683	88.277.832.318
1	Nợ phải thu ngắn hạn	102.859.855.392	48.325.361.683	66.777.832.318
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	99.310.468.790	5.037.248.033	22.953.404.733
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	104.160	43.208.863.650	43.450.427.585
	Phải thu ngắn hạn khác	3.549.282.442	79.250.000	374.000.000
2.	Nợ phải thu dài hạn	560.000.000	21.500.000.000	21.500.000.000
	Phải thu dài hạn khác	560.000.000	21.500.000.000	21.500.000.000
II	Tổng nợ phải trả	58.230.778.570	62.843.654.089	84.350.595.025
1	Nợ ngắn hạn	58.019.028.570	62.843.654.087	84.350.595.025
	Phải trả cho người bán ngắn hạn	10.980.467.375	8.618.552.631	27.304.861.609
	Thuế và các khoản phải nộp NN	802.981.724	5.138.228	0
	Phải trả người lao động	245.304.922	345.018.256	188.331.794
	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	6.120.000.000	6120000000
	Phải trả ngắn hạn khác	49.221.720	48.646.454	38.853.104
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	45.725.973.000	47.706.298.518	50.698.548.518
	Dự phòng phải trả ngắn hạn	215.079.829	-	0
2	Nợ dài hạn	211.750.000	-	0
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	211.750.000	-	0

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC Quý I năm 2017 của CTCP Dầu khí Thái Dương

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

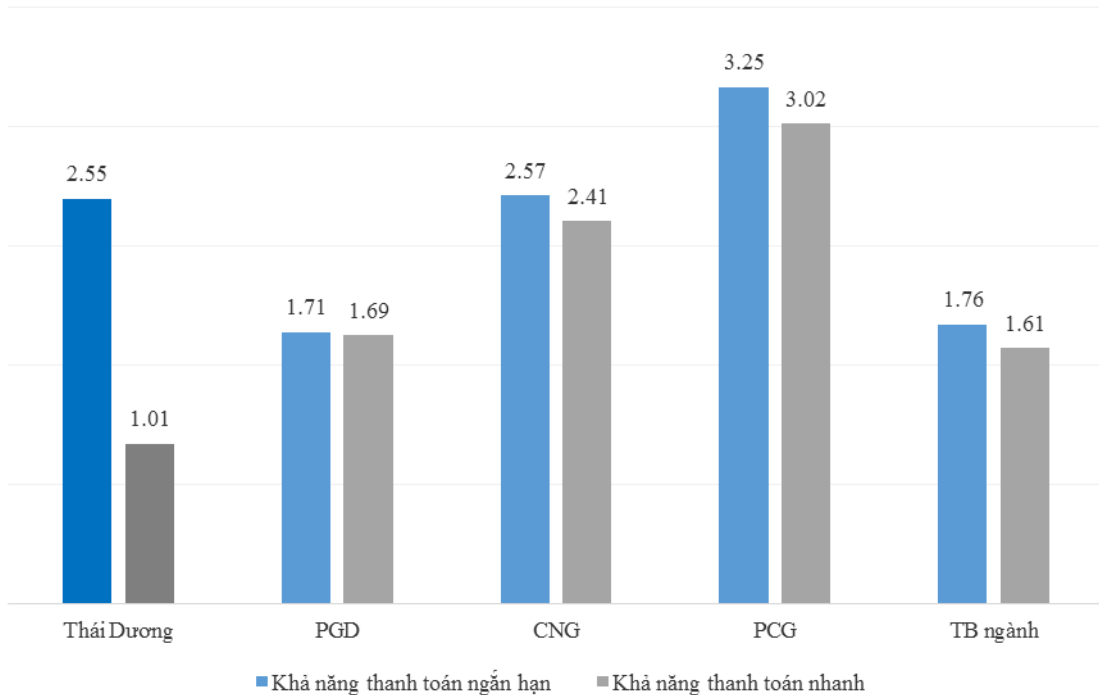
Bảng 30. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2015 và 2016

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,74	2,55
Hệ số thanh toán nhanh	1,86	1,01
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,29
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,52	0,42
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân	0,91	1,16
Vòng quay hàng tồn kho	3,89	2,60
Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	2,24%	8,18%
Hệ số LNST/VCSH bình quân	3,68%	13,81%
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	2,03%	9,45%
Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,16%	8,34%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 và 2016 của CTCP Dầu khí Thái Dương

❖ Nhóm chỉ số khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán của Thái Dương có sự giảm nhẹ từ năm 2015 sang 2016: khả năng thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,74 xuống 2,55 và khả năng thanh toán nhanh giảm từ 1,86 xuống 1,01. Mặc dù có sự giảm nhẹ về hệ số khả năng thanh toán của Công ty nhưng các chỉ số thanh toán đều lớn hơn 1 cho thấy Thái Dương có khả năng thanh toán tốt, vào 2016, tài sản ngắn hạn nói chung và tài sản lưu động có thể chuyển đổi nhanh thành tiền (đã loại trừ hàng tồn kho) nói riêng đều đủ để thanh toán nợ ngắn hạn.



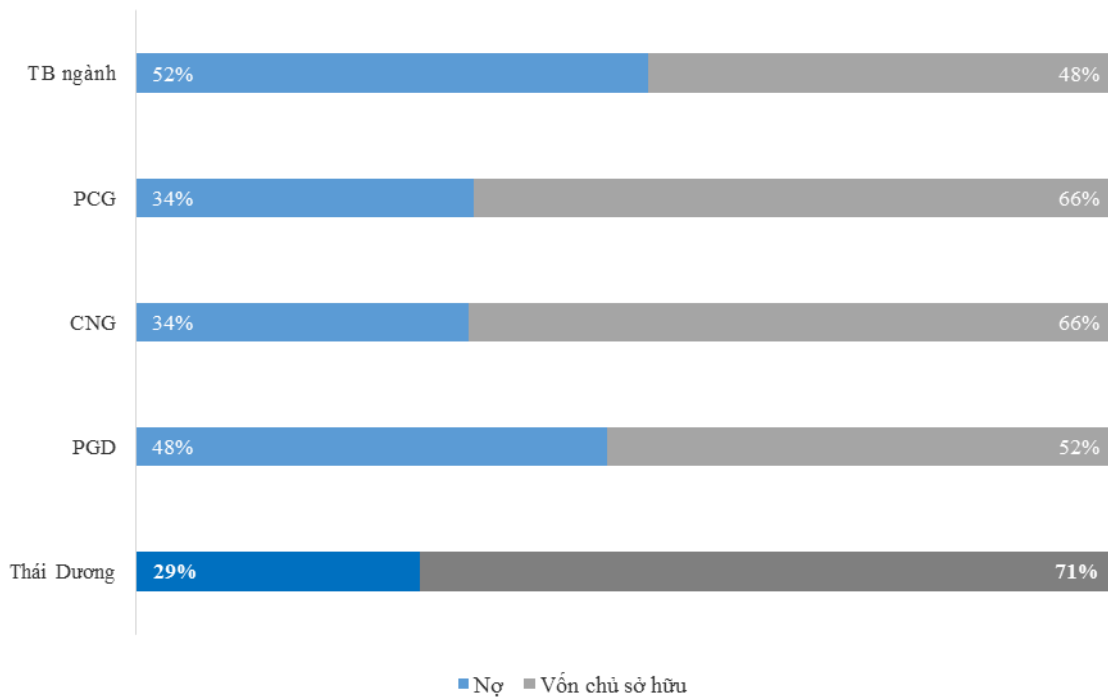
Biểu đồ 13. Khả năng thanh toán của Thái Dương 2016 và ngành khí Gas bình quân 4 quý gần nhất

(Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương)

So với trung bình ngành và một số công ty cùng ngành, gồm: CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PGD), CTCP CNG Việt Nam (CNG) và CTCP Phát triển gas Đô thị (PCG), có thể thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của Thái Dương tốt hơn trung bình ngành và không chênh lệch quá lớn với CNG và PCG. Như vậy, trong ngắn hạn, rủi ro thanh khoản, mất khả năng thanh toán của Thái Dương ở mức thấp, Công ty vẫn kiểm soát tốt dòng tiền, đủ khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn.

❖ Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Từ năm 2015 đến năm 2016 Công ty gần như không có sự dịch chuyển về cơ cấu vốn, tỷ lệ Nợ : Vốn chủ sở hữu vẫn ở mức 30% Nợ : 70% Vốn chủ sở hữu. Mặc dù trong năm 2016, Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 108 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng (tăng khoảng 19,4%) nhưng đồng thời, nợ phải trả của công ty cũng tăng lên tương ứng từ 58,93 tỷ đồng lên 62,84 tỷ đồng (tương đương 6,6%), khoản nợ phải trả tăng do phát sinh chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí gia công vỏ bình gas là 6,12 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2016.



Biểu đồ 14. Cơ cấu vốn của CTCP Dầu khí Thái Dương 2016 và ngành khí Gas 4 quý gần nhất

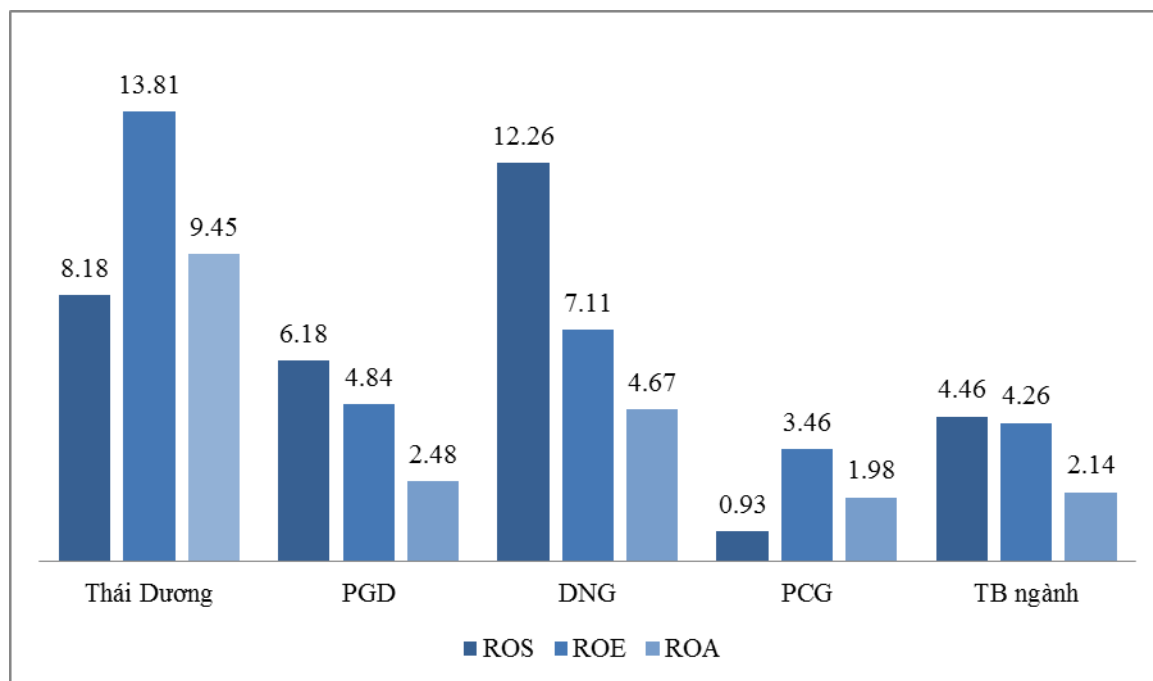
Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Từ hình có thể thấy, chiến lược dịch chuyển vốn của Thái Dương là phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành, tăng cường mức độ tự chủ tài chính, giảm thiểu áp lực vay nợ, tránh rủi ro lãi suất, song, cơ cấu vốn này chưa giúp Công ty tận dụng được đòn bẩy tài chính và lá chắn thuế để tăng tỷ suất sinh lời từ các khoản vay. Do tỷ lệ nợ vẫn thấp hơn mức trung bình ngành (52%) và các công ty trong ngành, cùng với khả năng thanh toán ở mức tốt, trong ngắn hạn, Công ty có thể tiếp tục vay nợ để mở rộng quy mô kinh doanh, tạo nguồn lực tiếp tục khai thác các thị trường mới, vượt ra ngoài phạm vi Bắc Giang như: Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên,...

❖ Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời và năng lực hoạt động

Nhìn chung so với 2015, trong năm 2016 tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) của Thái Dương tăng mạnh từ 3,68% lên 13,81%, tức nếu đầu tư 100 đồng vào Thái Dương, nhà đầu tư sẽ thu về được 13,81 đồng lợi nhuận. Đây cũng là một điểm sáng cho các nhà đầu tư có thể yên tâm góp vốn đầu tư vào Công ty. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) tăng từ 2,03% lên 9,45%, xuất phát từ tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu (ROS) tăng nhanh từ 2,28% lên 8,18%. Nguyên nhân do doanh thu năm 2016 tăng khoảng 111 tỷ đồng tương đương 100% so với 2015 trong khi đó giá vốn hàng bán chỉ tăng khoảng 90 tỷ đồng tương đương 88%. Đây cũng là nguyên nhân chính giúp cho Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần

của công ty tăng từ 3,16% (năm 2015) lên 8,34% (năm 2016) và chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản của công ty cũng tăng từ 0,91% lên 1,16%. Trong khi đó, hàng tồn kho trong năm 2016 tăng lên ảnh hưởng đến chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho trong năm 2016 giảm xuống còn 2,6% so với năm 2015 là 3,89%.



Biểu đồ 15. Khả năng sinh lời của CTCP Dầu khí Thái Dương 2016 và ngành khí Gas 4 quý gần nhất

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

So với mức trung bình ngành và một số công ty tiêu biểu trong ngành (Hình 6), có thể thấy, nhóm chỉ số tỷ suất sinh lời của Thái Dương ở mức cao, cao hơn rất nhiều so với mức trung bình ngành và các công ty khác trong ngành như PCG, PGD và cả CNG. Thay đổi rõ rệt trong nhóm tỷ suất sinh lời, nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2016, Thái Dương đã tăng vốn điều lệ thêm 21 tỷ đồng để sử dụng vào dự án “Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc để kinh doanh mặt hàng Gas - Khí hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”. Cùng với những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuê đất và các tiềm năng, lợi ích từ mở rộng quy mô sản xuất, dự án “Đầu tư sản xuất chiết nạp LPG” cũng giúp tăng khoảng 100 tỷ đồng doanh thu, giúp tăng lợi nhuận hơn 14 tỷ đồng so với năm 2015. Trong tương lai, các dự án được kì vọng hoạt động ổn định, tiếp tục đem lại doanh thu và lợi nhuận tương tự trong các năm tiếp theo, giúp nhóm chỉ số tỷ suất sinh lời ROS, ROA và ROE có triển vọng duy trì ổn định ở mức cao, có những ưu thế nhất định so với mức trung bình ngành và các công ty lớn trong ngành, đạt mức tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu từ 20-30%.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

❖ Danh sách các thành viên HĐQT

Bảng 31. Danh sách các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Võ Anh Thái	1962	001062000466	Chủ tịch HĐQT	1.500.000	11,628%
2	Lê Minh Hiếu	1975	001075002300	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	1.200.000	9,302%
3	Lê Thị Hồng Loan	1975	001175000790	Thành viên HĐQT	500.000	3,876%
4	Trần Đình Cơ	1959	042059000010	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	500.000	3,876%
5	Nguyễn Mậu Hoàng	1977	011831410	Thành viên HĐQT	0	0

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

❖ Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Ông VÕ ANH THÁI – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Võ Anh Thái
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/10/1962
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	001062000466, ngày cấp: 04/07/2013, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Bố Trạch, Quảng Bình
Địa chỉ thường trú:	Số 9 hẻm 74/13 ngõ Thịnh Hòa 1, Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, HN

Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế - Đại Học Ngoại Thương
Quá trình công tác:	
✓ 1979 - 1982	Học tại Học viện Kỹ thuật quân sự Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc
✓ 1982 - 1987	Sinh viên Đại học ngoại thương Hà Nội
✓ 1982 - 1988	Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội – Tiếng Anh
✓ 1993 - 1994	Cao học tại Học viện Quản lý kinh tế Hà Lan
✓ 1994 - 1998	Cao học tại Đại học ngoại thương Hà Nội
✓ 1988 - 2004	Chuyên viên Công ty XNK thiết bị toàn bộ và kỹ thuật, Bộ Thương mại
✓ 2004 - đến nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP sản xuất thương mại Thái Dương
✓ 2006 - đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
✓ 2007 - đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khí đốt Thái Dương
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP SXTM Thái Dương Hà Nội Chủ tịch HĐQT CTCP Khí đốt Thái dương
Số CP nắm giữ hiện tại:	1.500.000 cổ phần, chiếm 11,628% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	1.500.000 cổ phần, chiếm 11,628% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

Ông Lê Minh Hiếu – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Lê Minh Hiếu
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/05/1975
Nơi sinh:	Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Số CMND:	001075002300, ngày cấp: 06/09/2014, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	Số 407 phố Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngân hàng - Học Viện Ngân Hàng
Quá trình công tác:	
✓ 1992 - 1996	Học viện Ngân hàng Hà Nội
✓ 1997 -1999	Chuyên viên Công ty TNHH Dầu khí Hà Nội
✓ 1999 - 2001	Phó phòng tại Xí nghiệp Gas – Công ty xây dựng Hà Nội
✓ 2001 - 2006	Phó Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ và thương mại khí đốt Gia Định Hà Nội
✓ 2006 - đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dầu Khí Thái Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ hiện tại:	1.200.000 cổ phần, chiếm 9,302% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	1.200.000 cổ phần, chiếm 9,302% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

Bà Lê Thị Hồng Loan – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Lê Thị Hồng Loan
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	24/04/1975
Nơi sinh:	Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Số CMND:	001175000790, ngày cấp: 25/12/2013, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	P217-C3 – Vĩnh Hồ, Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại Học Kinh Tế Quốc Dân
Quá trình công tác:	
✓ 1993 - 1995	Trung học thương mại TW 1 chuyên ngành quản lý xăng dầu
✓ 1996 - 2001	Đại học Kinh tế quốc dân chuyên ngành kế toán
✓ 2002 - 2003	Chuyên viên tại Liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình VMC
✓ 2004 đến nay	Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Thái Dương
✓ 2013 – đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Dầu khí Thái Dương
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Kế toán trưởng, Phó Giám đốc CTCP sản xuất thương mại Thái Dương

Số CP nắm giữ hiện tại:	500.000 cổ phần, chiếm 3,876% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	500.000 cổ phần, chiếm 3,876% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

Ông Trần Đình Cơ - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Trần Đình Cơ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/04/1959
Nơi sinh:	Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Số CMND:	042059000010, ngày cấp: 24/06/2013, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	P55, gác 3F2, TT Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp Cơ khí
Quá trình công tác:	
✓ 1977 - 1980	Trung cấp cơ khí
✓ 1980 - 1984	Chuyên viên tại Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo – Hà Nội
✓ 1984 - 1987	Bộ đội binh chủng Phòng không – Không quân
✓ 1987 - 1990	Thực tập sinh tại Tiệp Khắc
✓ 1990 - 1994	Học tại chức kinh tế tài chính Hà Nội

✓ 1994 - 2000	Chuyên viên Công ty Cổ phần Thái Lan – Thức ăn gia súc
✓ 2000 - 2005	Chuyên viên Công ty TNHH dịch vụ và thương mại khí đốt Gia Định HN
✓ 2007 - 2014	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty Cổ phần Khí đốt Thái Dương
✓ 2014 - Đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Dầu Khí Thái Dương
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT - PGĐ CTCP khí đốt Thái dương – Lào Cai
Số CP nắm giữ hiện tại:	500.000 cổ phần, chiếm 3,876% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	500.000 cổ phần, chiếm 3,876% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

Ông Nguyễn Mậu Hoàng - Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Nguyễn Mậu Hoàng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/08/1977
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	011831410, ngày cấp: 06/10/2012, nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Việt Yên, Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	P209 tập thể TT xã Việt Nam, P. Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng,

	HN
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ 1998 - 2005	Chuyên viên kế toán tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội
✓ 2008 - 2009	Chuyên viên tư vấn TCDN tại Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
✓ 2009 - 2010	Trưởng nhóm tư vấn TCDN tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
✓ 2011 - 2014	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thiên Phong
✓ 2014 - 2015	Phó phòng tư vấn TCDN Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt
✓ 2015 - Nay	Trưởng phòng tư vấn TCDN tại Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng phòng tư vấn TCDN CTCPCCK An Phát
Số CP nắm giữ hiện tại:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	1.003.000 cổ phần, chiếm 7,775% vốn điều lệ

12.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

Bảng 32. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Lương Hải Yến	1986	121637749	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Dương Đình Chiến	1973	012560050	Thành viên BKS	1.000	0,008%
3	Trần Thị Thu Hương	1963	011395902	Thành viên BKS	300.000	2,326%
4	Lê Thị Mai Hòa	1969	001169000012	Thành viên BKS	400	0,003%

Bà Lương Hải Yến - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	Lương Hải Yến
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	26/07/1986
Nơi sinh:	Thành phố Bắc Giang
Số CMND:	121637749 do Công an Tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/05/2015
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Số 7, ngách 1, khu phố 6, phường Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc Dân
Quá trình công tác:	
✓ 2006 - 2008	Kế toán tại Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hoàng Giang, Bắc Giang
✓ 2008 - 2013	Sinh viên Trường đại học Kinh tế Quốc dân
✓ 2013 - 2014	Kế toán tại Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hoàng Giang, Bắc Giang
✓ 2014 - T3/2017	Kế toán tại Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
✓ T3/2017 - nay	Trưởng Ban kiểm soát

Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ hiện tại:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

Ông Dương Đình Chiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Dương Đình Chiến
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/01/1973
Nơi sinh:	Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Số CMND:	012506050, ngày cấp: 27/04/2013, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú:	P206 nhà I2, TT Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân; Chứng chỉ kế toán trưởng
Quá trình công tác:	
✓ 1990 - 1992	Trường Trung học Ngân hàng 1TW nay là Học viện Ngân hàng – Phân viện Bắc Ninh
✓ 1992 - 2001	Cán bộ Liên hiệp Khoa học sản xuất Mỏ - Hội Khoa học kỹ thuật Mỏ Việt Nam – 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội
✓ 1996 - 2001	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
✓ 2001 - 2005	Chuyên viên Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Thái Dương
✓ 2005 - Nay	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
✓ 2015 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
✓ 2015 - Nay	Hiện là học viên Cao học – Học viên công nghệ bưu chính viễn thông Việt Nam
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Thành viên Ban Kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Cán bộ Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Nội
Số CP nắm giữ hiện tại:	1.000 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	1.000 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Trần Thị Thu Hương
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	03/07/1963
Nơi sinh:	Thái Lan
Số CMND:	011395902, ngày cấp: 30/07/2010, nơi cấp: Công an TP. Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Đức Thọ, Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Số 30 Ngõ 172 Lạc Long Quân, phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kinh tế ngoại thương trường Đại học Ngoại Thương
Quá trình công tác:	
✓ 1988 - 2003	Cán bộ phòng Tổ chức Công ty XNK Mỹ nghệ Thăng Long - Bộ Thương Mại Công ty cử đi học chuyên tu tại Đại học ngoại thương, chuyên ngành kinh tế ngoại thương.
✓ 2003 - 2006	Phó Giám đốc CTCP Thương mại Xây dựng Đầu tư Bất động sản
✓ 2006 - Nay	Chuyên viên CTCP Đầu tư Bất động sản và Thương mại Thăng Long
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Thành viên Ban Kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chuyên viên CTCP Đầu tư Bất động sản và Thương mại Thăng Long
Số CP nắm giữ hiện tại:	300.000 cổ phần, chiếm 2,326% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	300.000 cổ phần, chiếm 2,326% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

Bà Lê Thị Mai Hòa – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Lê Thị Mai Hòa
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	16/11/1969
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	001169000012, ngày cấp: 12/10/2012, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	Số 35, ngõ 17, Mạc Thị Bưởi, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung Cấp kế toán.
Quá trình công tác:	
✓ 1986 - T10/1988	Sinh viên Trường Trung cấp Tài chính kế toán 1 - ngành Tài chính Kế toán Xí nghiệp Công nghiệp. (Hiện nay là Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)
✓ 1989 - 1990	Kế toán tại Công ty Vật liệu xây dựng Nội Thương Tây Bắc
✓ 1990 - 1992	Làm tự do
✓ 1992 - 2002	Kế toán Công ty TNHH Đề Can
✓ 2002 - 2005	Kế toán Công ty TNHH Tuấn Hòa
✓ 2005 - 2008	Kế toán Công ty CP Thương mại JST
✓ 2008 - 2010	Phó Tổng Tài Chính Công ty CP Khoáng sản TGM
✓ 2010 - 2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH CKC
✓ 2013 – T7/2016	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát
✓ T7/2016 đến nay	Thành viên kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương

Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ hiện tại:	400 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	400 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

12.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc

Bảng 33. Danh sách các thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Minh Hiếu	1975	001075002300	Thành viên HĐQT - TGĐ	1.200.000	9,302%
2	Ông Trần Đình Cơ	1959	042059000010	Phó TGĐ phụ trách kinh doanh	500.000	3,876%
3	Ông Nguyễn Hà Bắc	1986	121427371	Phó TGĐ phụ trách sản xuất	300.000	2,326%

Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Minh Hiếu – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc

(Chi tiết tại mục Sơ yếu lý lịch của Ông Lê Minh Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị)

Ông Trần Đình Cơ - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc

(Chi tiết tại mục Sơ yếu lý lịch của Ông Trần Đình Cơ – Thành viên Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Hà Bắc – Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất

Họ và tên:	Nguyễn Hà Bắc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/12/1986
Nơi sinh:	Hoàng Ninh, Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Số CMND:	121427371, ngày cấp: 09/01/2010, nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Hoàng Ninh, Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Thôn My Điền, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	
Quá trình công tác:	
✓ 2005 - 2008	Chuyên viên tại Công ty Giấy Nam Giang
✓ 2008 - Nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ hiện tại:	300.000 cổ phần, chiếm 2,326% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	300.000 cổ phần, chiếm 2,326% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	0 cổ phần

12.4. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Linh Hương – Kế toán trưởng

Họ và tên:	Nguyễn Thị Linh Hương
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	04/10/1984
Nơi sinh:	Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Số CMND:	125129035, ngày cấp: 11/06/2015, nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú:	Đường Lê Quý Đôn, P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp
Quá trình công tác:	
✓ 2005 - 2007	Kế toán tại Công ty dịch vụ điều hoà không khí Việt Nhật Veja
✓ 2007 - Nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương
Các chức năng công tác hiện nay tại công ty đại chúng:	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ hiện tại:	400.000 cổ phần, chiếm 3,101% vốn điều lệ
✓ Sở hữu cá nhân	400.000 cổ phần, chiếm 3,101% vốn điều lệ
✓ Sở hữu đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng tiếp theo
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ:	300.000 cổ phần, chiếm 2,326% vốn điều lệ

13. Tài sản

Tình hình tài sản cố định của CTCP Dầu khí Thái Dương tính đến thời điểm 31/12/2016:

Bảng 34. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2016

Đơn vị tính: đồng.

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	4.789.296.019	4.004.291.403	496.141.483	288.612.122	9.578.341.027
<i>Số tăng trong kỳ</i>	<i>1.401.800.545</i>				1.401.800.545
<i>Số giảm trong kỳ</i>			230.686.938		230.686.938
Số dư cuối kỳ	6.191.096.564	4.004.291.403	265.454.545	288.612.122	10.749.454.634
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.160.235.829	2.797.780.627	392.277.508	273.562.236	6.623.856.199
<i>Số tăng trong kỳ</i>	<i>482.452.974</i>	<i>362.018.584</i>	<i>60.780.468</i>	<i>12.877.254</i>	918.129.280
<i>Số giảm trong kỳ</i>			222.997.372		222.997.372
Số dư cuối kỳ	3.642.688.803	3.159.799.211	230.060.604	286.439.490	7.318.988.107
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.629.060.190	1.206.510.776	103.863.975	15.049.886	2.954.484.828
Tại ngày cuối kỳ	2.548.407.761	844.492.192	35.393.941	2.172.632	3.430.466.527

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016

Qua bảng tổng hợp tình hình tài sản của CTCP Dầu khí Thái Dương cho thấy, trong năm 2016, Công ty có biến động tài sản lớn ở chỉ tiêu Nhà cửa vật kiến trúc. Nguyên nhân của sự tăng lên này là do các công trình đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng với tổng nguyên giá là 1.401.800.545 đồng. Ngoài ra, công ty đã thanh lý phương tiện vận tải có nguyên giá là 230.686.938 đồng.

Ngoài tài sản cố định, công ty còn sử dụng một số tài sản thuê tài chính là máy móc thiết bị có nguyên giá là 1.500.000.000 đồng, tính đến thời điểm 31/12/2016, TSCĐ thuê tài chính này đã khấu hao hết 600.000.024 đồng, giá trị còn lại ghi trên sổ sách là 899.999.976 đồng.

Trong năm 2016, các tài sản cố định thuê tài chính của Công ty không có thay đổi, không có sự tăng giảm trong kì ghi nhận.

Bảng 35. Danh mục tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Bom chữa cháy	216.866.666	216.866.666	0
2	Bom Kor Ker	53.024.400	49.931.310	3.093.090
3	Bồn chứa gas	669.600.994	630.540.922	39.060.072
4	Hệ thống cân điện tử	295.238.095	278.015.851	17.222.244
5	Cân điện tử	76.190.476	76.190.476	
6	Đường GT nội bộ nhà máy nước, cổng nhà máy	154.545.455	126.212.132	28.333.323
7	Hạng mục CT ngoài Công ty: Khoan giếng, vỉa hè toàn công ty	158.513.636	147.946.062	10.567.574
8	Hệ thống an toàn	231.532.350	216.096.848	15.435.502
9	Hạng mục CT đường GT nội bộ, hệ thống thoát nước	590.909.090	523.572.451	67.336.639
10	Hệ thống van lắp cầu	50.891.825	43.682.172	7.209.653
11	Khoan	37.245.455	35.072.813	2.172.642
12	Máy phát điện	60.952.380	60.952.380	
13	Máy mở van bình	40.000.000	40.000.000	
14	Nền nhà chiết nạp gas	36.363.636	36.363.636	
15	Hạng mục CT nhà ăn ca, bể nước ngầm, móng sàn tram	581.818.181	547.878.794	33.939.387
16	Nhà giãn ca, nhà kho, nhà điều hành, nhà để máy phát điện	568.181.818	535.167.912	33.013.906
17	Hạng mục công trình khung nhà thép	260.524.762	245.327.500	15.197.262
18	Thiết bị gas	98.190.012	84.279.756	13.910.256

19	Thiết bị bồn gas	98.449.800	83.682.330	14.767.470
20	Hệ thống van	111.361.145	95.585.005	15.776.140
21	Trạm biến áp	118.181.818	111.287.855	6.893.963
22	Tài sản tự xây	160.846.049	144.761.457	16.084.592
23	Trụ chữa cháy	34.500.000	34.500.000	
24	Hạng mục công trình tường rào, nhà bảo vệ	222.727.272	209.734.867	12.992.405
25	Hệ thống tuyến ống	168.360.000	158.539.000	9.821.000
26	Van lắp cầu	60.945.924	60.945.924	
27	Hệ thống lọc nước	169.207.429	169.207.429	
28	Máy rửa chai	35.000.000	35.000.000	
29	Hạng mục công trình nhà máy SX nước TK	359.090.909	359.090.904	5
30	Hệ thống van một chiều	64.200.800	64.200.800	
31	Đầu cân A7	64.000.000	64.000.000	
32	Thiết bị lọc nước sạch	84.800.000	55.028.831	29.771.169
33	Bơm CorKen 2	37.498.500	22.811.606	14.686.894
34	Khu nhà bếp ăn, nhà VS	85.740.666	51.444.411	34.296.255
35	Máy chiết rót chai nước tự động	454.545.455	196.969.702	257.575.753
36	Thiết bị bồn chứa LPG	137.520.000	93.972.000	43.548.000
37	Bơm tăng áp RO	33.600.000	33.600.000	
38	Bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	870.681.818	523.466.877	347.214.941
39	Xe ô tô tải KIA 1.4 tấn	265.454.545	230.060.596	35.393.949
40	Nhà xưởng bảo dưỡng, sửa chữa vỏ bình gas	1.491.852.727	596.741.089	895.111.638
41	Hệ thống máy phun bi	800.000.000	320.000.008	479.999.992
42	Buồng sơn tĩnh điện	470.000.000	188.000.008	281.999.992
43	Buồng sấy sơn	204.000.000	81600.000	122.400.000
44	Máy hàn điện	26.000.000	10.400.008	15.599.992
45	Máy tháo van và vận van đa năng bình gas 12, 45 kg	38.500.000	23.100.008	15.399.992

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Căn cứ tình hình phát triển trong ngành dầu khí nói chung và ngành khí đốt nói riêng trong năm 2016, với mục tiêu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường phân phối sản phẩm Gas Thái Dương, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương xây dựng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với các nội dung sau:

Bảng 36. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2016	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần, trong đó:	290.000.000.000	30,75%	335.000.000.000	16%
- Gas Thái Dương	289.960.000.000	30,74%	334.940.000.000	15,51%
- Nước tinh khiết Thái Dương	40.000.000	337,25%	60.000.000	50,00%
Lợi nhuận gộp, trong đó:	39.000.000.000	32,41%	43.550.000.000	15,96%
- Gas Thái Dương	38.995.000.000	32,41%	43.542.500.000	11,66%
- Nước tinh khiết Thái Dương	5.000.000	131,22%	7.500.000	50,00%
Lợi nhuận sau thuế	30.000.000.000	65,38%	34.000.000.000	13,33%
Vốn chủ sở hữu	180.990.492.050	19,87%	214.990.492.050	18,79%
Tỷ lệ LNST/DTT	10,34%	26,49%	10,15%	-1,84%
Tỷ lệ LNST/VCSH	16,58%	37,97%	13,95%	-15,84%
Cổ tức	15,00%	50,00%	20,00%	33,33%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Kế hoạch trên được HĐQT thông qua ngày tại NQ số 2905/NQ-HĐQT đặt ra trên cơ sở xem xét về tiềm năng phát triển trong ngành khí đốt. Riêng kế hoạch năm 2017 này đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Dự kiến thị trường tiêu thụ khí đốt Việt Nam trong những năm tới dự kiến vẫn sẽ tăng trưởng mạnh do thu nhập của người dân tăng lên, nhu cầu sử dụng gas làm năng lượng trong sinh hoạt trong gia đình sẽ tăng cao vì những đặc điểm nổi bật của gas là sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn ngay cả khi tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Không những vậy, thị trường khí đốt hiện nay chủ yếu tập trung ở khu vực dân dụng, các khu vực thương mại và công nghiệp chiếm tỷ trọng không nhiều, dựa trên ưu điểm của gas và giá thành hợp lý, việc gia tăng sử dụng gas làm năng lượng để hoạt động sản xuất sẽ tăng cao, từ đó ngành gas sẽ tiếp tục phát triển trong thời gian tới. Dựa trên yếu tố này, Ban lãnh đạo công ty đã có những chủ trương về mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận, đặc biệt là thị trường Hà Nội, thị trường Bắc Ninh. Đồng thời, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 03 năm 2016 vừa qua đã tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh khí nói chung và Công ty

Cổ phần Dầu khí Thái Dương nói riêng có nhiều cơ hội để mở rộng thị trường phân phối sản phẩm, thâm nhập sâu hơn vào thị trường khí đốt trong và ngoài nước, mở rộng quy mô sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm. Tận dụng những cơ hội này, trong tháng 10/2016, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lần 07 từ 108 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng. Số tiền thu được từ đợt tăng vốn (21 tỷ đồng) sẽ được Công ty sử dụng vào mục đích Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc để kinh doanh mặt hàng Gas, khí hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh – đây cũng là một trong số những thị trường mục tiêu mà Công ty cần phát triển trong thời gian tới. Với tổng số tiền đầu tư 30 tỷ đồng vào dự án dự kiến đầu tư khoảng 16.500 vỏ bình gas và 1.500 tấn LPG tương đương tổng giá trị là 28,6 tỷ đồng. Từ đó, dự kiến mỗi năm sẽ bán được khoảng 2.000 tấn LPG giúp tạo ra khoảng 36 tỷ đồng doanh thu dự án và lợi nhuận sau thuế của dự án hàng năm khoảng 4,68 tỷ đồng. Vậy theo tỷ lệ góp vốn 70% trên tổng giá trị đầu tư vào dự án tương đương 21 tỷ đồng, hàng năm Công ty nhận được 25,2 tỷ doanh thu và 3,27 tỷ lợi nhuận. Dự án được dự kiến mang lại lợi nhuận cho Công ty bắt đầu từ năm 2017.

Không những vậy, kết quả của dự án đầu tư “*Sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG*” đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp – UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án vào ngày 11/08/2015 cũng sẽ hứa hẹn mang lại cho Công ty nhiều thành tựu mới. Theo đó, dự án dự kiến sẽ đem lại gần 130 tỷ doanh thu mỗi năm và khoảng hơn 12 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, điều này sẽ tác động rất lớn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

Đồng thời, chủ trương đưa cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán TP. HCM sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư, giúp công ty có nguồn vốn ổn định và an toàn, từ đó tiếp tục đầu tư mở rộng thị trường, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

❖ **Dự án “Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc”**

Ngày 10/10/2016, Công ty đã chính thức tăng vốn điều lệ từ 108 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng, số tiền thu được từ đợt tăng vốn (21 tỷ đồng) được sử dụng để Hợp tác kinh doanh mặt hàng gas, khí hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với Công ty TNHH Khí hóa lỏng Kinh Bắc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2016/HĐHTKD được hai bên kí kết ngày 26 tháng 09 năm 2016.

- **Mục đích Hợp tác kinh doanh:** Mở rộng phân phối sản phẩm Gas Thaiduong tại thị trường Bắc Ninh, nhằm tăng sản lượng bán LPG trong năm 2017 và các năm tiếp theo.
- **Tổng nguồn vốn đầu tư dự án:** 30.000.000.000 đồng.
- **Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương:** 70% tổng vốn đầu tư tương đương 21.000.000.000 đồng.
- **Thời gian thực hiện Hợp tác Kinh doanh:** 05 năm (60 tháng)

- **Lợi ích và hiệu quả:** Dựa trên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của công ty trong những năm vừa qua và những dự báo của thị trường trong tương lai, Công ty dự kiến kết quả thu được từ việc đầu tư hợp tác kinh doanh trên trong một năm như sau:

Bảng 37. Dự kiến thu nhập cho một năm hợp tác kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thành tiền	Lợi ích CTCP Dầu khí Thái Dương nhận được
1	Tổng doanh thu	36.000.000.000	25.200.000.000
2	Tổng chi phí	30.000.000.000	21.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	6.000.000.000	4.200.000.000
4	Thuế TNDN	1.320.000.000	924.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	4.680.000.000	3.276.000.000
6	Tỷ lệ Doanh thu/Vốn đầu tư	120%	120%
7	Tỷ lệ LNST/Vốn đầu tư	15,6%	15,6%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

- **Tiến độ thực hiện dự án:** Tính đến thời điểm ngày 01/10/2016, Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương đã thực hiện góp vốn đầy đủ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2016/HĐHTKD, số tiền là 21.000.000.000 đồng. Trong quý I năm 2017 dự án tiếp tục trong quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị. Dự kiến dự án chính thức đi vào hoạt động trong hai quý cuối năm 2017.

❖ **Dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG”**

Ngày 11/08/2015, Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương đầu tư vào Dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG”. Ngày 18/11/2015, Công ty được Ban Quản lý các Khu công nghiệp – UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án mang mã số: 7314451353.

- **Mục tiêu dự án:** Sang, chiết nạp khí gas; kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng “LPG”.
- **Quy mô dự án:** Sang, chiết nạp khí gas: Khoảng 600 tấn/tháng.

- **Địa điểm thực hiện dự án:** Nhà máy sản xuất bếp ga, sang nạp LPG và Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, lô D1 khu Công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- **Diện tích đất sử dụng:** 8.066 m², nằm trong phần diện tích thuộc Nhà máy sản xuất bếp gas, sang nạp khí hóa lỏng, Dự án sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai.
- **Tổng vốn đầu tư:** 100.000.000.000 (một trăm tỷ đồng Việt Nam), 100% vốn góp của doanh nghiệp trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- **Thời hạn hoạt động của dự án:** 38 năm 6 tháng (đến ngày 17/06/2054)
- **Tiến độ thực hiện Dự án:** 05 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cụ thể:
 - + Tháng thứ 1: Xây dựng nhà xưởng, văn phòng;
 - + Tháng thứ 2: Mua và lắp đặt máy móc và thiết bị;
 - + Tháng thứ 3: Tuyển dụng lao động;
 - + Tháng thứ 4 và thứ 5: Sản xuất thử và chính thức đi vào sản xuất.
- **Lợi ích và hiệu quả**

Bảng 38. Dự kiến lỗ, lãi cho một năm sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Danh mục	Thành tiền
Tổng doanh thu	129.600.000.000
Tổng chi phí	113.888.000.000
Lợi nhuận trước thuế	15.712.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.456.640.000
Lợi nhuận sau thuế	12.255.360.000

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

Dự án có thể tạo việc làm ổn định và có thu nhập cao cho khoảng 30 người lao động, với thu nhập bình quân khoảng 5.500.000 đồng/người/tháng. Đóng thuế cho nhà nước trên 3 tỷ đồng/năm.

- **Kết quả thực hiện dự án**

Tính đến ngày 30/04/2017, dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG” của Công ty đã chính thức đi vào hoạt động được 16 tháng (kể từ tháng 01/2016). Mặc dù Công ty chưa tiến hành tách riêng doanh thu và lợi nhuận của dự án, tuy nhiên theo con số ước tính của kế toán, sau hơn một năm thực hiện, dự án “Đầu tư sản xuất kinh doanh chiết nạp LPG” đã góp phần tăng doanh thu của công ty trong năm 2016 khoảng 101 tỷ đồng (đạt khoảng 78% so với dự kiến) đồng thời làm tăng lợi nhuận sau thuế năm 2016 lên khoảng 14 tỷ đồng (chỉ tiêu này đã vượt khoảng 14% so với kế hoạch đề ra). Trong Quý I năm 2017, dự án cũng đã góp khoảng 20,1 tỷ đồng doanh thu và khoảng 2,8 tỷ đồng lợi nhuận của Công ty. Như vậy, kể từ khi chính thức đi vào hoạt động đến 30/04/2017, tổng doanh thu và lợi nhuận ước tính thu được từ dự án là 130 tỷ đồng và 17 tỷ đồng.

- **Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

- + Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp: theo quy định tại theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 218/2013/NĐ-CP về Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ thực hiện dự án sẽ được miễn thuế 2 năm đầu tiên (2016, 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (tương ứng năm 2018, 2019, 2020, 2021).
- + Ngoài ra, dự án còn được hưởng các Ưu đãi về thuế nhập khẩu; Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất; Các biện pháp hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, CTCP Chứng khoán An Phát đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của CTCP Dầu khí Thái Dương, CTCP Chứng khoán An Phát cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương dự kiến trong năm 2017 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng

3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 12.900.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật về đăng ký niêm yết chứng khoán; và Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Tổng số cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết là **5.704.400** cổ phiếu tương đương với **44,220%** tổng số cổ phiếu và 50% số cổ phiếu nắm giữ trong thời hạn 06 tháng tiếp theo là **2.852.200** cổ phiếu tương đương với **22,110%** tổng số cổ phiếu.

Danh sách những người nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng, gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và các cổ đông lớn sau:

Bảng 39. Danh sách nắm giữ cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Thái Dương

TT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch	Chức vụ	Giới tính	Địa chỉ	Loại hình ID	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCP cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
I- Hội đồng quản trị												
1	Võ Anh Thái		Chủ tịch	Nam	Số 9 hẻm 74/13 Ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	CMND	001062000466	04/07/2013	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	1.500.000	(*)	11,628%
2	Lê Minh Hiếu		Thành viên	Nam	407 phố Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CMND	001075002300	06/09/2014	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	1.200.000	(*)	9,302%
3	Lê Thị Hồng Loan		Thành viên	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	CMND	001175000790	25/12/2013	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	500.000	(*)	3,876%
4	Trần Đình Cơ		Thành viên	Nam	Đông Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CMND	042059000010	24/06/2013	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	500.000	(*)	3,876%
5	Nguyễn Mậu Hoàng		Thành viên	Nam	Số 9 hẻm 74/13 Ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	CMND	011831410	06/10/2012	Hà Nội	0	(*)	0,000%
Tổng cộng										3.700.000		28,682%

TT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch	Chức vụ	Giới tính	Địa chỉ	Loại hình ID	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCP cá nhân/đại diện sở hữu	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu
II- Ban (Tổng) Giám đốc												
1	Lê Minh Hiếu											Chi tiết tại mục I.2
2	Trần Đình Cơ											Chi tiết tại mục I.4
3	Nguyễn Hà Bắc		Phó Tổng Giám đốc	Nam	Hoàng Ninh, Việt Yên, Bắc Giang	CMND	121427371	09/01/2010	Bắc Giang	300.000	(*)	2,326%
Tổng cộng										300.000		2,326%
III- Ban kiểm soát												
1	Lương Hải Yên		Trưởng ban	Nữ	Số 7, ngách 1, khu phố 6, P Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang	CMND	121637749	05/05/2015	Bắc Giang	0	(*)	0,00%
2	Dương Đình Chiến		Thành viên	Nam	Căn hộ 206 nhà i2, TT Phương Mai, phường Phương Mai, Đống Đa, HN	CMND	012506050	27/04/2013	Hà Nội	1.000	(*)	0,008%
3	Trần Thị Thu Hương		Thành viên	Nữ	Số 30 Ngõ 172 Lạc Long Quân, phường Bưởi, Tây Hồ, HN	CMND	011395902	30/07/2010	Hà Nội	300.000	(*)	2,326%
4	Lê Thị Mai Hòa		Thành viên	Nữ	Số 35, ngõ 17, Mạc Thị Bưởi, Hai Bà Trung, Hà Nội	CMND	001169000012	12/10/2012	Hà Nội	400	(*)	0,003%
Tổng cộng										301.400		2,336%

IV- Giám đốc tài chính – Thái Dương không có chức vụ Giám đốc Tài chính												
V- Kế toán trưởng												
1	Nguyễn Thị Linh Hương		Kế toán trưởng	Nữ	Đường Lê Quý Đôn, P. Suối Hoa, Bắc Ninh	CMND	125129035	11/06/2015	Bắc Ninh	400.000	(*)	3,101%
Tổng cộng										400.000		3,101%
VI- Người được uỷ quyền CBTT												
1	Lê Minh Hiếu (Chi tiết tại mục I.2)											
VII- Cổ đông lớn là người có liên quan đến HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng												
1	Công ty cổ phần Chứng khoán An Phát				Tầng 5 Toà nhà GrandBuilding, 30- 32 Hoà Mã, Hai Bà Trung, HN	Giấy ĐKKD	72/GCNTVLK	06/12/2007	UBCKNN	1.003.000	(*)	7,775%
Tổng cộng										1.003.000		7,775%
Tổng cộng mục I + II +III + IV + V + VI + VII										5.704.400		44,220%

Nguồn: CTCP Dầu khí Thái Dương

5. Xếp hạng tín nhiệm

Công ty chưa thuê tổ chức nào thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

6. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo các phương pháp sau:

- Phương pháp giá trị sổ sách;
- Phương pháp so sánh P/E (Chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần);
- Phương pháp so sánh P/B (Chỉ số giá cổ phiếu/giá trị sổ sách mỗi cổ phần).

6.1. Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách

Vốn chủ sở hữu – Tài sản cố định vô hình - Giá trị phần vốn cổ phần ưu đãi = Giá trị phần vốn cổ đông phổ thông. Giá trị phần vốn cổ đông phổ thông/Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành = Giá trị sổ sách/cổ phiếu.

Bảng 40. Giá trị sổ sách của cổ phiếu TDG tại các thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 31/12/2016
1	Vốn chủ sở hữu (A)	111.689.452.635	150.990.492.050
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	10.800.000	12.900.000
3	Giá trị mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)	10.342	11.705

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và năm 2016 của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương

6.2. Định giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/B (chỉ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- + P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B);
- + BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- + P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá cổ phiếu tại 31/12/2016: $P = BVS * P/B$ bình quân = $11.705 \times 1,09 = 12.700,16$ VND

Ghi chú: P/B bình quân là P/B trung bình ngành tại bảng 41.

6.3. Định giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/E (chỉ số giá cổ phiếu trên thu nhập của mỗi cổ phần).

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó: • P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

• EPS: Lãi cơ bản trên cổ phiếu

• P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông} - \text{Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ}}$$

$$= \frac{18.140.133.029}{11.325.000} = 1.602 \text{đ/cp}$$

Giá cổ phiếu: $P = EPS * P/E$ bình quân = $1.602 \times 7,92 = 12.683,16$ VND

Ghi chú: P/E bình quân là P/E trung bình ngành tại bảng 41.

Bảng 41. Chỉ số P/E và P/B năm 2016 một số công ty ngành Dầu khí

Mã CP	Sàn	Giá tại 30/12/2016	EPS	Giá trị sổ sách	P/E	P/B
CNG	HOSE	40.800	3.900	17.207,09	10,46	2,37
PGS	HNX	15.900	6.334	19.336,65	2,51	0,82
MTG	UPCoM	3.700	333	9.880,13	11,11	0,37
ASP	HOSE	3.840	504	10.305,34	7,62	0,37
SFC	HOSE	28.000	3.551	18.860,28	7,89	1,48
Trung bình ngành					7,92	1,09

Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu lấy tại BCTC đã kiểm toán năm 2016 đối với các mã CNG, PGS, MTG, SFC, riêng đối với mã ASP lấy tại BCTC hợp nhất đã kiểm toán và giá đóng cửa của các mã cổ phiếu tại ngày 30/12/2016 trên trang <http://www.stockbiz.vn/>

Trung bình giá cổ phiếu TDG theo 2 phương pháp so sánh P/E và so sánh P/B là: 12.691,93VNĐ/cp.

Bảng 42. Giá cổ phiếu TDG bình quân gia quyền theo các phương pháp

	Giá theo các phương pháp	Trọng số^(*)	Giá theo trọng số
BVPS (TDG)	11.705,00	70%	8.193,50
Giá theo phương pháp so sánh	12.691,93	30%	3.807,58
Giá CP bình quân			12.001,08

Ghi chú: (*) Do có sự khác biệt về quy mô của CTCP Dầu khí Thái Dương với các doanh nghiệp cùng ngành được so sánh nên Công ty để trọng số của phương pháp so sánh là 30% đối với việc áp dụng phương pháp này trong việc tính giá cổ phiếu của TDG.

Như vậy, giá cổ phiếu TDG được đề xuất là: 12.000 VND/CP

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM thì các cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, quy định:

- Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;
- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;
- Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Như vậy đối với CTCP Dầu khí Thái Dương, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Tại thời điểm hiện tại (25/05/2017), không có cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phiếu của công ty. Do đó nhà đầu tư nước ngoài được phép mua tối đa là 6.321.000 cổ phần tương đương 49% tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án sản xuất kinh doanh không nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi, nên được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính, cụ thể: Được miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của dự án đầu tư mới.

Thuế Giá trị gia tăng

Theo Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng thì Công ty áp dụng thuế suất 10% trên hàng hóa.

8.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân – Luật số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2012 thì:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Mức thuế suất đối với từng loại như sau

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY: KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)

Địa chỉ : Tầng 15 Tòa nhà Center Building HAPULICO Complex Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

Số điện thoại : 04.6664 2777 Fax: 04.6664 3777

Website : www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Trụ sở chính : Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Số điện thoại : 04.974.5080/81/82 Fax: 04.974.5083

Email : cpahanoi@fpt.vn

Website : www.cpahanoi.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà Grand Building, 30 -32 Hòa Mã, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại : 04.3941 0277 Fax: 04.3941 0323

Website : www.chungkhoananphat.vn

VII. PHỤ LỤC

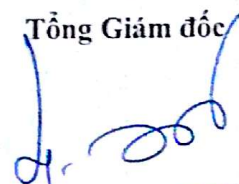
1. **Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp**
2. **Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết**
3. **Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết**
4. **Phụ lục IV: Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và năm 2016**
 - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của CTCP Dầu khí Thái Dương
 - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của CTCP Dầu khí Thái Dương

Bắc Giang, ngày 29 tháng 05 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ THÁI DƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Võ Anh Thái

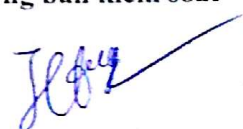
Tổng Giám đốc

Lê Minh Hiếu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Hương

Trưởng ban kiểm soát



Lương Hải Yến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Trần Thiên Hà

